

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ NAM KHÊ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – THÁNG 7/2024

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thu Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	P. Hiệu trưởng	P. Chủ tịch Hội đồng	
3	Trần Thị Lý	Tổ phó CM	Thư ký Hội đồng	
4	Lê Thị Bích Quyên	PHT - CTCĐ	Ủy viên Hội đồng	
5	Trần Trung Kiên	Thư ký HĐSP	Ủy viên Hội đồng	
6	Đào Thị Thu	Tổng PTĐ	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	Tổ trưởng CM	Ủy viên Hội đồng	
9	Bùi Thị Thu Hương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	7
1. Kết quả đánh giá	7
1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2,3.....	7
1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4.....	8
2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.....	8
PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	9
1. Số lớp học	10
2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường	10
3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....	11
4. Học sinh.....	12
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	15
1. Tình hình chung của nhà trường.....	15
1.1. Quá trình thành lập và phát triển	15
1.2. Chất lượng đội ngũ:.....	15
1.3. Cơ sở vật chất.....	16
1.4. Môi trường giáo dục	16
1.5. Các tổ chức đoàn thể	17
1.6. Các hoạt động giáo dục của nhà trường.....	17
2. Mục đích tự đánh giá	18
3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.....	18
3.1. Tóm tắt quá trình tự đánh giá	18
3.2. Về công cụ đánh giá	19
3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.....	19
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.....	20
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường ...	21
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	24
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.....	28
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng....	32
Tiêu chí 1.5: Lớp học	43
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.....	47

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	50
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.....	54
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	57
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.....	60
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:	66
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.....	67
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.....	67
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.....	71
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	78
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.....	81
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	83
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	84
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	85
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.....	87
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	90
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	93
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.....	98
Tiêu chí 3.6: Thư viện.....	101
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:	105
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	105
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	106
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	108
Kết luận về tiêu chuẩn 4:.....	112
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.....	112
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	113
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.....	117
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	121
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.....	124
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	127
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	130
Kết luận về tiêu chuẩn 5.....	135
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	135
Tiêu chí 1:	135

Tiêu chí 2:	137
Tiêu chí 3:	139
Tiêu chí 4:	140
Tiêu chí 5:	142
Tiêu chí 6:	144
Kết luận về Tiêu chí mức 4:	145
C. KẾT LUẬN CHUNG	146
PHẦN III: PHỤ LỤC	148

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nội dung
HSG	Học sinh giỏi
HSNK	Học sinh năng khiếu
CBQL	Cán bộ quản lý
CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
CMHS	Cha mẹ học sinh
CSTĐ	Chiến sỹ thi đua
GVDG	Giáo viên dạy giỏi
GVCNG	Giáo viên chủ nhiệm giỏi
CNTT	Công nghệ thông tin
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDPT	Giáo dục phổ thông
UBND	Ủy ban nhân dân
KHXH	Khoa học xã hội
KHTN	Khoa học tự nhiên
KHKT	Khoa học kỹ thuật
TDTT	Thể dục thể thao
TH&THCS	Tiểu học và Trung học cơ sở
TNTP	Thiếu niên Tiền phong
TNCS	Thanh niên Cộng sản
PTĐ	Phụ trách Đội
CBQL	Cán bộ quản lý
TTCM	Tổ trưởng chuyên môn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2,3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4		x	x	
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5		x	x	
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Khê

Tên trước đây: Trường Tiểu học Bạch Đằng, trường THCS Nam Khê

Cơ quan chủ quản: Phòng GDĐT Thành phố Uông Bí

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Quảng Ninh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thu Trang
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Uông Bí	Điện thoại	02033.850.474
Xã / phường/thị trấn	Nam Khê	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcsnamkhe/home.aspx
Năm sáp nhập trường (theo quyết định)	2019	Số điểm trường	0
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	2	2	2	2	2
Khối lớp 2	4	2	2	2	2
Khối lớp 3	3	4	2	2	3
Khối lớp 4	2	3	4	2	2
Khối lớp 5	3	2	3	4	2
Khối lớp 6	2	2	2	2	3
Khối lớp 7	2	2	2	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
Cộng	22	21	21	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
I	Phòng học, phòng bộ môn và khối phòng hỗ trợ học tập	44	43	43	43	43
1	Phòng học	22	21	21	21	21
a	Phòng kiên cố	22	21	20	20	20
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng bộ môn	14	14	14	14	14
a	Phòng kiên cố	14	14	14	14	14
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	08	08	08	08	08
a	Phòng kiên cố	08	08	08	08	08
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	13	13	13	13	13
1	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phụ trợ	09	09	09	09	09
	Cộng	65	65	65	65	65

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 5/2024):

Vị trí việc làm	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	02	0	
Giáo viên	38	36	02	0	37	1	
Nhân viên	2	2	0	0	02	0	
Cộng	43	40	02	0	41	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Số liệu		Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tổng số giáo viên	Khối tiểu học	22	23	22	20	22
	Khối trung học	18	17	17	16	16
Tỷ lệ giáo viên/lớp	Khối tiểu học	22/14 (1,57)	23/14 (1,64)	22/13 (1,69)	20/12 (1,66)	22/11 (2,0)
	Khối trung học	18/8 (2,25)	17/8 (2,25)	17/8 (2,25)	16/8 (2,0)	16/9 (1,77)
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	Khối tiểu học	22/495 (0,04)	23/487 (0,04)	23/504 (0,04)	20/464 (0,04)	22/378 (0,05)
	Khối trung học	18/334 (0,05)	18/365 (0,049)	17/343 (0,069)	16/328 (0,049)	16/382 (0,04)
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương		14(8) (bảo lưu: 6)	13(5) (bảo lưu: 8)	11(6) (bảo lưu: 5)	11(5) (bảo lưu: 6)	11(6) (bảo lưu: 5)
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên		1	1	1	1	1

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số học sinh	823	852	847	792	760
	- Nữ	414	420	422	400	360
	- Dân tộc	5	2	3	4	5
	- Khối lớp 1	80	81	87	63	71
	- Khối lớp 2	148	80	79	91	60
	- Khối lớp 3	103	150	79	78	90
	- Khối lớp 4	72	103	154	80	76
	- Khối lớp 5	93	73	105	152	81
	- Khối lớp 6	97	92	69	92	140
	- Khối lớp 7	94	98	90	71	91
	- Khối lớp 8	81	92	96	79	73
	- Khối lớp 9	60	83	88	86	78

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
2	Tổng số tuyển mới	80	83	81	87	71
3	Học 2 buổi/ngày	495	487	504	464	378
4	Bán trú	360	355	350	345	310
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số lượng học sinh /lớp học	TH: 35	TH:35	TH:36	TH:36	TH:31
		THCS:41	THCS:45	THCS:42	THCS:41	THCS:42
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	822 (99,87%)	852 (100%)	847 (100%)	792 (100%)	760 (99,86%)
	- Nữ	414	420	422	400	360
	- Dân tộc	5	2	3	4	5
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện / tỉnh	12	13	15	4	29
	- Nữ	10	11	15	2	20
	- Dân tộc	0	0	0	0	0
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	29	13	24	23	21
	- Nữ	13	8	9	10	7
	- Dân tộc	5	2	3	4	5
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	5	5	6	6	5
12	Tỷ lệ chuyển cấp	100%	TH:100% THCS:100%	TH: 100% THCS:100%	TH: 98,7% THCS:100%	TH: 100% THCS: 100

b) Kết quả giáo dục đối với trường trung học**Khối THCS**

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi (Tốt)	26,0%	24,7%	25,36%	21,04%	21,25%
Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá	43,4%	42,2%	43,79%	45,42%	45,4%
Tỷ lệ học sinh xếp loại TB (Đạt)	27,84%	30%	28,24%	31,4%	31,5%
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém (Chưa đạt)	2,69%	3,2%	2,61%	2,14%	1,75%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Tốt	90,12%	86,9%	86,95%	73,16%	71,13%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Khá	9,58%	14,5%	11,31%	24,7%	25,73%
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm, rèn luyện Trung bình	0,3%	1,6%	1,74%	2,14%	3,14%

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Trường TH&THCS Nam Khê tiền thân là Trường Tiểu học Bạch Đằng và Trường THCS Nam Khê. Tháng 8/2019 theo quyết định số: 6826/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố Uông Bí, hai trường được sáp nhập vào và mang tên Trường TH&THCS Nam Khê. Trường có khuôn viên rộng rãi với tổng diện tích sử dụng 10.830,1m² thuộc địa bàn tổ 5, khu Nam Tân, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí với 22 phòng học kiên cố và được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng dạy học.

Là trường liên cấp trong thành phố với hai cấp học nên nhà trường cũng gặp không ít khó khăn trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhưng bằng sự đoàn kết, nhất trí và quyết tâm vượt khó, nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín và chất lượng giáo dục, trở thành địa chỉ tin cậy khi cha mẹ học sinh gửi gắm con em mình đến trường. Bám sát những định hướng của ngành, nhà trường nghiêm túc thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, duy trì sĩ số học sinh gắn liền với đổi mới chương trình giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã triển khai có hiệu quả các hoạt động giáo dục, các phong trào thi đua, tăng cường nền nếp, kỷ cương, chủ động phối hợp với các lực lượng xã hội, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và giảng dạy.

Trong những năm học qua, nhà trường đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc được UBND Thành phố tặng giấy khen. Trường có nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, CSTĐ cấp tỉnh, GVĐG cấp thành phố và cấp tỉnh. Các thế hệ học sinh cũng không ngừng thi đua học tập và đạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp thành phố; tích cực tham gia và đạt huy chương vàng, bạc; giải nhất, nhì trong các cuộc thi văn nghệ - thể thao do Thành phố và Tỉnh tổ chức.

Tiếp tục duy trì truyền thống nhà trường, tập thể CB, GV, NV và học sinh trường TH&THCS Nam Khê đã và đang không ngừng phấn đấu vươn lên cùng nhau thi đua dạy tốt, học tốt để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, tạo niềm tin cho nhân dân, góp phần xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp.

1.2. Chất lượng đội ngũ:

Tập thể CB, GV, NV nhà trường đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, luôn đoàn kết và tâm huyết với nghề. Thời điểm hiện tại, nhà trường có 43 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong đó có 03 cán bộ quản lý, 38 giáo viên, 02 nhân viên (gồm 01 kế toán, 01 y tế). CB, GV, NV có trình độ đạt chuẩn 97,7%, trình độ Thạc sỹ (trên chuẩn) chiếm tỷ lệ 4,65%. 100% cán bộ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó, tỷ lệ khá và tốt đạt 97,37%. Chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ CB, GV, NV đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm, có bề dày kinh nghiệm trong công tác giáo dục, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Các đồng chí luôn phát huy tốt vai trò trong các hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường: công tác giảng dạy, công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Điều đó đã làm cho uy tín và chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao, xây dựng được niềm tin của cha mẹ học sinh và xã hội đối với nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hàng năm luôn duy trì đạt từ 70-80%, cấp thành phố 28%-30%, cấp tỉnh 6-9%, tỷ lệ giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường duy trì đạt 46%, cấp thành phố 20%. Nhiều thầy cô giáo đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, cấp tỉnh, được nhận Giấy khen của UBND thành phố, Giấy khen của Sở GDĐT, Bằng khen của UBND tỉnh.

1.3. Cơ sở vật chất

Trường TH&THCS Nam Khê có diện tích rộng 10830,1m² được đặt trong khuôn viên riêng biệt, diện tích bình quân đạt 14,2m²/học sinh (tính theo sĩ số học sinh ở thời điểm tháng 5/2024). Hiện tại nhà trường có bốn dãy nhà làm phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập và 2 dãy nhà làm khối phòng hành chính-quản trị, khối phụ trợ. Các dãy nhà làm phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập và 2 dãy nhà làm khối phòng hành chính-quản trị và khối phụ trợ được xây dựng kiên cố với tổng số: 22 phòng học, 14 phòng bộ môn, 08 phòng hỗ trợ học tập; 13 phòng thuộc khối hành chính-quản trị và 09 phòng khối phụ trợ.

Các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho học sinh và giáo viên trong nhà trường. Các phòng học còn được trang bị máy chiếu cùng hệ thống mạng LAN. Tất cả cơ sở vật chất trên đáp ứng cho đáp ứng tốt cho nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh trong các hoạt động dạy học.

1.4. Môi trường giáo dục

Trường TH&THCS Nam Khê nằm trên địa bàn phường Nam Khê, một địa phương có truyền thống thi đua học tốt trong thanh thiếu niên. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của phòng GDĐT, của Đảng ủy, chính quyền địa phương. CMHS và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và giáo dục học sinh

Nhà trường có cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, có khuôn viên thoáng mát, được bao quanh bởi tường rào chắc chắn, tách biệt với khu dân cư, an toàn về an ninh trật tự, môi trường sư phạm rất thuận lợi. Đội ngũ lãnh đạo, giáo viên và nhân viên nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, có năng lực chuyên môn khá vững vàng, có bề dày kinh nghiệm, đoàn kết gắn bó, thống nhất, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Từ nhiều

năm nay đội ngũ CB, GV, NV nhà trường đã phấn đấu, nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn mới. Đến nay, đội ngũ giáo viên của trường đã đủ điều kiện tiếp cận những đổi mới của ngành. Trường TH&THCS Nam Khê có tổng số 20 lớp học với 760 học sinh. Đa số học sinh nhà trường ngoan ngoãn, đặc biệt đội ngũ cán sự lớp là những em chăm ngoan, học giỏi, có năng lực tổ chức các hoạt động của lớp, xây dựng nền nếp tốt.

1.5. Các tổ chức đoàn thể

Nhà trường có tổ chức Chi bộ đảng gồm 37 đảng viên. Chi bộ đảng luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động trong nhà trường, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ giáo dục của ngành. Chi bộ hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Các tổ chức xã hội khác như Công đoàn, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ trường học, hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Hàng năm Công đoàn và Đội TNTP của nhà trường luôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1.6. Các hoạt động giáo dục của nhà trường

Nhà trường triển khai tích cực và hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo", phong trào thi đua "Dạy tốt - Học tốt" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", thực hiện nghiêm túc quy định về đạo đức nhà giáo theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ GDĐT, gắn việc thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua với việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tạo sự chuyển biến tích cực và rõ nét về chất lượng giáo dục.

Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng và đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học. Để nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường đã tập trung cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém.

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học được chú trọng, tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh nhà trường, tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Nhà trường liên tục được công nhận "Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích" và "Trường học an toàn về an ninh trật tự".

Nhà trường cũng thực hiện tốt việc phối hợp giáo dục giữa gia đình - nhà trường - xã hội, huy động mọi lực lượng của cộng đồng tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập, môi trường giáo dục an toàn, lành

manh, thân thiện và xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Các lực lượng xã hội luôn tạo điều kiện, ủng hộ nhà trường về vật chất, tinh thần để động viên, khen thưởng kịp thời các hoạt động của thầy và trò trong các đợt thi đua, góp phần hoàn thành nhiệm vụ các năm học.

2. Mục đích tự đánh giá

Kiểm định chất lượng giáo dục là một giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng giáo dục. Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Đó là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất. Qua đánh giá, giúp nhà trường thấy được hiện trạng chất lượng, điểm mạnh, điểm yếu, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sát thực và hiệu quả hơn. Kết quả tự đánh giá còn được dùng làm căn cứ để cơ quan cấp trên kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường, đồng thời là cơ sở để các cấp chính quyền, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội thực hiện việc giám sát, hỗ trợ cơ sở giáo dục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

Được sự chỉ đạo của Phòng GDĐT Ưông Bí, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, hàng năm trường TH&THCS Nam Khê đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục, chất lượng nhà trường với mục đích là làm rõ thực trạng về quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục, xác định và so sánh theo các tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung học xem nhà trường đã đạt đến mức nào so với chuẩn. Thông qua đó, nhà trường xác định rõ tầm nhìn, các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của nhà trường và đề ra các chiến lược, kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá, đề nghị Sở GDĐT Quảng Ninh đánh giá ngoài.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Tóm tắt quá trình tự đánh giá

Căn cứ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Hiệu trưởng trường TH&THCS Nam Khê đã ra Quyết định số 50/QĐ-TH&THCS Nam Khê ngày 18/9/2019 thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 09 thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã họp và nghiên cứu các văn bản hướng dẫn tự đánh giá, xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hội đồng tự đánh giá tổ chức, triển khai phổ biến các văn bản hướng dẫn tự đánh giá, mục tiêu đánh giá, phương pháp đánh giá đến toàn thể CB, GV, NV nhà trường. Yêu cầu tất cả các CB, GV, NV tham gia phối hợp với các thành viên Hội đồng tự đánh giá để hoàn thành kế hoạch tự đánh giá với hiệu quả cao nhất.

Quy trình tự đánh giá như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

3.2. Về công cụ đánh giá

Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào các văn bản hướng dẫn sau:

- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Công văn số 5932/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

- Công văn 1816/SGDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 07 năm 2019 về hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học từ năm học 2019-2020.

- Công văn 3106/HD-SGDĐT ngày 23/11/2018 của Sở GDĐT Quảng Ninh V/v thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn Quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018; 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018; 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thông tư số 56/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ Tài chính; Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, Luật an toàn thực phẩm 2010, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Luật Phòng cháy và chữa cháy 2001, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/ 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

- Danh sách mô tả các nội hàm và gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá.

3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, CBQL nhà trường đã huy động sự vào cuộc của toàn thể đội ngũ CB, GV, NV và sự tham gia của Ban đại diện CMHS. Mặc dù các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường đều

phải đảm nhiệm và hoàn thành những công việc cần thực hiện được giao trong năm nhưng tất cả đều nhận thức đúng đắn về mục đích, lí do của công tác tự đánh giá nên đều dành thời gian ngoài giờ làm việc của mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Hội đồng tự đánh giá giao cho.

Thực hiện quá trình tự đánh giá, nhà trường đã so sánh đối chiếu những kết quả đã đạt được của nhà trường với những yêu cầu trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Thông qua quá trình tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn đề ra, những mặt mạnh nổi bật và những mặt còn hạn chế của nhà trường đã bộc lộ một cách rõ ràng. Từ đó, nhà trường đã xây dựng được biện pháp cải tiến chất lượng cho từng nội dung hoạt động trong năm học tiếp theo.

Những mặt mạnh nổi bật: Trường TH&THCS Nam Khê có đội ngũ CB, GV, NV năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc cần thực hiện, tâm huyết với nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ khá vững vàng, có tinh thần đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ nhau trong công tác và đời sống. Đây chính là yếu tố tiên quyết tạo nên thành công trong công tác giáo dục, tạo nên chất lượng giáo dục vững mạnh của nhà trường trong năm học qua. Việc thực hiện phong trào thi đua trong nhà trường ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Chất lượng giáo dục toàn diện luôn là điểm mạnh nổi bật của nhà trường. Cùng với đó chất lượng giáo dục mũi nhọn vẫn được duy trì. Các thành tích, giấy khen của học sinh, cán bộ, giáo viên, của tập thể nhà trường là minh chứng cho chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong năm năm qua.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, MỨC 2, MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lí nhà trường

Tổ chức và quản lí nhà trường là vấn đề mang tính cơ sở, tiền đề để xây dựng nhà trường phát triển toàn diện. Sau khi sáp nhập, cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đã từng bước được củng cố, hoàn thiện, ổn định và đi vào hoạt động ngày càng hiệu quả. Trường TH&THCS Nam Khê có đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành thông tư 32/2020-BGDĐT gồm: Hội đồng trường, tổ chức chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đội TNTP, Ban đại diện CMHS, Hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, hệ thống lớp học... Các tổ chức trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo đã được quy định tại Điều lệ trường học ban hành thông tư 32/2020-BGDĐT, đã phát huy được vai trò của mình trong các hoạt động của nhà trường. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức chính quyền và các đoàn thể đã có sự phối kết hợp chặt chẽ với nhau dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đảng trong việc tổ chức và thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện theo mục tiêu cấp học, chương trình và kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học hằng năm. Để các hoạt động được diễn ra đúng hướng và đạt hiệu quả, nhà trường đã có đầy đủ hệ thống văn bản về tổ chức quản lí và điều hành các hoạt động trong nhà trường. Công tác quản lí, điều hành các hoạt động

của nhà trường hằng năm diễn ra đúng hướng chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và của ngành giáo dục.

Để thể hiện tầm nhìn đón đầu xu thế phát triển của toàn ngành và kinh tế của đất nước, nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giáo dục theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường 5 năm/1 lần và có rà soát điều chỉnh và bổ sung hằng năm. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục 2019, với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê được sáp nhập từ Trường tiểu học Bạch Đằng và trường THCS Nam Khê theo quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố Uông Bí. Xác định được tầm quan trọng của việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục, trường TH&THCS Nam Khê đã nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo của phòng GD&ĐT Uông Bí. Sau khi sáp nhập, nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 134/KH-TH&THCS NK ngày 04 tháng 11 năm 2019 điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020 cho phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và đã được phòng GD&ĐT Uông Bí phê duyệt. Ngày 04 tháng

01 năm 2021, nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 07/KH-TH&THCS NK về Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025. Nội dung kế hoạch Chiến lược nhà trường xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019. Mục tiêu chiến lược phát triển nhà trường là xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, nâng trình độ đội ngũ giáo viên đạt chuẩn từ 79,9% năm 2020 -2021 lên 100% năm 2024-2025, chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ khá trở lên là 85%, phát triển mạng lưới trường lớp duy trì 35 HS/ lớp (tiểu học), 45HS/ lớp (THCS), tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng mũi nhọn, trang bị cho học sinh các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và các hoạt động trải nghiệm. Tiếp tục trang bị thêm cơ sở vật chất nhà trường, các thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018, nâng cao hệ thống mạng internet, phủ sóng wifi toàn trường. Khi xây dựng văn bản phương hướng chiến lược, nhà trường còn căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Nam Khê lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 05/5/2020 và nghị quyết của Hội đồng nhân dân Phường Nam Khê hàng năm về định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với các nguồn lực hiện có của nhà trường về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất. **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].**

Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường thể hiện thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội và thách thức, các mục tiêu phát triển của nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng trường thống nhất thông qua nghị quyết Hội đồng trường ngày 08 tháng 01 năm 2021, được phòng GD&ĐT Uông Bí phê duyệt kèm theo quyết định số 139/QĐ-PGD&ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 **[H1-1.1-01].**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và CMHS thông qua phiên họp ngày 29 tháng 01 năm 2021 và bằng hình thức niêm yết tại văn phòng nhà trường đồng thời được đăng tải trên website của nhà trường theo địa chỉ:

<http://uongbi.quangninh.edu.vn/WebParts/Document/Layout/DownloadDocument.ashx?id=228772>; <http://uongbi.quangninh.edu.vn/thbachdang1/Home.aspx>

[H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giám sát, đưa ra các giải pháp nhằm đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; trong mỗi đợt giám sát đều có biên bản giám sát, thông báo kết luận giám sát được thông qua các phiên họp của hội đồng trường, hội đồng giáo dục, báo cáo sơ kết, tổng kết

hàng năm. Hằng tháng, nhà trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ giám sát việc thực hiện các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác trong nhà trường. Sau quá trình kiểm tra đều có các thông báo, kết luận kiểm tra trong đó sẽ đánh giá các ưu điểm, hạn chế và đưa ra kiến nghị, biện pháp điều chỉnh. Bên cạnh đó, theo kế hoạch từng năm các cấp kiểm tra định kì các hoạt động của nhà trường và đều có biên bản kiểm tra và kết luận. Trên cơ sở đó, nhà trường bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường ở những năm sau cho phù hợp [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1 - 1.1 - 02].

Mức 3:

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển, nhà trường đã rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển nhà trường cho sát với tình hình thực tế của đơn vị. Nhà trường đã bổ sung Kế hoạch số 134/KH-TH&THCSNK ngày 04/11/2019 về Kế hoạch điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch số 213/KH-NK ngày 16/6/2023 về Kế hoạch điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV và CMHS nhà trường [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục 2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Văn bản chiến lược của nhà trường được phòng GDĐT Uông Bí phê duyệt và niêm yết công khai tại nhà trường. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của từng giai đoạn.

3. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường chưa được nhiều CMHS và cộng đồng quan tâm nên chưa có sự tham gia góp ý của nhiều CMHS và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường hiện nay và định hướng phát	Hiệu trưởng	Phù hợp với tình hình thực tế	Từ đầu năm học 2024-2025	Không

triển kinh tế, xã hội của địa phương. Bổ sung kịp thời các biện pháp cụ thể, có tính khả thi vào chiến lược trong giai đoạn tiếp theo để đạt được các mục tiêu đã đề ra.				
Sử dụng đa dạng các kênh truyền thông để tuyên truyền Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (2021-2025): hệ thống phát thanh của phường, cổng thông tin điện tử nhà trường, thư điện tử, zalo, trang mạng xã hội, ...	UBND phường Nam Khê, CBQL, GVCN, GV phụ trách CNTT	Phù hợp với nội dung quy chế phối hợp giữa UBND phường và nhà trường, Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường (2021-2025)	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trường TH&THCS Nam Khê trước đây là Trường Tiểu học Bạch Đằng và Trường THCS Nam Khê. Tháng 8/2019 theo quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố Uông Bí, trường được sáp nhập và mang tên Trường TH&THCS Nam Khê **[H2-1.2-01]**. Trường TH&THCS Nam Khê có Hội đồng trường được thành lập đảm bảo cơ cấu thành phần đúng quy định tại Điều 10, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học). Hội đồng trường TH&THCS Nam Khê nhiệm kỳ 2019- 2024 được thành lập theo Quyết định số 944/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 9 năm 2019 Theo đúng Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ

GDĐT; Hội đồng trường TH&THCS Nam Khê nhiệm kì 2021-2026 được công nhận theo Quyết định số 815 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo đúng Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Hội đồng trường TH&THCS Nam Khê nhiệm kì 2021-2026 được kiện toàn theo Quyết định số 6177/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 Theo đúng Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường Nam Khê bao gồm có 07 thành viên: Bí thư chi bộ; Phó hiệu trưởng-Chủ tịch Công đoàn; Phó chủ tịch UBND phường phụ trách văn hóa giáo dục; đại diện các tổ Chuyên môn; đại diện tổ Văn phòng; đại diện CMHS trường và đại diện học sinh nhà trường do Chủ tịch UBND thành phố Uông Bí ra quyết định thành lập **[H2-1.2-02]**. Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, luật thi đua khen thưởng, các quy định của của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của Phòng GD-ĐT để thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng. Cơ cấu hội đồng thi đua khen thưởng đảm bảo đúng quy định: Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng là hiệu trưởng nhà trường, Phó chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng là phó hiệu trưởng nhà trường. Ủy viên Hội đồng thi đua khen thưởng gồm các thành viên là Chủ tịch Công đoàn, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, trưởng các đoàn thể của trường và giáo viên chủ nhiệm **[H2-1.2-03]**. Hằng năm, nhà trường đã thành lập các Hội đồng khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm GVDG; Hội đồng chấm GVCNLT; Hội đồng chấm SKKN; Hội đồng xét tốt nghiệp; Hội đồng tuyển sinh. Các hội đồng này có đầy đủ thành phần theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học **[H2-1.2-03]**.

Hội đồng trường thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại mục c, Điều 10, thuộc Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất ba lần trong một năm học; ngoài ra Hội đồng trường có phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: chịu trách nhiệm về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển của nhà trường trong từng năm học; quyết định về quy chế sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định về chủ trương, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt kế

hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng trường và thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục. Hoạt động của Hội đồng trường được minh chứng bằng kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường; quy chế, biên bản và nghị quyết, các báo cáo sơ kết và tổng kết của nhà trường **[H2-1.2-04]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]**. Hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hội đồng thi đua - khen thưởng xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức họp định kỳ vào đầu năm học, vào cuối các đợt thi đua của nhà trường, cuối học kỳ I, cuối năm học để xét thi đua, khen thưởng thường xuyên và định kỳ. Kết quả công tác thi đua - khen thưởng của nhà trường luôn được duy trì có hiệu quả là động lực để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường. **[H2-1.2-03]**. Các Hội đồng khác trong nhà trường do Hiệu trưởng thành lập và làm chủ tịch để tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường theo quy định tại Điều 12, thuộc Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng Thi đua khen thưởng Trường TH&THCS Nam Khê do Hiệu trưởng quyết định thành lập, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của hiệu trưởng, có chức năng tham mưu, giúp hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của nhà trường. Hội đồng xét tốt nghiệp và tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 do chủ tịch UBND thành phố ra quyết định thành lập, có chức năng giúp hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác xét tốt nghiệp lớp 9 và tuyển sinh đầu cấp **[H2-1.2-03]**.

Hội đồng trường TH&THCS Nam Khê thực hiện nhiệm vụ giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, hoạt động của các hội đồng thi đua khen thưởng, tư vấn, xét tốt nghiệp, tuyển sinh (*Thực hiện đăng kí thi đua của tập thể, cá nhân, công tác phổ cập, chỉ tiêu về chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn, chuyên môn nghiệp vụ, các phong trào thi đua, chương trình giảng dạy, tuyển sinh và xét tốt nghiệp...*); giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường (*công tác tuyên truyền, công tác công khai...*); giám sát các hoạt động của nhà trường (*thực hiện nhiệm vụ năm học, đổi mới quản lí giáo dục, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện chiến lược phát triển giáo dục...*). Hội đồng trường họp thường kì ba lần/1 năm học. Ngoài ra còn có phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Định kì Hội đồng trường và các hội đồng khác đều tiến hành rà soát,

đánh giá để rút kinh nghiệm qua các phong trào thi đua, từ đó có các giải pháp điều chỉnh và bổ sung [H1-1.1-07].

Mức 2

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã tư vấn và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Mỗi năm học, nhà trường đều thực hiện tốt việc tự kiểm tra để rà soát đánh giá các hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác xác định các Công việc cần thực hiện đã thực hiện tốt, những nội dung thực hiện chưa tốt, từ đó xác định các nguyên nhân và kịp thời điều chỉnh các biện pháp nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của các Hội đồng, được các cơ quan chức năng định kỳ rà soát, đánh giá; thể hiện trong các biên bản kiểm tra quy chế, các báo cáo sơ kết và tổng kết của nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác thông qua hồ sơ thi đua khen thưởng, các báo cáo, sơ kết, tổng kết năm học trường. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hội đồng trường tích cực hoạt động có hiệu quả, chỉ đạo các hội đồng tư vấn xây dựng kế hoạch bám sát nhiệm vụ năm học, nâng cao chất lượng trong nhà trường; bên cạnh đó tạo động lực cho tập thể, cá nhân hăng say lao động, phát huy hết tài năng của mình trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện [H2-1.2-05];[H1-1.1-06];[H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường đảm bảo cơ cấu, số lượng theo quy định. Đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường; quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, việc phân công nhiệm vụ với CBGVNV của nhà trường.

Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác được thành lập từ đầu các năm học đảm bảo cơ cấu, thành phần theo quy định, đồng thời quy định rõ, chức năng, nhiệm vụ của hội đồng, các thành viên trong hội đồng. Các hội đồng đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Thời gian sinh hoạt, rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện các nhiệm vụ của các hội đồng đã được định kỳ rà soát nhưng đôi khi còn chưa sâu và chi tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Hàng năm, nhà trường rà soát đội ngũ một cách sâu sắc, cụ thể để lựa chọn những đồng chí có năng lực, phẩm chất tốt đưa vào quy hoạch để bổ sung nhân sự cho các hội đồng.	Thành viên Hội đồng trường.	Phù hợp với quy định, năng lực của các thành viên	Định kì hàng năm	Không
Vào đầu năm học hoặc khi có thay đổi nhân sự, Chủ tịch HĐT tổ chức triển khai các văn bản hướng dẫn về hoạt động của HĐT một cách cụ thể, chi tiết để các thành viên trong hội đồng hiểu rõ chức năng nhiệm vụ của HĐT, từ đó thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường phải tự nâng cao trình độ của bản thân để có hiểu biết về quyền hạn, nhiệm vụ của HĐT và các HĐ khác trong nhà trường.	Chủ tịch Hội đồng trường, các thành viên trong hội đồng	Phù hợp với Kế hoạch công tác của nhà trường	Định kì hàng năm	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1**

Tại thời điểm đánh giá nhà trường có tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh. Các tổ chức này có cơ cấu tổ chức theo quy định. Tổ chức Công đoàn nhà trường trực thuộc Liên đoàn lao động thành phố Uông Bí, hiện có 43 công đoàn viên, được chia thành 5 tổ công đoàn. Ban chấp hành Công đoàn gồm 05 đồng chí (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 03 ủy viên). Do ngày 01/9/2019 trường TH&THCS Nam Khê được sáp nhập từ trường Tiểu học Bạch Đằng và trường THCS Nam Khê theo Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND thành phố Uông Bí nên Liên đoàn lao động thành phố yêu cầu công đoàn cơ sở tổ chức Đại hội công đoàn nhiệm kỳ 2019-2024. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành công đoàn nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 05 đồng chí (Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên); đồng chí Dương Thị Thủy được bầu làm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ 2019-2024 theo quyết định số 99/QĐ-LĐLĐ ngày 04/10/2019 của Liên đoàn lao động thành phố Uông Bí. Đến tháng 5 năm 2021 đồng chí Dương Thị Thủy được điều động về công tác tại trường liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc tế Stephen Hawking. Vì vậy, Công đoàn trường TH&THCS Nam Khê tiến hành bầu bổ sung ủy viên Ban chấp hành công đoàn và các chức danh công đoàn trường, đồng chí Vũ Thị Thu Huyền- Phó hiệu trưởng được bầu giữ chức danh Chủ tịch công đoàn trường nhiệm kỳ 2019-2024 theo quyết định số 37/QĐ-LĐLĐ ngày 02/6/2021 của Liên đoàn lao động thành phố Uông Bí. Do việc luân chuyển công tác cán bộ đối với đồng chí Vũ Thị Thu Huyền, đồng chí Lê Thị Bích Quyên - Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiểu học được bầu bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch công đoàn theo quyết định số 174/QĐ-LĐLĐ ngày 05/10/2023 của Liên đoàn lao động thành phố Uông Bí. Đội TNTP Hồ Chí Minh trực thuộc Hội đồng Đội thành phố Uông

Bí do đồng chí Đào Thị Thu làm tổng phụ trách. Đầu năm học, Liên đội tổ chức Đại hội bầu ra ban chỉ huy Liên đội **[H3-1.3-01]**.

Ban chấp hành Công đoàn hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường, thực hiện tốt chức năng tham gia quản lý nhà trường, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, người lao động, tuyên truyền đoàn viên thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Công đoàn nhà trường tổ chức tốt các hoạt động kỉ niệm ngày 20/10, 8/3; tặng quà tết cho đoàn viên công đoàn; kịp thời thăm hỏi, động viên các đoàn viên trong công đoàn khi gia đình có việc, triển khai hỗ trợ vay vốn của liên đoàn lao động thành phố đối với đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn **[H3-1.3-02]**. Liên đội nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như ngày 20/11, 22/12, 26/3, phát động các phong trào thi đua trong học tập, các cuộc thi đến các chi đội, tăng cường hoạt động của đội cờ đỏ, đội An toàn giao thông. CBQL nhà trường đã chỉ đạo Liên đội trưởng, phối hợp Đoàn thanh niên phường trong các hoạt động, tuy nhiên trong một số nội dung của tổ chức hoạt động chưa thật phù hợp với đối tượng học sinh 2 cấp nên hiệu quả chưa cao. Hội đồng đội thành phố động viên kịp thời những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó nhằm giúp các em có thêm động lực học tập. Ngoài ra, liên đội còn phối hợp với Đoàn thanh niên phường Nam Khê chăm sóc đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ hằng năm **[H3-1.3-03]**.

Các đoàn thể trong nhà trường thực hiện, rà soát, đánh giá kết quả hoạt động qua từng học kỳ, từng năm học nhằm rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với từng thời điểm. Hoạt động của các tổ chức được nhà trường rà soát, đánh giá hằng năm qua các Báo cáo sơ kết, tổng kết **[H3 - 1.3 - 02]; [H1-1.1-02]**.

Mức 2:

Chi bộ trường TH&THCS Nam Khê trực thuộc Đảng bộ phường Nam Khê. Từ năm 2019 đến năm 2024 Chi bộ đã trải qua 2 nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ 2020-2022, đồng chí Nguyễn Thành Cương- Hiệu trưởng nhà trường là Bí thư chi bộ, nhiệm kỳ 2022-2025, đồng chí Nguyễn Thu Trang - Hiệu trưởng là Bí thư chi bộ. Về cơ cấu tổ chức Ban chỉ ủy nhà trường gồm 05 đồng chí: 01 Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường, 01 Phó Bí thư Chi bộ là Phó hiệu trưởng nhà trường và 03 ủy viên. Hiện nay Chi bộ Đảng có 37 đảng viên đang sinh hoạt trong chi bộ. Thông qua các kỳ Đại hội, Chi bộ đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới. Hàng tháng, Chi bộ tổ chức sinh hoạt thường kỳ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng tháng tiếp theo. Chi bộ thực hiện tốt chức năng lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt hiệu quả. Hằng năm, Đảng ủy phường đều có kế hoạch kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng trong nhà

trường và đánh giá Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H3 - 1.3 - 04]; [H1 - 1.1 - 06]; [H3 - 1.3 - 05]; [H3 - 1.3 - 06]; [H1 - 1.1 - 02]**.

Các đoàn thể, tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường có đóng góp tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, hằng năm các tổ chức trên đều có các báo cáo đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm học. Đồng thời nhà trường cũng đánh giá các tổ chức trên thông qua báo cáo tổng kết năm học **[H3 - 1.3 - 02]; [H1-1.1-02]**.

Mức 3:

Trong 5 năm từ 2019 đến 2024, Chi bộ trường TH&THCS Nam Khê đã được Đảng ủy phường Nam Khê năm lần đánh giá, xếp loại đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2022 Chi bộ được tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào kiểm tra giám sát **[H3-1.3-06]; [H3 - 1.3 - 07]; [H1 - 1.1 - 06]**.

Các tổ chức Công đoàn và Đội TNTP có đóng góp tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương. Hằng năm, các tổ chức đoàn thể đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, được nhận Giấy khen của các cấp. Tuy nhiên, do công việc hiện kiêm nhiệm nên Ban chấp hành công đoàn tổ chức các phong trào thi đua với các hình thức chưa phong phú, đa dạng **[H3 - 1.3 - 07]; [H1 - 1.1 - 06]**.

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng chỉ đạo các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức đoàn thể luôn tư vấn cho nhà trường thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. Sau mỗi học kì, luôn thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động.

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định. BCH Công đoàn ngày càng trẻ hóa và sáng tạo nội dung hoạt động theo từng giai đoạn và đi đúng sự lãnh đạo của chi bộ Đảng.

Công đoàn đã tích cực tổ chức các hoạt động phong trào sáng tạo phong phú. Nhằm động viên, khích lệ các đoàn viên công đoàn tự nguyện tham gia vào các hoạt động. Đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Vì đặc thù là trường liên cấp nên một số hoạt động của Liên đội tổ chức còn gặp khó khăn do thời gian học 2 cấp lệch nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Chi bộ và nhà trường cần chỉ đạo Liên đội trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phù hợp về thời gian tổ chức, đối tượng học sinh ở 2 cấp học nhằm tạo hứng thú cho học sinh trong các hoạt động. Cuối mỗi kỳ có đánh giá, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng các hoạt động.	Chi bộ, nhà trường, liên đội	Nghị quyết của Chi bộ, Hội đồng nhà trường và kế hoạch tổ chức hoạt động	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ trưởng Bộ GDĐT như sau:

Stt	Năm/ Giai đoạn	Tên HT/PHT	Chức vụ	Số, ngày, tháng, năm của quyết định bổ nhiệm; cơ quan ban hành quyết định	Người kí QĐ
1	2019- 2024	Nguyễn Thành Cương	HT	QĐ số 6796/QĐ- UBND ngày 28/8/2019	Nguyễn Mạnh Hà
		Nguyễn Thị Thanh Huyền	Phó HT	QĐ số 6801/QĐ- UBND ngày 28/8/2019	Nguyễn Mạnh Hà
		Vũ Thị Thu Huyền	Phó HT	QĐ số 6802/QĐ- UBND ngày 28/8/2019	Nguyễn Mạnh Hà
2	2022- 2027	Nguyễn Thu Trang	HT	QĐ số 5808/QĐ- UBND ngày 30/8/2022	Phạm Tuấn Đạt
3	2023- 2028	Lê Thị Bích Quyên	Phó HT	QĐ số 4938/QĐ- UBND ngày 28/9/2023	Phạm Tuấn Đạt

[H4-1.4-01].

Nhà trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định (*tại Điều 12, thuộc Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*) được Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập vào đầu các năm học, cụ thể:

Stt	Năm học	Tên TT/TP	Chức vụ	Tổ CM	Trình độ	Ghi chú
1	2019- 2020	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT	KHXX	Đại học	
		Trần Thị Lý	TP	KHXX	Đại học	
		Vũ Thị Phương Liên	TT	KHTN	Đại học	
		Nguyễn Thị Nga	TP	KHTN	Đại học	
		Nguyễn Thị Hồng Vân	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Nguyễn Thị Thành Chung	TP	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Dương Thị Thủy	TT	Tổ 4,5	Đại học	
		Dương Thị Hương Xuân	TP	Tổ 4,5	Đại học	
		Nguyễn Thị Kim Anh	TT	Tổ VP	Cao đẳng	

Stt	Năm học	Tên TT/TP	Chức vụ	Tổ CM	Trình độ	Ghi chú
2	2020-2021	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT	KHXXH	Đại học	
		Trần Thị Lý	TP	KHXXH	Đại học	
		Nguyễn Thị Nga	TT	KHTN	Đại học	
		Vũ Thị Phương Liên	TP	KHTN	Đại học	
		Nguyễn Thị Hồng Vân	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Nguyễn Thị Thành Chung	TP	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Dương Thị Thủy	TT	Tổ 4,5	Đại học	
		Bùi Phương Dung	TP	Tổ 4,5	Đại học	
		Nguyễn Thị Kim Anh	TT	Tổ VP	Cao đẳng	
3	2021-2022	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT	KHXXH	Đại học	
		Trần Thị Lý	TP	KHXXH	Đại học	
		Nguyễn Thị Nga	TT	KHTN	Đại học	
		Vũ Thị Phương Liên	TP	KHTN	Đại học	
		Nguyễn Thị Thành Chung	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	Nghỉ việc từ T11/2021
		Dương Thị Hương Xuân	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	Bổ nhiệm từ T11/2021
		Vũ Thị Thu Hà	TP	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Nguyễn Thị Hồng Vân	TT	Tổ 4,5	Đại học	
		Bùi Phương Dung	TP	Tổ 4,5	Đại học	
		Nguyễn Thị Kim Anh	TT	Tổ VP	Cao đẳng	
4	2022-2023	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT	KHXXH	Đại học	
		Trần Thị Lý	TP	KHXXH	Đại học	
4	2022-2023	Trần Thị Huệ	TT	KHTN	Đại học	
		Đỗ Thị Hoàng Khanh	TP	KHTN	Đại học	
		Vũ Thị Thu Hà	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Đỗ Thị Huyền Trang	TP	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Nguyễn Thị Hồng Vân	TT	Tổ 4,5	Đại học	
		Bùi Phương Dung	TP	Tổ 4,5	Đại học	
		Nguyễn Thị Kim Anh	TT	Tổ VP	Cao đẳng	
5	2023-2024	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TT	KHXXH	Đại học	
		Trần Thị Lý	TP	KHXXH	Đại học	
		Trần Thị Huệ	TT	KHTN	Đại học	
		Đỗ Thị Hoàng Khanh	TP	KHTN	Đại học	

Stt	Năm học	Tên TT/TP	Chức vụ	Tổ CM	Trình độ	Ghi chú
5	2023-2024	Vũ Thị Thu Hà	TT	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Đỗ Thị Huyền Trang	TP	Tổ 1,2,3	Đại học	
		Nguyễn Thị Hồng Vân	TT	Tổ 4,5	Đại học	
		Bùi Phương Dung	TP	Tổ 4,5	Đại học	
		Nguyễn Thị Kim Anh	TT	Tổ VP	Cao đẳng	

[H4-1.4-02]; [H4-1.4-03]; [H1-1.1-02].

Các tổ chuyên môn căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ trưởng Bộ GDĐT và Công văn số 2281/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2020 của Sở GDĐT về việc tổ chức hoạt động tổ/nhóm chuyên môn từ năm học 2020-2021 đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định và đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm sau: Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ chuyên môn; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh của tổ chuyên môn; thực hiện tốt việc triển khai các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá gắn với đặc thù từng môn học trong Chương trình giáo dục theo từng cấp học; quản lý việc thực hiện hồ sơ, sổ sách của tổ chuyên môn, của giáo viên thường xuyên; tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đề xuất lựa chọn sách giáo khoa; thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công. Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch hoạt động ngay từ đầu năm học và có cập nhật, điều chỉnh, bổ sung hằng tháng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường. Các tổ chuyên môn nghiêm túc tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần trên 01 lần theo hình thức sinh hoạt thường xuyên và sinh hoạt theo chủ đề. Tổ chuyên môn hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên để phát triển năng lực chuyên môn. Trường có một tổ văn phòng gồm các nhân viên thực hiện công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học, bảo vệ và các công tác khác. Tổ văn phòng có 01 tổ trưởng theo quy định. Tổ văn phòng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ: Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng, giải trình và quyết định kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê và bảo vệ trong nhà trường theo quy định; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ văn phòng và của nhà trường đầy đủ; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường; thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công. Tổ Văn phòng họp 01 lần/tháng và có thể họp đột xuất theo yêu cầu Công việc cần thực

hiện hoặc khi hiệu trưởng yêu cầu. Tại các buổi sinh hoạt của tổ chuyên môn đã thực hiện cải tiến hình thức sinh hoạt dựa trên “Nghiên cứu bài học” song một số buổi sinh hoạt chưa đạt hiệu quả tối ưu [H4-1.4-04]; [H4-1.4-05].

Mức 2:

Hàng năm, các tổ chuyên môn đã tiến hành xây dựng và thực hiện các chuyên đề, các buổi sinh hoạt theo chủ đề như sau:

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
1	2019 - 2020	1.Đổi mới phương pháp dạy học môn TV lớp 3 (phân môn LTVC)	29/11/2019	Tổ 1,2,3	Dương Thị Lành-báo cáo Vũ Thị Thu Hà – dạy	Cấp trường
		2.Phát huy tính tích cực của HS trong môn Thể dục	18/10/2019	Tổ 4,5	Đào Thị Thu-báo cáo; Bùi Thị Thanh Nga – dạy	Cấp tổ
		3.Nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp thông qua tiết SHTT	19/06/2020	Tổ 4,5	Bùi Phương Dung-Báo cáo Dương Thị Thủy-dạy	Cấp trường
		4.Tích hợp GD ĐP trong giảng dạy môn Mĩ thuật lớp 8	11/2019	KHXXH	Phạm Thị Thu Trang-báo cáo Trịnh Thị Thanh – dạy	Cấp tổ
		5.Thông qua HĐTN của HS để tìm kiếm thức mới môn Sinh học 6	30/9/2019	KHT N	Trần Thị Huệ-báo cáo Mạc Thị Duyên – dạy	Cấp tổ
2	2020 - 2021	1.Đổi mới SHCM-Dạy học theo chương trình GDPT 2018, phát triển năng lực học tập của HS	23/10/2020	Tổ 1,2,3	Đỗ Thị Huyền Trang- báo cáo Phạm Thị Thu Huyền – dạy	Cấp trường
		2.Đổi mới SHCM môn LTVC lớp 2– Đa dạng hóa các	13/11/2020	Tổ 1,2,3	Hồ Thị Hời – báo cáo Nguyễn Thị Thành Chung – dạy	Cấp tổ

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
2	2020 - 2021	hình thức tổ chức dạy học.				
		3.Dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất của HS trong môn Toán lớp 3	22/01/2021	Tổ 1,2,3	Đỗ Thị Phương Vân – báo cáo Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – dạy	Cấp tổ
		4.Đổi mới SHCM-Xây dựng KHDH phân môn LTVC lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của HS	06/11/2020	Tổ 4,5	Trần Thị Liễu – báo cáo Dương Thị Thủy – dạy	Cấp trường
		5.Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử lớp 5	11/12/2020	Tổ 4,5	Bùi Phương Dung – báo cáo Dương Thị Hương Xuân – dạy	Cấp tổ
		6.Dạy học theo hướng phát triển năng lực học tập cho học sinh môn Toán 5	22/01/2021	Tổ 4,5	Dương Thị Hương Xuân – báo cáo Bùi Phương Dung – dạy	Cấp tổ
		7.Đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực trong môn GDCD lớp 6	12/03/2021	Tổ KHXH	Trần Thị Minh Huệ - báo cáo Bùi Thị Thu Hương – dạy	Cấp trường
2	2020 - 2021	8.Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, theo chuyên đề	- Tiếng Anh 6:08/10/2020	Tổ KHXH	Nguyễn Thị Thủy – dạy	Cấp tổ
			- Ngữ Văn 7: 18/11/2020		Trần Thị Lý – dạy	
			- Lịch sử 8: 25/02/2021		Trần Thị Minh Huệ - dạy	
		9.Bài học STEM ứng dụng công nghệ Hóa sinh học trong đời	16/04/2021	Tổ KHTN	Mạc Thị Duyên- báo cáo Hò Thị Tình – dạy	Cấp tổ

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
		sống làm nước rửa tay khô				
3	2021 - 2022	1.Dạy học phân hóa trình độ HS môn Toán lớp 1	15/10/2021	Tổ 1,2,3	Phạm Thị Thu Huyền – báo cáo Đỗ Thị Huyền Trang – dạy	Cấp tổ
		2.Dạy học theo chủ đề ngoài hiện trường môn TNXH lớp 3	10/12/2021	Tổ 1,2,3	Vũ Thị Thu Hà – báo cáo Phạm Thị Minh Hậu – dạy	Cấp tổ
		3.Đổi mới SHCM phân môn LTVC – Dạy học phát triển ngôn ngữ, vốn từ cho HS	17/12/2021	Tổ 1,2,3	Phạm Thị Mơ – báo cáo Dương Thị Hương Xuân – dạy	Cấp trường
		4.Dạy học theo chủ đề-Phát triển phẩm chất, năng lực của HS, kết hợp dạy học ngoài thực địa	02/12/2021	Tổ 4, 5	Phạm Thị Thanh – báo cáo Nguyễn Thị Cuối – dạy	Cấp tổ
		5.Phát huy năng lực chủ động của học sinh trong môn Ngữ Văn lớp 6	04/12/2021	Tổ KHXH	Trần Thị Minh Huệ - báo cáo Bùi Thị Thu Hương – dạy	Cấp tổ
		6.Dạy học thực hành và trải nghiệm Toán học cho HS lớp 6	26/11/2021	Tổ KHTN	Nguyễn Thị Nga – báo cáo Đỗ Mai Phương - dạy	Cấp tổ
4	2022 - 2023	1.Hoạt động trải nghiệm có lồng ghép Giáo dục địa phương lớp 2	13/01/2023	Tổ 1,2,3	Phạm Thị Mơ – báo cáo Lê Thị Lan – dạy	Cấp tổ
		2.CĐ môn Toán lớp 3 lồng ghép cùng HĐNK Hội chợ quê của nhà trường	24/03/2023	Tổ 1,2,3	GV khối 3	Cấp trường
		3.Dạy học môn Khoa học theo định	23/12/2022	Tổ 4, 5	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – báo cáo Bùi Phương Dung	Cấp trường

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
4	2022 - 2023	hướng giáo dục STEM			– dạy	
		4.Đổi mới SHCM trong phân môn Chính tả, phát huy tính tích cực của HS trong giờ học	10/02/2023	Tổ 4, 5	Mạc Thị Thùy – dạy	Cấp tổ
		5.Phát huy năng lực chủ động của HS trong môn Ngữ Văn lớp 7	09/01/2023	Tổ KHXH	Nguyễn Thị Vân Anh – báo cáo Bùi Thị Thu Hương – dạy	Cấp tổ
		6. Đổi mới SHCM dựa theo nghiên cứu bài học	Âm nhạc: 26/10/2022	Tổ KHXH	Phạm Thị Thu Trang – dạy	Cấp tổ
			Ngữ Văn: 14/11/2022		Nguyễn Thị Vân Anh – dạy	
			Lịch sử: 28/11/2022		Nguyễn Thị Vân Anh – dạy	
			Tiếng Anh: 14/03/2023		Bạc Thị Lan Hương – dạy	
			Địa Lí: 12/04/2023		Nguyễn Thị Bích Ngọc – dạy	
		7.Sử dụng phương pháp dạy học theo nhóm và thực hành trải nghiệm nhằm phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác cho HS trong môn KHTN lớp 7	29/03/2020	Tổ KHTN	Trần Thị Huệ - báo cáo Hồ Thị Tình – dạy	Cấp tổ
4	2022 - 2023	8.Đổi mới SHCM dựa theo nghiên cứu bài học	Tin học 6: 18/10/2022	Tổ KHTN	Trần Trung Kiên – dạy	Cấp tổ
			Toán 7: 08/11/2022		Đỗ Thị Hoàng Khanh – dạy	
			KHTN 7: 08/02/2023		Hồ Thị Tình – dạy	
			Công nghệ 6:17/03/2023		Đỗ thị Bích Lý – dạy	

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
4	2022 - 2023	9.Hồ sơ HĐTN STEM (Môn:Công nghệ lớp 6,7,8; KHTN 6; Sinh học 8;Vật lí 8; Vật lí 9)	Các tháng trong năm học	Tổ KHTN	GV tổ KHTN	Cấp tổ
5	2023 - 2024	1.Rèn kĩ năng đọc và trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung đọc cho học sinh lớp 1 trong môn Tiếng Việt	12/10/2023	Tổ 1,2,3	Đỗ Thị Phương Vân – báo cáo Phạm Thị Thu Huyền – dạy	Cấp tổ
		2.Phát triển kĩ năng nghe nói và đọc Tiếng Anh cho học sinh lớp 4	08/12/2023	Tổ 1,2,3	Cao Thị Kim Cúc – báo cáo Vũ Thị Oanh – dạy	Cấp trường
		3.Phát huy khả năng trình bày bài hát và cảm thụ âm nhạc trong dạy học Âm nhạc (lớp 4) theo chương trình GDPT 2018	15/11/2023	Tổ 4,5	Nguyễn Thị Cuối – báo cáo Phạm Thị Thanh – dạy	Cấp tổ
		4.Dạy học STEM trong môn Tin học và Công nghệ (Công nghệ) lớp 4	26/10/2020	Tổ 4,5	Phạm Thị Minh Hậu – báo cáo Hò Thị Hợi – dạy	Cấp trường
		5. Phát huy năng lực thực hành, tái hiện lịch sử của học sinh lớp 6	25/10/2023	Tổ KHXH	Trần Thị Minh Huệ - báo cáo Nguyễn Thị Vân Anh – dạy	Cấp tổ
		6. Đổi mới SHCM dựa theo nghiên cứu	Âm nhạc 8: 25/9/2023	Tổ KHXH	Phạm Thị Thu Trang - dạy	Cấp tổ

STT	Năm học	Tên Chuyên đề	Thời gian thực hiện	Tổ CM	GV báo cáo - GV dạy thực nghiệm	Phạm vi thực hiện
5	2023 - 2024	bài học	Tiếng Anh: 25/10/2023		Bạc Thị Lan Hương – dạy	
			Lịch sử: 29/11/2023		Trần Thị Minh Huệ - dạy	
			Địa lí : 12/04/2024		Nguyễn Thị Bích Ngọc – dạy	
		7. Ứng dụng chuyển đổi số trong dạy học Toán	10/11/2023	Tổ KHTN	Đỗ Thị Bích Lý, Nguyễn Văn Phú – báo cáo Đỗ Thị Hoàng Khanh – dạy	Cấp tổ
		8. Đổi mới SHCM dựa theo nghiên cứu bài học	Tin học 6: 27/09/2023	Tổ KHTN	Trần Trung Kiên – dạy	Cấp tổ
			KHTN 8: 08/12/2023		Vũ Thị Phương Liên – dạy	
			GDTC 8: 17/01/2024		Trần Thị Huệ - dạy	

[H4-1.4-06].

Hàng tháng, tổ chuyên môn thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế. Cuối năm học, các tổ chuyên môn thực hiện đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ. Trên cơ sở đó, hiệu trưởng đánh giá xếp loại giáo viên theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và các quy định khác hiện hành, được thể hiện trong kế hoạch tổ chuyên môn, sở nghị quyết tổ và được đánh giá trong các cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng giáo dục và báo cáo tổng kết năm học của nhà trường có ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp trong nghị quyết tổ. Hàng tháng, tổ văn phòng thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế thể hiện rõ trong kế hoạch tổ và sở nghị quyết tổ văn phòng [H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H1- 1.1-02].

Mức 3:

Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Cụ thể năm học trước vẫn còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, đến năm học 2023 - 2024 đã có chuyển biến rõ rệt 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chất lượng mũi nhọn tăng cao (đội tuyển HSNK cấp tiểu học đạt 09 giải cấp thành phố; đội tuyển HSG cấp THCS đạt 20 giải cấp thành phố; IOE cấp tỉnh Tiểu học đạt 01 giải khuyến khích). Tổ văn phòng đã có những đóng góp hiệu quả trong việc kiểm tra hiện trạng mọi tài sản hỏng hóc, báo cáo Phó hiệu trưởng phụ

trách CSVC đề lập kế hoạch đề xuất mua sắm sửa chữa trình Hiệu trưởng phê duyệt phục vụ cho việc dạy và học kịp thời; Tuyên truyền và có biện pháp tốt việc phòng dịch, phòng bệnh cho giáo viên và học sinh, đặc biệt trong thời gian có dịch bệnh Covid đảm bảo việc dạy và học thực hiện đúng kế hoạch. Hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được cấp trên kiểm tra và nhận xét đánh giá trong Thông báo, kết luận kiểm tra nhiệm vụ năm học, kiểm tra chuyên đề của cấp trên có nội dung về hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo từng năm học **[H4-1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H1-1.1-07]**.

Thông qua việc thực hiện các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; dạy học theo hướng phát triển năng lực, rèn các kỹ năng sống cho học sinh; ứng dụng chuyển đổi số vào trong dạy học. Cấp tiểu học tổ chức thành công chuyên đề Tin học-Công nghệ (Công nghệ) lớp 3 cấp thành phố. Tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề từ cấp tổ, cấp trường đến cấp thành phố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn hằng năm. Tuy nhiên, việc thực hiện đổi mới hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn chưa linh hoạt; nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học của tổ chuyên môn chưa đạt hiệu quả cao **[H4-1.4-05]; [H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có đủ số lượng Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ căn cứ theo Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, sát và phù hợp với điều kiện của nhà trường, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch và thực hiện được 01 đến 02 chuyên đề, ngoại khóa cấp thành phố được các cấp lãnh đạo, chuyên môn phòng Giáo dục và đồng đạo giáo viên các trường trên địa bàn thành phố công nhận và đánh giá cao; có tác dụng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng các nhiệm vụ được giao của các thành viên trong tổ. Sau khi kiểm tra đều có sự điều chỉnh, rà soát lại nội dung thực hiện từ đó có biện pháp cụ thể đầy đủ và hoàn chỉnh hơn cho kế hoạch của tháng tới.

3. Điểm yếu:

Một số buổi sinh hoạt chuyên môn theo hình thức “Nghiên cứu bài học” chưa đạt hiệu quả tối ưu vì còn có giáo viên hạn chế về kỹ năng, phương pháp dự giờ khả năng phân tích hoạt động học của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục tổ chức thêm các chuyên đề cấp tổ, cấp trường ở lớp 5, lớp 9 theo chương trình GDPT 2018	CBQL, Tổ trưởng, Giáo viên	Phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	Trong các năm học	Chi khác
Tổ chức tập huấn các tổ trưởng chuyên môn về kỹ năng điều hành sinh hoạt tổ chuyên môn, thực hiện mẫu buổi sinh hoạt tổ chuyên môn.	CBQL	Phù hợp với Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ; BDTX	Trong các năm học	Chi khác
Thực hiện đổi mới nội dung SHCM dựa trên nghiên cứu bài học nhằm nâng cao phương pháp, kỹ năng dự giờ theo “Nghiên cứu bài học” cho giáo viên.	TTCM	Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch hoạt động của TCM	Trong các năm học	Chi khác

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- Có đủ các lớp của cấp học;*
- Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở

và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê hiện nay có 760 học sinh được biên chế thành 20 lớp và bảo đảm quy định về độ tuổi học sinh theo quy định. Độ tuổi học sinh nhà trường trong các năm qua đều từ 6 đến 10 tuổi (Tiểu học), 11 đến 15 tuổi (Trung học cơ sở). Hằng năm, nhà trường thống kê danh sách học sinh có đầy đủ các thông tin về năm sinh, theo dõi lý lịch học sinh thông qua sổ điểm, sổ chủ nhiệm, phần mềm quản lý học sinh **[H5-1.5-01]**

Theo quy định Điều 16 - Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT - BGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT, nhà trường phân công nhiệm vụ cho GVCN phù hợp với năng lực của mỗi giáo viên. Các giáo viên chủ nhiệm theo dõi mọi hoạt động giáo dục của học sinh và được thể hiện đầy đủ trong sổ chủ nhiệm. Trong mỗi lớp học, GVCN đều thực hiện tốt công tác tổ chức lớp, chia tổ và bầu ban cán sự lớp. Mỗi lớp học có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó, mỗi tổ có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó. Các thông tin về sĩ số, tổ chức lớp học được ghi chép, lưu giữ đầy đủ trong sổ đăng bộ; sổ chủ nhiệm; sổ gọi tên ghi điểm (hoặc trên SMAS) **[H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03]**.

Các lớp học đều hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục. Dựa trên kết quả bầu chọn cán bộ lớp, hàng năm giáo viên chủ nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ lớp. Lớp trưởng tổ chức quản lý lớp, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT cũng như của nhà trường. Theo dõi đôn đốc thành viên lớp chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh quy chế, quy định, nội quy về học tập, xây dựng và thực hiện nề nếp tự quản trong lớp. Lớp phó văn thể phụ trách các mảng hoạt động về văn nghệ. Lớp phó học tập đôn đốc học sinh đi học đúng giờ, đầy đủ, đảm bảo học tập nghiêm túc. Thực hiện và duy trì sinh hoạt 15 phút đầu giờ theo lịch quy định của Liên đội; Kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của các cán bộ lớp, theo dõi và hỗ trợ việc học tập ở các bộ môn, hỗ trợ những bạn học sinh gặp khó khăn trong học tập, đôn đốc phong trào đôi bạn cùng tiến trong lớp, phân công các bạn có lực học tốt hơn hỗ trợ các bạn khác cùng tiến bộ. Thực hiện báo cáo lớp trưởng và giáo viên chủ nhiệm cuối tuần, tháng; Các tổ trưởng, tổ phó quản lý các hoạt động của tổ mình từ việc học tập, lao động, nề nếp, thi đua...theo dõi việc học tập bộ môn, những vi phạm và tổng hợp báo cáo với lớp trưởng cuối tuần, tháng. Hằng tuần các hoạt động của lớp được đánh giá qua tiết

sinh hoạt lớp. Dưới sự điều hành và quản lý trực tiếp của giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ lớp chủ động đánh giá nhận xét tình hình hoạt động của lớp, các em được thảo luận dân chủ, bày tỏ ý kiến quan điểm đề đưa ra các biện pháp xây dựng tập thể lớp đạt kết quả giáo dục cao hơn. Từ đó giúp các em tự tin, tự giác trong học tập, giao tiếp và có ý thức rèn luyện phấn đấu đóng góp thành tích cho tập thể lớp, nhà trường. Giáo viên cùng lớp trưởng chủ trì các cuộc họp lớp để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, bình xét thi đua trong học tập, đề nghị thi đua khen thưởng hay kỷ luật đối với các tổ và cá nhân học sinh trong lớp. Đối với cấp Trung học cơ sở, các lớp tiến hành Đại hội Chi đội định kì vào trung tuần tháng 9 để bầu ra ban chấp hành Chi đội có năng lực để điều hành lớp, mỗi ban chấp hành Chi đội lại được bầu 01 thành viên tham gia trong ban chấp hành Liên Đội của trường thông qua buổi Đại hội Liên đội mỗi cá nhân học sinh đều được hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường. Tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện tốt trong việc chấp hành nội quy tự quản của lớp **[H5-1.5-02]; [H5-1.5-03]**.

Mức 2:

Nhà trường hiện có 20 lớp học (từ khối lớp 1 đến khối lớp 9). Số lượng lớp học được đảm bảo theo quy định tại Điều 16 - Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT. Sĩ số học sinh giữa các khối lớp không đồng đều, trong đó có 2 lớp có sĩ số vượt quá 45 học sinh (lớp 6A3: 49 học sinh, lớp 7A2: 47 học sinh). Trong khi có những lớp có số lượng học sinh ít (lớp 8A1: 37 học sinh, 8A2: 34 học sinh) nhưng tính trung bình sĩ số học sinh các lớp sĩ số học sinh các khối lớp không vượt quá 45 học sinh. **[H1-1.5-03]**.

Mức 3:

Nhà trường hiện có 20 lớp (cấp Trung học cơ sở có 9 lớp, cấp Tiểu học có 11 lớp). Mỗi lớp cấp THCS có sĩ số không quá 40 học sinh, mỗi lớp cấp Tiểu học có sĩ số không quá 35 học sinh. Số lượng học sinh được phân chia tương đối đều cho mỗi lớp được thể hiện trong sổ chủ nhiệm; bản tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học **[H5 - 1.5 - 02]; [H1-1.5-03]**.

2. Điểm mạnh

Trường có các lớp học được tổ chức theo quy định. Đội ngũ cán bộ lớp là những em chăm ngoan học giỏi, nhiệt tình, có uy tín và năng lực tổ chức hoạt động phong trào giúp giáo viên chủ nhiệm ổn định và duy trì nề nếp lớp tốt, tích cực tham gia các phong trào của trường góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

- Biện pháp giáo dục học sinh của giáo viên trong việc chấp hành nội quy tự quản của lớp hiệu quả chưa cao.

- Một số lớp cấp THCS có sĩ số trên 45 học sinh/lớp. Nhà trường chưa có giải pháp đảm bảo số lượng HS theo quy định tại Điều 16- Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phát huy vai trò và năng lực tự quản của đội ngũ cán bộ lớp	GVCN; Đội ngũ cán bộ lớp	Kế hoạch chủ nhiệm; Sổ cờ đỏ	Trong năm học	Không
Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cho HS về công tác tự quản lớp (kỹ năng lập kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục, kỹ năng tổ chức cuộc họp, tổ chức giờ sinh hoạt lớp).	TPT đội; GVCN.	Phù hợp với Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ hàng năm	Trong các năm học	Không
Tăng cường ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định của trường, lớp.	TPT đội, GVCN, Ban cán sự lớp, CMHS.	- TPT đội, GVCN thường xuyên tập huấn công tác quản lí lớp cho Ban cán sự lớp đạt hiệu quả. - TPT đội, GVCN tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xây dựng quy chế thi đua, biểu dương khen thưởng, nhắc nhở kịp thời.	Trong các năm học	Không
Đối với lớp có sĩ số trên 45 học sinh, nhà trường nghiên cứu tách lớp trong năm học tiếp theo.	CBQL	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2026 – 2030	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Trường Tiểu học và tại Điều 21 của Điều lệ Trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học. Các hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Bộ phận hành chính văn thư của nhà trường lập và sử dụng hiệu quả Sổ quản lý hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi đến bằng hồ sơ điện tử **[H6-1.6-01]**. Nhà trường lập Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục, quy chế sử dụng tài sản công theo đúng quy định **[H6-1.6-02]; [H6-1.6-03]**. Hồ sơ tài chính bao gồm: Sổ lập dự toán, sổ chi tiết các hoạt động, sổ theo dõi sử dụng nguồn kinh phí, sổ tổng hợp quyết toán ngân sách và nguồn chi khác của đơn vị, sổ tổng hợp sử dụng nguồn kinh phí, sổ chi tiết các khoản thu **[H6-1.6-04]**.

Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi quyết toán, thống kê báo cáo và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về tài chính và tài sản. Hàng quý, kế toán báo cáo tài chính, thực hiện công khai, công tác tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo quy định hiện hành, thể hiện chi tiết trong các biên bản công khai tài chính,

biên bản, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có thẩm quyền; báo cáo sơ kết, tổng kết. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của CB, GV, NV từ hội nghị cấp tổ đến hội nghị cán bộ, viên chức và lao động nhà trường, có điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và các quy định. Các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản của nhà trường được kế toán thường xuyên cập nhật để thực hiện đúng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước **[H6-1.6-04]; [H6-1.6-03];[H6-1.6-05]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-02]**.

Nhà trường đã quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả phục vụ cho các hoạt động dạy, học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản thể hiện thông qua hồ sơ tài chính, hệ thống sổ sách quản lý tài sản, thiết bị giáo dục, các tờ trình, các biên bản kết luận, thông báo có liên quan của các cấp có thẩm quyền, các báo cáo sơ kết, tổng kết đồng thời được đánh giá tổng kết cuối năm và trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường **[H6-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H6-1.6-04]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-02]**.

1.2. Mức 2:

Trong công tác quản lý hành chính nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý công chức, viên chức; Phần mềm quản lý, quản trị nhà trường. Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong quản lý tài chính, tài sản. Việc quản lý hành chính, quản lý, sử dụng tài chính đúng mục đích và hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục, được thực hiện công khai theo quy định. Công tác quản lý tài chính, tài sản thể hiện thông qua biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền và báo cáo sơ kết, tổng kết năm học. Tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản **[H6-1.6-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-02]**.

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết, trong các biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm tra **[H1-1.1-07]**.

1.3. Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt tạo nguồn tài chính hợp pháp, kế hoạch được bàn bạc thông qua các cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng giáo dục **[H6 - 1.6 - 04]; [H6 - 1.6 - 07]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có hệ thống các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính, tài sản đến và được lưu trữ hồ sơ chứng từ theo quy định. Có dự toán, thực

hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản. Thực hiện công tác tài chính theo đúng quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính.

- Có kế hoạch ngắn hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa, huy động, phối hợp nhiều nguồn lực ngoài nhà trường xây dựng cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp, an toàn.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, các phần mềm trong quản lý hành chính, tài chính. Cử giáo viên chuyên lĩnh vực Tin học hỗ trợ trong quá trình sử dụng phần mềm và xử lý thông tin	Hiệu trưởng, kế toán, giáo viên	Căn cứ đặc điểm đội ngũ	Trong các năm học	Không
Thực hiện tự kiểm tra/giám sát công tác quản lý tài chính, tài sản	Hiệu trưởng, Hội đồng trường, Ban chỉ ủy	Phù hợp với chương trình KTGS của Chi bộ, Kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn, dài hạn	Hiệu trưởng, kế toán	Thực hiện theo Thông tư 24/2024/TT-BTC	Giai đoạn năm 2025-2030	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hằng năm, xác định được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, NV nên nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 100% đội ngũ CB, GV, NV nhà trường. Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với CB, GV, NV được cụ thể hóa trong kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho CB, GV của nhà trường như sau:

Khởi Tiểu học

Năm học	Tên kế hoạch	Số	Ngày, tháng, năm ban hành	Ghi chú
2019-2020	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2019 – 2020	28	06/9/2019	
2020-2021	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020–2021	269	05/10/2020	
2021-2022	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2021 – 2022	178	28/05/2021	

Năm học	Tên kế hoạch	Số	Ngày, tháng, năm ban hành	Ghi chú
	Kế Bồi dưỡng thường xuyên bổ sung cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2021 – 2022	293	08/09/2021	
2022-2023	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2022 – 2023	143	24/05/2022	
	KH Bồi dưỡng thường xuyên bổ sung cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2022 – 2023	350	12/10/2022	
2023-2024	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2023 – 2024	190	26/05/2023	
	KH Bồi dưỡng thường xuyên bổ sung cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2023 – 2024	367	15/10/2023	

Khối THCS

Năm học	Tên kế hoạch	Số	Ngày, tháng, năm ban hành	Ghi chú
2019-2020	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2019 – 2020	27	15/08/2019	
2020-2021	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020– 2021	31	16/09/2020	
2021-2022	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2021 – 2022	177	27/05/2021	
2022-2023	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2022 – 2023	137	21/05/2022	
2023-2024	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2023 – 2024	170	20/05/2023	
	Điều chỉnh Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2023 – 2024	470	18/11/2023	

Căn cứ trên kế hoạch của nhà trường, mỗi cá nhân lập kế hoạch thực hiện các nội dung bồi dưỡng bắt buộc và các modul tự chọn nhằm phát triển tốt nhất năng lực chuyên môn của mình. Các kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, thời lượng và các giải pháp thực hiện. Từ năm 2020, cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện bồi dưỡng thường xuyên các modul trên hệ thống LMS. Để đáp ứng được các yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường đã đưa vào kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đồng thời triển khai thực hiện các nội dung: triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018; bồi dưỡng giáo viên dạy các bộ môn tích hợp, môn học mới trong chương trình: Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; bồi dưỡng liên môn; bồi dưỡng phương pháp giảng dạy và các kỹ thuật dạy học; bồi dưỡng kỹ thuật xây dựng học liệu và sử dụng phần mềm dạy học, sử dụng phòng học thông minh; bồi dưỡng công tác đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh. Bên cạnh đó nhà trường còn xây dựng kế hoạch nâng chuẩn, bồi dưỡng chứng chỉ nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chuyên môn và nghiệp vụ theo Kế hoạch số 76/KH-NK ngày 24/09/2019 về nâng chuẩn đại học và bồi dưỡng chứng chỉ cho CBQL, GV, NV giai đoạn 2019 – 2024 **[H7-1.7-01]; [H1 - 1.1 - 06]**.

Căn cứ nhiệm vụ năm học, thực trạng đội ngũ trình độ đào tạo và năng lực của giáo viên, nhân viên, nhà trường đã phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo và năng lực của từng giáo viên, nhân viên, tùy theo khả năng của mỗi giáo viên để giao nhiệm vụ; tuy nhiên vẫn có giáo viên kiêm nhiệm công tác thư viện, thiết bị dù chưa có chứng chỉ bồi dưỡng về công tác thư viện, thiết bị. Từ đó, đội ngũ giáo viên, nhân viên phát huy được hết năng lực của mình nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. CB, GV, NV nhà trường được làm việc đúng sở trường, năng lực vì thế chất lượng công việc cần thực hiện đạt hiệu quả tốt. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 các đợt kiểm tra nội bộ các đồng chí được kiểm tra giáo viên đạt mức Khá trở lên. Điều đó minh chứng cho CB, GV, NV trong nhà trường làm việc nghiêm túc, đảm bảo chất lượng các hoạt động của nhà trường, thể hiện trong hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên và các báo cáo tổng kết năm học **[H7-1.7-02]; [H1-1.1-07]**.

CB, GV, NV nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 11, Điều 29 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các văn bản hiện hành khác: Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo như: được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng lợi về

vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo như chế độ tiền lương, thêm giờ, phụ cấp, bảo hiểm, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể [H7-1.7-03]; [H1-1.1-02].

Mức 2

Trong những năm qua, nhà trường đã tạo mọi điều kiện để giáo viên, nhân viên phát huy năng lực, sở trường của mình nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán ở các khối lớp và các môn học, phân công một giáo viên có năng lực nhiệt tình làm TPT đội, lựa chọn những giáo viên có năng lực, kinh nghiệm để ôn luyện đội tuyển HSG và hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT và Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; tham gia Hội khỏe phù đồng các cấp. Tuy nhiên đội ngũ giáo viên phụ trách công tác nghiên cứu KHKT chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT ở nhiều lĩnh vực mà chỉ tập trung ở một số lĩnh vực quen thuộc. Nhà trường thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên đảm bảo công bằng, khách quan, tạo điều kiện cho mọi thành viên có cơ hội phát triển; hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên được lưu trữ đúng quy định [H7-1.7-04];[H1- 1.1- 07]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ hằng năm. Phân công sử dụng CB, GV, NV hợp lý và phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường; CB, GV, NV luôn được đảm bảo các quyền theo quy định. Lãnh đạo nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, CSVC để CB, GV, NV phát huy năng lực, sở trường của từng cá nhân.

3. Điểm yếu

Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên chưa cụ thể và chưa đánh giá kết quả sau bồi dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn Kinh phí
Nhà trường tiếp tục quan tâm xây dựng tốt kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ đảm bảo về trình độ chuyên môn và năng lực đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công.	CBQL, TCM, GV	Phù hợp với Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, Kế hoạch BDTX	Trong các năm học	Nguồn chi khác
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cụ thể và có đánh giá kết quả sau bồi dưỡng.	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cụ thể và phù hợp với thực tế.	Trong các năm học	Nguồn chi khác

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ năm học của ngành GDĐT thành phố Uông Bí, khung kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh Quảng Ninh; các văn bản chỉ đạo chuyên môn của sở GDĐT và phòng GDĐT, tình hình thực tiễn của nhà trường, của địa phương, trường TH&THCS Nam Khê xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường. Các kế hoạch được lấy ý kiến của toàn thể CB, GV, NV thông qua Hội nghị cấp tổ, được trao đổi, bàn luận và thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường, các Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn (bao gồm kế hoạch giáo dục các môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác) nhằm hiện thực hóa các chỉ đạo của nhà trường, phù hợp với nhiệm vụ của tổ chuyên môn thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ. Căn cứ kế hoạch của Tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân về các hoạt động giáo dục và dạy học theo sự chỉ đạo của nhà trường [H8-1.8-01]; [H8-1.8-02]; [H4 - 1.4 - 04].

Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và các hoạt động giáo dục theo Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường do Chủ tịch Hội đồng trường ra Quyết định phê duyệt và theo Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai thực hiện thông qua các buổi họp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm nhà trường và được ghi chép trong Sổ nghị quyết của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường [H1-1.1-06]. Hàng tuần, giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy, lên lịch báo giảng và giảng dạy theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; thực hiện giảng dạy các bộ môn văn hóa và các hoạt động giáo dục đầy đủ theo phân phối chương trình của năm học; thực hiện dạy bù (nếu có) theo kế hoạch dạy bù của nhà trường đảm bảo thời gian kết thúc năm học. Điều đó được thể hiện

rõ trong kế hoạch giáo dục của nhà trường; phân công chuyên môn và thời khóa biểu; sổ đầu bài của các lớp khối THCS và sổ báo giảng của khối TH và trong kế hoạch điều chỉnh chương trình giáo dục của nhà trường **[H8-1.8-01]; [H8-1.8-03]; [H8-1.8-04]; [H8-1.8-05]**.

Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có chất lượng kế hoạch giáo dục. Các hoạt động giáo dục và dạy học được thể hiện trong thời khóa biểu, sổ đầu bài, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trong các năm học, kế hoạch tuần tháng, phân công cụ thể tới từng bộ phận. Các kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh định kì hoặc đột xuất theo tình hình thực tiễn của nhà trường và của địa phương, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của cấp trên theo các công văn chỉ đạo ở từng thời điểm. Năm học 2019-2020, do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nhà trường đã căn cứ các công văn hướng dẫn của các cấp về việc thay đổi kế hoạch thời gian năm học để điều chỉnh các kế hoạch của nhà trường, của tổ chuyên môn, của giáo viên đảm bảo học sinh được học các nội dung cốt lõi, hoàn thành chương trình và kết thúc năm học theo chỉ đạo của Bộ, Sở, Phòng GDĐT. Năm học 2020-2021, nhà trường hướng dẫn các tổ chuyên môn và giáo viên điều chỉnh và xây dựng kế hoạch giáo dục các môn học theo hướng dẫn của công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16/9/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS và THPT ứng phó với dịch Covid-19 trong năm học 2021-2022 và công văn số 3636/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2021 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2021 - 2022 để điều chỉnh chương trình và xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp. Tuy nhiên, ở một số môn học do chỉ có một giáo viên giảng dạy nên trong quá trình rà soát có thể chưa xác định hết các nội dung cần điều chỉnh **[H8-1.8-05]**.

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục: triển khai kịp thời, thống nhất những thông tin chỉ đạo của ngành, của các cấp tới từng tổ, cá nhân. Thực hiện kiểm tra nội bộ theo các nội dung đã đề ra trong kế hoạch. Định kì kiểm tra hồ sơ sổ sách của các bộ phận, giáo viên và học sinh trong nhà trường, kiểm tra định kì hoặc đột xuất đối với các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả **[H1-1.1-07]**.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm; Một số quy định về dạy thêm, học thêm từ năm 2020 được thể hiện qua các công văn số 7428/UBND-GD ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh”; Công văn số 3094/SGDĐT-GDTrH ngày 16/11/2020 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc

Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1296/SGDĐT-GDPT ngày 13/5/2022 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và công văn Hướng dẫn các khoản thu... Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đã triển khai tới toàn thể CB, GV, NV và học sinh, cha mẹ học sinh học sinh các công văn chỉ đạo về tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm. Hiệu trưởng ban hành các quyết định, văn bản về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trái quy định, đồng thời xây dựng kế hoạch chấn chỉnh dạy thêm học thêm; kế hoạch tuyên truyền thực hiện đúng các quy định về dạy thêm, học thêm; kế hoạch kiểm tra việc thực hiện đúng các quy định về dạy thêm học thêm; triển khai thực hiện theo kế hoạch. Tổ chức cho CB, GV, NV kí cam kết thực hiện tốt các quy định về dạy thêm, học thêm. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tại địa phương kiểm tra việc thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm của giáo viên tại nơi cư trú. Tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo đúng quy định. Mỗi kì thực hiện rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để điều chỉnh công tác quản lý, chỉ đạo phù hợp tình hình thực tiễn của trường và địa phương. Qua đó, trong 05 năm từ năm học 2019-2020 đến nay nhà trường không có hiện tượng giáo viên, học sinh vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm [H8-1.8-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, định kì được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời với chỉ đạo các cấp về tình hình dịch bệnh COVID-19; quản lý tốt việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trái quy định ngoài nhà trường.

Nhà trường đã có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, quản lý tốt các hoạt động giáo dục, được cấp trên đánh giá cao. Mọi thành viên đều được tiếp thu, tham gia góp ý xây dựng kế hoạch một cách dân chủ và thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên các văn bản chỉ đạo của các cấp về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm. 100% cán bộ, giáo viên ký cam kết không tổ chức dạy thêm sai quy định. Tổ chức các hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường đúng quy định theo hướng dẫn của các cấp. Đến thời điểm hiện tại tại nhà trường không có giáo viên vi phạm các quy định về dạy thêm.

3. Điểm yếu:

Trong 02 năm học 2019 -2020; 2020-2021 dịch Covid -19 xuất hiện và diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến thời gian, kế hoạch năm học. Đặc biệt năm học 2019-2020 là năm học đầu tiên học sinh nghỉ học dài ngày, áp dụng học trực tuyến nên việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục của nhà trường và việc xây dựng các biện pháp ứng phó thời gian đầu còn gặp nhiều khó khăn.

Ở một số môn học chỉ có một giáo viên giảng dạy nên trong quá trình rà soát có thể chưa xác định hết các nội dung cần điều chỉnh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục	CBQL	Tình hình thực tế của nhà trường, các văn bản của cấp trên	Trong các năm học	Không
Chủ động, linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh phương án tổ chức các hoạt động giáo dục	CBQL, TTCM	Tình hình thực tế của nhà trường, các văn bản của cấp trên	Trong các năm học	Không
Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tổ chuyên môn cần có biện pháp hỗ trợ giáo viên trong việc rà soát điều chỉnh kế hoạch dạy học cho kịp thời, hiệu quả.	TTCM, GV	Văn bản chỉ đạo của cấp trên và kế hoạch dạy học	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Hàng năm, trước thời điểm tổ chức Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, toàn thể CB, GV, NV cùng tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập được thông qua Hội nghị cấp tổ. Các ý kiến từ cấp tổ được nhà trường giải đáp công khai trong hội nghị cấp trường. Quy chế thực hiện dân chủ được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức, người lao động tại Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động hàng năm. Trên cơ sở ý kiến tham gia thảo luận đóng góp của các thành viên, Hiệu trưởng ban hành quyết định thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Quy chế dân chủ nêu rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy, người học. Việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ được Hội đồng trường quyết nghị tại các kỳ họp, được nhà trường triển khai trong các hội nghị toàn thể, qua các phiên họp hội đồng giáo dục nhà trường [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02]; [H1-1.1-06].

Trong 05 năm qua nhà trường tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV, học sinh và CMHS thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ, đúng quy định. Nhà trường tổ chức các cuộc đối thoại định kỳ thông qua việc trao đổi trực tiếp giữa nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, người học với hiệu trưởng hoặc giữa đại diện tập thể lao động, đại diện người học với hiệu trưởng (trong thời điểm dịch covid 19, đối thoại tại cơ sở giáo dục được thực hiện thông qua việc trao đổi trực tuyến) được thực hiện định kỳ ít nhất mỗi năm học một lần. Trong các cuộc đối thoại, hiệu trưởng giải đáp các thắc mắc của CB, GV, NV, CMHS, học sinh... nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy chế dân chủ trong nhà trường. Nhà trường không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là tố cáo vượt cấp. Thể hiện trong báo cáo của Ban thanh tra nhân dân; sổ tiếp công dân; báo cáo của Công đoàn; sổ nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường; quy chế dân chủ của nhà trường [H9-1.9-03]; [H9-1.9-04]; [H3-1.3-02]; [H1-1.1-06]; [H9-1.9-02].

Ban Thanh tra nhân dân được bầu và hoạt động theo chức năng nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ và được thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động. Hàng năm, Công đoàn tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ và báo cáo theo quy định. Nhà trường thực hiện đầy đủ việc đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, kết quả thể hiện rõ trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học và báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường [H9-1.9-01]; [H9-1.9-03]; [H3-1.3-02]; [H1-1.1-02]; [H9-1.9-02].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Hội đồng trường giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật. Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động trong nhà trường, trong đó có hoạt động giám sát việc thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ trong nhà trường theo hướng dẫn số 02/HD-CĐN ngày 30/1/2018 của Công đoàn giáo dục Việt Nam hướng dẫn về việc tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành giáo dục. Ngoài ra, đội ngũ CBNGNLD thực hiện việc giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ cơ sở thông qua hoạt động học tập, công tác, sinh hoạt tại cơ sở giáo dục, tiếp cận các thông tin được công khai, tham dự Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân. Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ theo quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT: công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, kiểm định chất lượng, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (cơ sở vật chất, đội ngũ); công khai thu, chi tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Các hình thức công khai: niêm yết tại bản tin, cổng thông tin điện tử của nhà trường, tại các cuộc họp CMHS trong năm học, phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV thông qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, các cuộc họp Hội đồng giáo dục, báo cáo của Công đoàn, báo cáo sơ kết và tổng kết của nhà trường [H9-1.9-05]; [H9-1.9-03]; [H1-1.1-06]; [H3-1.3-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh:

Tất cả CB, GV, NV nhà trường cùng được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, các quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường đã phát huy quyền làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong Công việc cần thực hiện đồng thời xây dựng được mối đoàn kết nội bộ, phát huy được sức mạnh tập thể trong thực hiện nhiệm vụ. Không có trường hợp đơn thư khiếu kiện và không có CB, GV, NV vi phạm nội quy, quy chế làm việc của nhà trường và của ngành.

3. Điểm yếu:

Công tác giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường có thời điểm chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối thoại nhằm trao đổi trực tiếp giữa nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, người học với hiệu trưởng để CB, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các quyết định quan trọng của nhà trường. Phát huy tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường	CB, GV, NV	Trong các hội nghị, cuộc họp, và buổi thảo luận khi xây dựng các kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Trong các năm học	Không
BCH Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân cần phát huy hết vai trò của mình trong việc giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	BCH công đoàn, Ban thanh tra nhân dân	Bám sát quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động của BCH Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn

phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Để thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; nhà trường đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch, triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường. Hằng năm, nhà trường đã có kế hoạch thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự ATGT tại khu vực cổng trường: kiện toàn và thực hiện mô hình “Cổng trường an toàn giao thông”; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tự giác chấp hành pháp luật và các kỹ năng tham gia giao thông an toàn; văn hóa giao thông: ngoại khóa, quy mô toàn trường chủ đề “An toàn giao thông”. Nhà trường đã tổ chức ký kết các văn bản phối hợp với đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, công an phường Nam Khê, trạm y tế phường Nam Khê, hợp đồng bảo vệ, về việc thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; phòng chống TNTT, TNXH, bạo lực học đường. Tổ chức các hoạt động học tập, tập huấn, tuyên truyền, ngoại khóa cho CB, GV, NV và học sinh của nhà trường về công tác phòng chống các hiểm họa nói trên, nhà trường đã thành lập Ban an toàn giao thông, Ban chỉ đạo xây dựng trường học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, phòng chống tai nạn thương tích, tổ phòng cháy, chữa cháy, ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, Đội cờ đỏ, đội tuyên truyền viên măng non,... Có nội quy quy định về tiết kiệm điện, phòng chống cháy nổ... Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo vệ sinh ATTP ngay từ đầu năm học. Thực hiện nghiêm túc việc ký kết hợp đồng có thỏa thuận chặt chẽ với công ty CPTM&DD Hoàng Gia - cơ sở được phép sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận là “Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” mua suất ăn bán trú cho học sinh. Trong năm học, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác vệ sinh về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp nào bị ngộ độc thực phẩm [H10-1.10-01]; [H10-1.10-02]; [H10-1.10-03]; [H10-1.10-04]; [H10-1.10-08]. Trong nhiều năm học nhà trường luôn thực hiện tốt an toàn phòng, chống cháy nổ theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ như: có đầy đủ nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ chỉ dẫn về phòng

cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở của nhà trường được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy luôn sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ theo quy định. Ngoài ra, để bảo đảm an toàn trong phòng chống, cháy nổ nhà trường đã xây dựng các phương án chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt, việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt luôn nhà trường quan tâm, đầu tư, kiểm tra và sửa chữa bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Để thuận tiện cho việc cứu nạn, cứu hộ khi có cháy, nổ xảy ra nhà trường có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, ngăn khói, thoát nạn, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người bảo đảm về số lượng, chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy. Nhằm tuyên truyền và phổ biến rộng rãi tới toàn thể CMHS, GV và học sinh về công tác phòng cháy, chữa cháy nhà trường đã phối hợp với cán bộ công an phòng cháy, chữa cháy thành phố Uông Bí tổ chức thành công buổi ngoại khoá “Phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ”, qua đó tuyên truyền, phổ biến kỹ năng và thực tập phương án PCCC và cứu nạn cứu hộ cho CB, GV, NV và học sinh nhà trường, giáo dục và rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng cần thiết khi không may có hoả hoạn xảy ra **[H10-1.10-01]; [H10-1.10-02]; [H10-1.10-08]**. Nhà trường đảm bảo công tác y tế theo Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ GDĐT. Các phòng học trong trường đều đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Mỗi lớp học đều được trang bị bảng chống lóa, hệ thống đèn điện, quạt trần đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập. Sân trường được trang bị một số thiết bị phục vụ cho vui chơi cho học sinh đảm bảo an toàn. Nhà trường có hệ thống máy lọc nước uống đảm bảo cung cấp nước sạch đủ cho toàn bộ GV, NV và học sinh toàn trường trong thời gian làm việc và học tập tại trường. Nhà vệ sinh đảm bảo sạch sẽ, thoáng mát, phòng vệ sinh nam, nữ được thiết kế riêng biệt với đầy đủ các thiết bị vệ sinh. Mỗi lớp học đều có bồn rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn. Hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt luôn bảo đảm không có nước ứ đọng xung quanh trường lớp, phòng y tế, khu vệ sinh,... Trường học luôn được dọn dẹp sạch sẽ, xử lý rác thải đúng quy trình, đảm bảo không có các bệnh truyền nhiễm xảy ra. Hằng năm, nhà trường phối hợp với cơ sở y tế phường Nam Khê 1 lần/năm thực hiện kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học và thực hiện cân, đo tính chỉ số BMI 2 lần/năm để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe của HS. Thường xuyên theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện giảm thị lực,

cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe. Thực hiện tốt việc sơ cứu, cấp cứu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế. Tư vấn cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh. Hướng dẫn cho học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe, học sinh khuyết tật thì tư vấn, hỗ trợ cho học sinh khuyết tật hòa nhập. Phối hợp với cơ sở y tế phường Nam Khê trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh cho học sinh. Lập và ghi chép vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe của học sinh. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay. Chủ động triển khai các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch theo quy định. Tổ chức triển khai các chương trình y tế, phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, xây dựng môi trường không khói thuốc lá, không sử dụng đồ uống có cồn và các chất gây nghiện. Thực hiện tốt hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh và cha mẹ hoặc người giám hộ về các biện pháp phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm; phòng chống ngộ độc thực phẩm. Việc thực hiện triển khai các hoạt động công tác Y tế trường học được thể hiện qua công tác báo cáo định kỳ 2 lần/năm và Kết quả đánh giá công tác y tế trường học theo bảng điểm (phụ lục 4 Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 – Thông tư liên tịch Bộ Y tế và Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về công tác y tế trường học) do cơ quan cấp trên đánh giá vào cuối mỗi năm học nhà trường đều đạt loại Tốt. **[H10-1.10-01]; [H10-1.10-02].**

Nhằm kịp thời nắm bắt, xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh - An toàn trường học, nhà trường trang bị hộp thư góp ý, niêm yết công khai số điện thoại, đường dây nóng của CBQL, CTCD, TPT Đội tại đơn vị, trên website của trường để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh học sinh, nhân dân nhằm đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo các điều kiện để tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường **[H10-1.10-05]; [H10-1.10-06].**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nội quy trường học, quy tắc ứng xử và các quy định về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn nên trong nhiều năm qua không có hiện tượng kỳ thị, bạo lực, vi phạm bình đẳng giới trong lớp, trong trường. CB, GV, NV và học sinh được làm việc, học tập trong môi trường lành mạnh, an toàn, thân thiện. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin liên quan đến bạo lực học đường,

an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả nên không có hiện tượng CB, GV, NV và học sinh vi phạm **[H10-1.10-07]**.

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học và phương án xử trí khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra. Đây mạnh công tác tuyên truyền về “Luật An toàn thực phẩm” và các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác an toàn thực phẩm trong trường học, các văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác an toàn thực phẩm đối với CBQL giáo dục, GV, nhân viên y tế, người trực tiếp chế biến thực phẩm và nhân viên nuôi dưỡng...; Nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh thực phẩm cho CBQL, GV, NV và học sinh tập trung vào các nội dung: Vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống; Nguy cơ tiềm ẩn ngộ độc thực phẩm khi sử dụng thức ăn đường phố, quán vỉa hè trước cổng trường; Cách sử dụng phụ gia thực phẩm an toàn, kiểm soát thực phẩm an toàn, nhận biết sử dụng thực phẩm, thức ăn đảm bảo an toàn, điều kiện, thời gian bảo quản thực phẩm...; Hướng dẫn học sinh rửa tay và giữ gìn bàn tay sạch phòng chống bệnh truyền nhiễm đặc biệt các bệnh lây truyền qua đường tiêu hóa. Tổ chức và triển khai có hiệu quả các hoạt động truyền thông trong “Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm”. Thực hiện nghiêm túc việc ký kết hợp đồng có thỏa thuận chặt chẽ với công ty CPTM&DD Hoàng Gia - cơ sở được phép sản xuất, kinh doanh thực phẩm có đầy đủ hồ sơ pháp lý, đã được cấp Giấy chứng nhận là “Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” để cung cấp suất ăn bán trú cho học sinh. Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác vệ sinh về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp nào bị ngộ độc thực phẩm **[H10 - 1.10 - 01]; [H10-1.10-04]**. Thông qua các chương trình chính khóa, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ, chương trình phát thanh măng non, hoạt động trải nghiệm, các giờ sinh hoạt chủ điểm với nhiều hình thức phong phú như: tổ chức diễn đàn, sân khấu hóa, thi rung chuông vàng, tổ chức trò chơi, đội thi. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án đảm bảo về an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống pháo nổ, đèn trời, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, sử dụng mạng xã hội an toàn, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn đuối nước, phòng tránh xâm hại, kỹ năng thoát hiểm, phòng, chống tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử; phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, tuyên truyền ngày pháp luật. Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự được đăng tải trên Website, Facebook của nhà trường **[H10-1.10-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.10-09]**.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, nắm bắt, đánh giá và xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua ban cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và các cơ quan trên địa bàn và

có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Do vậy trong 05 năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, học sinh vi phạm pháp luật **[H10-1.10-09]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho CB, GV, NV và học sinh. Thực hiện tốt công tác phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, ATGT, PCCC, phòng chống TNTT, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, các tệ nạn xã hội trong môi trường học đường. Trong những năm qua, nhà trường luôn đảm bảo an toàn, không có CB, GV, NV và học sinh mắc các tệ nạn xã hội, không để xảy ra bạo lực học đường, không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới. Nhiều năm liên tục được công nhận trường học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, “An toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”, đạt danh hiệu cơ quan văn hóa.

Nhà trường đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, tích cực trong công tác tuyên truyền, giáo dục học sinh, triển khai các hoạt động đảm bảo cho môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

3. Điểm yếu

Nhà trường đã thực hiện công tác tham mưu, báo cáo với cấp trên về tình hình cơ sở vật chất PCCC của đơn vị nhưng đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền tới HS, CMHS, CB, GV, NV trường học. Tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh của đơn vị, phát huy vai trò của y tế học đường trong việc đảm bảo ANTT, ATTH.	Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên tiền phong, GVCN	Phù hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường; thông qua hệ thống loa phát thanh nhà trường, qua Zalo, Febook, trang web ...	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Kinh phí
Tăng cường phối hợp với lực lượng công an phường, bảo vệ dân phố để làm tốt công tác ATGT trước cổng trường tại các giờ cao điểm (giờ HS đến trường và giờ tan học), đảm bảo trật tự, an toàn giao thông tại cổng trường trong giờ cao điểm.	Đoàn thanh niên, Đội TNTTP; GV, phối hợp với lực lượng công an phường	Kế hoạch ATGT, ANTT và phù hợp tình hình thực tế.	Trong các năm học	Không
Nhà trường tiếp tục làm văn bản tham mưu đề nghị cấp trên quan tâm công tác PCCC tại đơn vị	Lãnh đạo nhà trường	Văn bản phối hợp giữa nhà trường và đơn vị PCCC	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Trong những năm qua, nhà trường đã từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo các quy định trong Điều lệ trường Trung học và đáp ứng nhu cầu thực tế cũng như tình hình cụ thể của đơn vị. CBQL nhà trường và các tổ chức đoàn thể: Hội đồng trường, chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội TNTTP Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò, trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động và thực hiện tốt chức năng theo quy định. Các tổ chuyên môn đã thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ để kịp thời điều chỉnh và đưa ra những biện pháp hữu hiệu hơn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Nhà trường đã thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục. CB, GV, NV nhà trường đã thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Nhà trường đã phối kết hợp tốt với chính quyền địa phương, công an phường để đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục 2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Nhà trường xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống bạo lực và các tệ nạn xã hội luôn được tăng cường. Công tác khen thưởng được thực hiện kịp thời, công khai, nhằm động viên, khích lệ những nhân tố

tích cực, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng và phát triển nhà trường theo hướng trường chất lượng cao của Thành phố và của Tỉnh.

Bên cạnh những điểm mạnh nói trên còn một số những tồn tại của nhà trường đó là chiến lược phát triển của nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin, việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược thực hiện chưa thực sự hiệu quả.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt Mức 1: 10/10
- + Số tiêu chí đạt Mức 2: 10/10
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 2/10
- + Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường là lực lượng giáo dục quan trọng có tính chất quyết định hiệu quả giáo dục của nhà trường. Đội ngũ lãnh đạo trường TH&THCS Nam Khê có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý tốt, có tố chất lãnh đạo và quản lý, giàu sức sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm cao, có ý thức tự bồi dưỡng, tích lũy kinh nghiệm quản lý giáo dục để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chức trách được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo về số lượng và cơ cấu có chất lượng tốt. CB, GV, NV nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, công tác bồi dưỡng giáo viên được duy trì thường xuyên và không ngừng được đổi mới về hình thức, nội dung, là cơ sở cho việc không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Học sinh của nhà trường chăm ngoan, năng lực học tập tốt, nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định của nhà trường. Các em được hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng. Các đồng chí Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Nam Khê đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3, Điều 11 của Thông tư 32/2020/TT-GDDT. Đội ngũ lãnh đạo nhà trường có trình độ đào tạo, trình độ lý luận chính trị và thời gian tham gia giảng dạy trước khi làm quản lý theo quy định của Điều lệ trường trung học. Đồng chí hiệu trưởng Nguyễn Thu Trang có bằng Cử nhân Hóa học và bằng Thạc sỹ Quản lý Giáo dục, trung cấp Lý luận chính trị, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, chứng chỉ tiếng Anh cấp độ B1; Đồng chí Nguyễn Thị Thanh Huyền có bằng cử nhân Ngữ văn, trung cấp Lý luận chính trị, chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao, chứng chỉ tiếng Anh A2; Đồng chí Lê Thị Bích Quyên có bằng Cử nhân Giáo dục Tiểu học; trung cấp Lý luận chính trị, chứng chỉ tiếng Anh trình độ B; Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao [H11 - 2.1 - 01]; [H11 - 2.1 - 01]; [H4 - 1.4 - 01]; [H1 - 1.1 - 02].

Các đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý theo quy định, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao. Đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên đảm bảo công bằng, khách quan, hồ sơ kiểm tra được lưu giữ đầy đủ theo quy định. Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ hàng năm được quan tâm và triển khai, tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên được tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong 05 năm liên tục, tính đến thời điểm đánh giá, các đồng chí Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường luôn được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá và tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng và được đánh giá xếp loại viên chức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều năm liền, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được được nhận nhiều Giấy khen, Bằng khen của cấp có thẩm quyền. Minh chứng cho việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng là hồ sơ kiểm tra nội bộ, kế hoạch phát triển đội ngũ, hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng

năm, báo cáo tổng kết của nhà trường **[H1 - 1.1 - 07]; [H7 - 1.7 - 01]; [H11 - 2.1 - 03]; [H11- 2.1 - 04].**

Đồng chí Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT QuảngNinh, Phòng GD&ĐT Ưông Bí tổ chức tập huấn về công tác quản lý, quản trị trường học, các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, chương trình giáo dục phổ thông 2018, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng thiết bị đồ dung dạy học, đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018-2025”, phương pháp giáo dục học sinh khuyết tật, kiểm định chất lượng trường học, bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng... Các đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn, đặc biệt là năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành. **[H11 - 2.1 - 05]; [H11 - 2.1 - 06].**

Mức 2:

Trong 05 năm liên tục, tính đến thời điểm đánh giá, các đồng chí cán bộ quản lý được đánh giá, xếp loại mức khá và tốt theo quy định của chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường phổ thông, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. **[H11-2.1-03].**

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng nhà trường đều được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị do Giám đốc trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh cấp. Từ năm học 2019-2020 đến nay, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều tham dự các lớp bồi dưỡng chính trị, tham dự các buổi học nghị quyết do Đảng uỷ phường Nam Khê, Thành uỷ Ưông Bí tổ chức. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được giáo viên và nhân viên trong nhà trường tín nhiệm, đánh giá cao, thể hiện qua kết quả xếp loại đánh giá chuẩn Hiệu trưởng; qua biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý về công tác quản lý giáo dục của nhà trường hằng năm. Kết quả tín nhiệm của đội ngũ, người lao động đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có số phiếu tín nhiệm luôn là 100% **[H11-2.1-06] [H11-2.1-07]; [H11 – 2.1 - 03].**

Mức 3:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường TH&THCS Nam Khê có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống gương mẫu, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, các đồng chí hiệu trưởng và phó hiệu nhà trường đều được đánh giá xếp loại khá và tốt theo Chuẩn nghề nghiệp. Tuy nhiên tiêu chí sử dụng ngoại ngữ chỉ đạt mức Khá **[H2 - 1.2 - 05] [H11 – 2.1 - 03].**

Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng

Nămhọc	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng	Kết quả đánh giá PHT (phụ trách khối Tiểu học)	Kết quả đánh giá PHT (phụ trách khối THCS)
2019 - 2020	Khá	Tốt	Tốt
2020 - 2021	Khá	Tốt	Tốt
2021 - 2022	Khá	Tốt	Tốt
2022 - 2023	Tốt	Tốt	Tốt
2023 - 2024	Tốt	Tốt	Tốt

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có tư tưởng, phẩm chất chính trị vững vàng, có bề dày kinh nghiệm giảng dạy, năng lực chuyên môn, năng lực quản lý tốt, tận tụy, tâm huyết với nghề, tác phong và lễ lối làm việc khoa học, quyết đoán, có tầm nhìn chiến lược, từng bước xây dựng, củng cố và không ngừng nâng cao vị thế, uy tín của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Công tác kiểm tra, giám sát chưa quyết liệt nên tiến độ thực hiện nhiệm vụ của một số cá nhân đôi khi chưa đảm bảo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)
Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Căn cứ Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020- 2025 để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ (có nội dung bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý)	Từ năm học 2024-2025	Không
Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra,	Hiệu trưởng, Phó	Phù hợp với kế hoạch kiểm tra	Từ năm học 2024-	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)
giám sát của cán bộ quản lý.	hiệu trưởng	giám sát của nhà trường	2025	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TTLT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc

hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có tổng số 38 giáo viên (khối Tiểu học: 22, khối THCS: 16), trực tiếp giảng dạy 20 lớp, tỉ lệ giáo viên trên lớp là 1,9. Đội ngũ giáo viên của trường có tay nghề vững vàng, nhiệt tình, yêu nghề, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong dạy học, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong 05 năm vừa qua, mỗi năm nhà trường có từ 15 đến 40 giáo viên dạy giỏi cấp trường và 08 đến 10 GVĐG, GVCNG cấp thành phố, trong đó có 01 giáo viên đạt loại xuất sắc trong năm 2024. Tại hội thi GVCNG, GVĐG cấp tỉnh năm 2019 và năm 2024 nhà trường có 03 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh. Trường đã bố trí 01 đồng chí giáo viên văn hóa có năng lực làm công tác Tổng phụ trách Đội TNTP [H12-2.2-01]; [H7- 1.7- 02].

Từ ngày 20/10/2021 quy định về chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên đã ngưng hiệu lực theo thông tư 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT. Hiện tại số giáo viên đạt chuẩn của nhà trường là 97,4%, trong đó giáo viên có trình độ trên chuẩn chiếm 2.6%. Còn một đồng chí chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo và nhà trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tạo điều kiện để 01 giáo viên chưa có trình độ đại học được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng chuẩn lên đại học. Song vì sức khỏe và tuổi cao nên đồng chí không tham gia được và cá nhân đồng chí có nguyện vọng xin nghỉ hưu sớm trong năm 2025 [H12-2.2 -01]; [H7 - 1.7 - 01].

Biểu 1: Số liệu về trình độ giáo viên trong nhà trường từ năm 2019 - 2024

STT	Năm học	Tổng số giáo viên	Cao đẳng		Đại học		Thạc sĩ		Tỉ lệ GV trên chuẩn
			SL	%	SL	%	SL	%	%
1	2019 - 2020	40	8	20%	28	70%	4	10%	90%
2	2020 - 2021	40	8	20%	28	70%	4	10%	90%
3	2021 - 2022	39	7	17,9%	28	71,8%	4	10,3%	10,3%
4	2022 - 2023	38	1	2,63%	36	94,74%	1	2,63%	2,63%
5	2023 - 2024	38	1	2,63%	36	94,74%	1	2,63%	2,63%

Biểu 2: Số liệu giáo viên theo cơ cấu bộ môn khối THCS

TT	Môn học		Số lượng GV	Trình độ CM	Ghi chú
1	Ngữ văn		4	Đại học	
2	Toán		4	03 Đại học, 01 CĐ	
3	Ngoại ngữ 1		2	Đại học	
4	GD&CD		1	Đại học	
5	KHTN	Vật lí	2	Đại học	
		Hoá học	1	Đại học	
		Sinh học	2	Đại học	
6	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử	1	Đại học	
		Địa lí	1	Đại học	
7	Công nghệ		1	Cao đẳng	Đại học
8	Tin học		1	Đại học	
9	Giáo dục thể chất		1	Đại học	
10	Nghệ thuật		1	Đại học	
11	HĐTNHN		0		Hoạt động giáo dục bắt buộc
12	Giáo dục địa phương		0		
13	Tiếng dân tộc thiểu số		0		Môn tự chọn
14	Ngoại ngữ 2		0		

Bảng số liệu giáo viên theo cơ cấu bộ môn khối Tiểu học

TT	Môn học	Số lượng GV	Trình độ CM	Ghi chú
Giáo viên văn hóa				
1	Tiếng Việt	17	Đại học	
2	Toán	17	Đại học	
3	Khoa học / Tự nhiên và	17	Đại học	

TT	Môn học	Số lượng GV	Trình độ CM	Ghi chú
Giáo viên văn hóa				
	xã hội			
4	Lịch sử và địa lí	17	Đại học	
5	Đạo đức	17	Đại học	
6	Hoạt động trải nghiệm	17	Đại học	
7	Công nghệ	17	Đại học	
Giáo viên bộ môn				
8	Tin học	1	Đại học	
9	Giáo dục thể chất	1	Đại học	
10	Mĩ thuật	1	Đại học	
11	Âm nhạc	1	Đại học	
12	Tiếng anh	2	Đại học	

Các đồng chí giáo viên có phẩm chất chính trị vững vàng, lối sống, tác phong mẫu mực, có trình độ chuyên môn tốt, có tinh thần cầu thị, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, nhà trường thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Kết quả trong 05 năm học, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó xếp loại tốt và khá đạt từ 97% -100%. Kết quả đó được nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại công khai dựa trên căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của giáo viên, đặc biệt là kết quả bồi dưỡng chuyên môn **[H12-2.2-02]; H1-1.1-02]**.

**Biểu 3: Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên
Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 – 2024**

TT	Năm học	Tổng số GV	Xếp loại chuẩn giáo viên							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2019-2020	40	23	57,5%	16	40%	1	2,5%	0	0
2	2020-2021	40	23	57,5%	17	42,5%	0	0	0	0

TT	Năm học	Tổng số GV	Xếp loại chuẩn giáo viên							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3	2021-2022	39	20	51,3%	19	48,7%	0	0	0	0
4	2022-2023	38	21	55,3%	16	42,1%	1	2,6%	0	0
5	2023-2024	38	28	73,7%	9	23,7%	1	2,6%	0	0

Mức 2:

Từ năm học 2019 -2020 đến năm học 2023-2024, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo được duy trì. Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc Hội về Luật giáo dục, năm học 2019 - 2020 và năm học 2020 - 2021 nhà trường có 90% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn và 10% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo. Theo Điều 30 -Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường và Thông tư 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT, năm học 2021 - 2022 nhà trường có 10,3% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, 71,8% giáo viên đạt chuẩn trình độ và 17,9% giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo; năm học 2022 – 2023 và 2023-2024 có 2,63% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, (số lượng giáo viên đạt trên chuẩn giảm vì có 3 giáo viên chuyển trường), 94,8% giáo viên đạt chuẩn trình độ và 2,6% giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo. Các văn bằng, chứng chỉ đều đúng quy định và được quản lý, lưu trữ đầy đủ trong hồ sơ quản lý nhân sự của nhà trường **[H12-2.2-01]; H1-1.1-02]**.

Đội ngũ giáo viên tâm huyết, nhiệt tình, hăng hái tham gia các phong trào thi đua. Trong các năm học, nhà trường có nhiều đồng chí giáo viên đạt danh hiệu GVĐG cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh, GVCNG cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh. 100% giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp loại tốt và khá (các năm học 2020 - 2021 ; 2021 - 2022) ; 97,4% xếp loại chuẩn nghề nghiệp loại tốt và khá (các năm học 2019 - 2020 ; 2022 - 2023 ; 2023 - 2024). Qua các đợt kiểm tra của chuyên môn nhà trường và phòng giáo dục, không có giáo viên xếp loại yếu kém. Tuy nhiên số giáo viên đạt danh hiệu GVĐG cấp tỉnh chưa nhiều. **[H12-2.2- 02]; [H1-1.1- 02]; [H2 - 1.2 - 07]; [H2 - 1.2 - 05]**.

Các đồng chí giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm lồng ghép trong các tiết học như làm thí nghiệm môn sinh, môn hóa, vật lý, công nghệ (chương trình GDPT 2006); môn KHTN, môn công nghệ, thực hành đo đạc trong môn toán... Giáo viên nhà trường có khả năng định hướng nghề nghiệp, phân luồng nghề nghiệp sau tốt nghiệp trung học cơ sở. Hằng năm nhà trường phân

công cán bộ, giáo viên có năng lực phù hợp dạy Hướng nghiệp lớp 9 có hiệu quả; phối hợp với các trường nghề tổ chức các buổi tuyên truyền, phân tích định hướng nghề cho học sinh, tổ chức cho học sinh lớp 9 tham quan, trải nghiệm tại trường nghề để học sinh có định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp THCS. Hằng năm, các đồng chí giáo viên đã hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Các sản phẩm tham gia dự thi đã đạt giải cấp thành phố và được đi dự thi cấp tỉnh. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H -1.1- 02] ; [H2 - 1.2 - 05].

Biểu 4: Thống kê số giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp

TT	Năm học	Tổng số GV	Cấp trường		Cấp huyện		Cấp tỉnh	
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1	2019-2020	40	40	100%	11	27,5%	0	0
2	2020-2021	40	27	67,5%	11	27,5%	2	5%
3	2021-2022	39	27	67,5%	9	23,8%	0	0
4	2022-2023	38	15	39,5%	8	21%	0	0
5	2023-2024	38	23	60,1%	8	21,1%	1	2,6%

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Trong đó 97,37% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, đạt mức tốt chiếm tỉ lệ từ 50 - 60% [H12 - 1.2 - 02].

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc triển khai cho mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên đăng ký thực hiện ít nhất có một sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo được áp dụng có hiệu quả trong hoạt động giảng dạy của nhà trường. Cuối năm có tổ chức đánh giá hiệu quả áp dụng, trình các cấp có thẩm quyền công nhận. Trong 05 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của giáo viên được Hội đồng thi đua khen thưởng của tỉnh, thành phố công nhận song số lượng sáng kiến cấp tỉnh còn hạn chế [H12-2.2-03].

Biểu 5: Thống kê số lượng sản phẩm nghiên cứu KHKT

TT	Năm học	Tổng số	Cấp trường		Cấp huyện		Cấp tỉnh	
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1	2019-2020	40	40	100%	11	27,5%	0	0
2	2020-2021	40	27	67,5%	9	22,5%	2	5%
3	2021-2022	39	27	69,2%	8	20,5%	0	0
4	2022-2023	38	25	56%	11	29%	0	0
5	2023-2024	38	8	21,5%	8	21,5%	1	2,6%

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã bố trí hợp lý và sử dụng giáo viên phù hợp trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, phát huy tính chủ động sáng tạo của từng cá nhân nhằm đáp ứng tối đa cho các hoạt động giáo dục, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục. Một số giáo viên có năng lực, nhiệt tình, có kinh nghiệm trong công tác ôn luyện đội tuyển HSG, HSNK.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch công tác bồi dưỡng nâng chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên chưa thực hiện triệt để.

Nhà trường chưa có biện pháp hiệu quả nhằm bồi dưỡng giáo viên về khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học (đặc biệt lĩnh vực khoa học hành vi).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phát huy năng lực của đội ngũ giáo viên trong công tác ôn luyện HSG, HSNK	GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, Nội dung sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.	Trong các năm học	Không
Nâng dần tỷ lệ chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào	Hiệu trưởng, PHT,	Theo kế hoạch tuyển sinh của trường Đại học Hạ Long, ĐHSP	Trong các năm học	Giáo viên tự chi trả

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	GV	Hà Nội		
Tổ chức cho đội ngũ giáo viên được tập huấn, học tập tham gia nghiên cứu khoa học	Hiệu trưởng, PHT, GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công Công việc cần thực hiện phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Theo thông tư 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ GD&ĐT-Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Theo Thông tư liên tịch số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 nhân viên bao gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, nhà trường phân công 01 giáo viên kiêm nhiệm thư viện, 01 giáo viên kiêm nhiệm thiết bị [H13-2.3-01].

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Đồng chí Nguyễn Thị Kim Anh nhân viên y tế kiêm thủ quỹ. Đồng chí Đặng Thị Thanh Tâm nhân viên kế toán

kiêm văn thư hành chính. Nhà trường phân công đồng chí giáo viên Phạm Thị Minh Hậu kiêm nhiệm công tác thư viện, đồng chí Dương Thị Thủy kiêm nhiệm thiết bị đồ dùng dạy học. Các đồng chí nhân viên đều đáp ứng được các nhiệm vụ được giao [H7-1.7-02].

Các nhân viên của nhà trường đều tích cực, chủ động với công việc. Nhân viên kế toán có năng lực chuyên môn tốt, năng động trong công tác: luôn lập dự toán thu chi cụ thể, rõ ràng, thực hiện các khoản chi tiết kiệm, đúng mục đích, đảm bảo các chế độ cho CB, GV, NV và học sinh theo đúng pháp luật. Nhân viên phụ trách y tế thực hiện tốt kế hoạch khám, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, kịp thời sơ cấp cứu khi học sinh bị ốm đau, tai nạn. Hằng năm, nhân viên của nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được nhà trường đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H13-2.3-02]; [H1-1.01-02].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017) và Chỉ thị số 25-CT/TU về đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” của Tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay nhà trường có 01 nhân viên làm công tác kế toán kiêm nhiệm công tác văn thư hành chính, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm thủ quỹ, 01 giáo viên phụ trách thư viện, 01 giáo viên phụ trách thiết bị Ngoài ra, trường còn có 06 hợp đồng lao động làm công tác bảo vệ, lao công. Trước ngày 28/08/2017 nhà trường thực hiện theo Thông tư liên tịch số 35/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/08/2006 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31/10/2008 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập [H13-2.2-01].

Các nhân viên nhà trường nhiệt tình trong công tác, hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H13-2.3-02]; [H1-1.01-02].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng vị trí việc làm. Nhân viên Nguyễn Thị Kim Anh làm công tác y tế kiêm thủ quỹ có bằng trung cấp y sĩ đa khoa, có bằng cao đẳng ngành điều dưỡng, có chứng chỉ hành nghề và có chứng chỉ thủ quỹ. Nhân viên Đặng Thị Thanh Tâm làm công tác kế toán kiêm hành chính văn thư có bằng cử nhân kế toán, có chứng chỉ bồi dưỡng kế

toán viên, kế toán trưởng và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư hành chính do các cấp có thẩm quyền cấp [H13-2.3-04].

Hằng năm, các nhân viên của nhà trường được tham gia học tập đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm: Tập huấn về công tác y tế trường học, công tác kế toán tài chính, công tác văn thư, thủ quỹ, công tác phòng cháy chữa cháy... có các chứng chỉ, chứng nhận tham gia các lớp bồi dưỡng. Các nhân viên được điều động thực hiện nhiệm vụ theo quy định của các cơ quan, đơn vị có liên quan [H13-2.3-04] ;[H13-2.3-05].

2. Điểm mạnh:

Các nhân viên được phân công công việc phù hợp với năng lực của bản thân, luôn tích cực, linh hoạt, sáng tạo trong công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Công tác tham mưu của nhà trường với cấp trên bổ sung vị trí nhân viên thiết bị, thư viện còn thiếu chưa hiệu quả, công tác bồi dưỡng phát triển đội ngũ của nhà trường đôi khi chưa kịp thời. Nên ở một số thời điểm, giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị, thư viện chưa qua đào tạo cấp chứng chỉ quản lý thiết bị, thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục tham mưu với cấp trên tuyển nhân viên phụ trách thư viện và thiết bị.	Hiệu trưởng	Phù hợp với thực tế của nhà trường	Năm học 2024-2025	không
Cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo theo vị trí việc làm kiêm nhiệm	Hiệu trưởng	Phù hợp với điều kiện công tác thực tế của nhà trường, nhân viên	Năm học 2024-2025	Ngân sách
Giáo viên tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ công tác thư viện, thiết bị đáp ứng yêu cầu của công việc.	GV	Liên hệ với các trường bạn có nhân viên chuyên trách để học hỏi	Năm học 2024-2025	không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Học sinh của nhà trường đảm bảo quy định về tuổi học sinh theo Điều 33 Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: tuổi của học sinh vào học lớp 1 là 6 tuổi, tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Nhà trường thống kê danh sách học sinh có đầy đủ các thông tin về năm sinh, theo dõi lý lịch học sinh thông qua sổ đăng bộ của nhà trường và sổ chủ nhiệm trên phần mềm smas [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02].

Đầu năm học nhà trường tổ chức cho học sinh học tập nội quy nhà trường, học tập Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT–BGDDT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT (Điều 34, điều 35). Từ đó các em luôn thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình, có ý thức học tập, giữ vệ sinh môi trường, nhiệt tình tham gia các hoạt động giáo dục, các phong trào do nhà trường và các cấp tổ chức và thực hiện nghiêm túc các quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 37 Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H14-2.4-01]; [H1-1.1-02].

Học sinh trường TH&THCS Nam Khê được tôn trọng và bảo vệ, được hưởng đầy đủ các quyền theo Điều 35, Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định của pháp luật. Học sinh được đối xử bình đẳng, dân chủ, đảm bảo các quyền lợi về học tập, vui chơi; được tham gia các hoạt động bồi dưỡng HSG, tham gia các hoạt động ngoài giờ nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, văn nghệ, nâng cao kỹ năng sống, phát triển thể chất. Cơ sở vật chất của nhà trường được đảm bảo để phục vụ tốt cho các em học tập, vui chơi [H1-1.1-02].

Mức 2:

Công tác giáo dục đạo đức học sinh luôn được nhà trường quan tâm, thực hiện tốt. Học sinh nhà trường hầu hết là những học sinh ngoan, thực hiện tốt nhiệm

vụ của học sinh và các quy định về các hành vi không được làm theo Điều 37, Điều lệ trường Trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học nên không có học sinh vi phạm pháp luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhà trường đã thành lập tổ tư vấn học đường để tư vấn tâm lý cho học sinh về tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên; giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại; tư vấn phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp trong tương lai..., giúp các em tháo gỡ những vướng mắc trong học tập và cuộc sống, trong các mối quan hệ. Các nội dung tư vấn tâm lý cho học sinh được dạy tích hợp trong các môn học chính khóa và hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, lồng ghép vào các tiết sinh hoạt lớp, tư vấn trực tiếp tại phòng tư vấn, tư vấn trao đổi qua điện thoại. Tuy nhiên vẫn còn một vài học sinh nói tục chửi thề, chưa chăm học, chưa thực hiện tốt nội quy trường lớp, ý thức bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh chưa tốt, hiện tượng học sinh xích mích đánh nhau vẫn còn xảy ra. Nhưng đã được GVCN, tổng phụ trách đội và các học sinh khác phát hiện kịp thời và có biện pháp giáo dục phù hợp nên đã có chuyển biến tích cực, không tái phạm. Hằng năm nhà trường không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu [H14-2.4-02]; [H5 - 1.5 - 02].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, nhiều học sinh có năng khiếu trong các lĩnh vực văn nghệ, thể dục thể thao. Hằng năm, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá giỏi của nhà trường chiếm tỉ lệ cao 50% - 60%. Nhiều học sinh đạt giải trong các kì thi HSG, thể dục thể thao tại các Hội khỏe Phù Đổng, KHKT, Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng... Thành tích của các em có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp, của nhà trường, các em chính là tấm gương sáng cho các bạn khác noi theo. Tuy nhiên, trong các năm học qua, nhà trường vẫn còn một số ít học sinh chưa có ý thức trong việc học tập vì vậy còn học sinh xếp loại học lực yếu [H14-2.4-03]; [H5-1.5-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động với những nội dung mang tính giáo dục cao giúp học sinh được thực hiện quyền và nghĩa vụ đồng thời tạo những sân chơi lành mạnh giúp các em phát huy được năng lực, sở trường và hạn chế tối đa những tác hại xấu, những mặt trái của xã hội đang tác động đến học sinh.

Các em học sinh của nhà trường chăm ngoan, có ý thức thực hiện các nhiệm vụ của học sinh. Nhà trường có nhiều học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, đồng thời tham gia tích cực các hoạt động của lớp, của nhà trường, của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Học sinh nhà trường tích cực tham gia các

cuộc thi cấp thành phố, cấp tỉnh và đạt được thành tích cao như: Kỳ thi HSG, KHKT, Hội khoẻ phù đồng các cấp, KHKT, Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên chủ nhiệm chưa có biện pháp hiệu quả trong công tác giáo dục, công tác phối hợp với cha mẹ học sinh (đặc biệt đối với các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt). Nên nhà trường vẫn còn một số ít học sinh xếp loại Học lực ở mức Chưa đạt cần phải rèn luyện trong hè và xếp loại Rèn luyện ở mức Đạt trong các năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục duy trì chất lượng học sinh Khá, giỏi (tốt) cấp THCS và HS HTXS cấp TH; phát huy thành tích đội tuyển HSG và HSNK trong các kỳ thi cấp thành phố, cấp tỉnh.	CBQL, TCM, giáo viên	Phù hợp với kế hoạch GD của nhà trường, kế hoạch của Liên đội, kế hoạch của GVCN	Trong các năm học	Không
Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục học sinh.	GVCN, TPT đội, cha mẹ học sinh	Phù hợp với kế hoạch của GVCN lớp	Trong các năm học	Không
Tăng cường công tác phụ đạo học sinh xếp loại Học lực ở mức Chưa đạt để nâng cao chất lượng giáo dục.	GVCN, GVBM	Phù hợp với kế hoạch bồi dưỡng HSG và phụ đạo HS yếu.	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường TH&THCS Nam Khê có đủ mọi điều kiện để triển khai các hoạt động giáo dục. Các đồng chí cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, tận tụy tâm huyết với Công việc cần thực hiện, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có thể chỉ bảo tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường có đủ về số lượng, đảm bảo yêu về chất lượng và đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, tâm huyết với nghề, gắn bó với nhà trường, có

trình thần trách nhiệm cao trong Công việc cần thực hiện, luôn giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh, luôn đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp, tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác. Hằng năm, nhiều CB, GV, NV được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở, cấp Tỉnh, được tặng Bằng khen UBND tỉnh, Giấy khen của các cấp. Đa số học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường, tích cực học tập và tu dưỡng đạo đức.

Tuy nhiên, nhà trường cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định đó là một số ít giáo viên, nhân viên chưa chủ động, sáng tạo trong Công việc cần thực hiện, GVĐG cấp tỉnh còn ít, thiếu nhân viên chuyên trách thiết bị, thư viện một số ít học sinh chưa thực hiện tốt nội quy trường, lớp.

- Tự đánh giá:

+ Số tiêu chí đạt Mức 1: 4/4

+ Số tiêu chí đạt Mức 2: 4/4

+ Số tiêu chí đạt Mức 3: 3/4

+ Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường TH&THCS Nam Khê gồm hai khu riêng biệt, khu Tiểu học được xây dựng vào năm 2010, khu THCS được xây dựng vào năm 2001. Trường bao gồm các hạng mục: khuôn viên, khu sân chơi bãi tập, khu phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập, khối hành chính – quản trị, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước và thư viện. Khối phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, đủ phòng để học sinh học tập, có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, có bảng chống lóa, máy chiếu và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, khối phòng hành chính quản trị đảm bảo yêu cầu. Hệ thống nước sạch ổn định, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu, công trình nhà vệ sinh, nhà để xe đạt chuẩn, bảo đảm tốt cho các hoạt động của nhà trường. Những năm qua, nhà trường đã rà soát, tham mưu với cấp trên bổ sung mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đảm bảo theo các tiêu chí xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời, nhà trường đã tu bổ lại khối phòng học, vẽ trang trí lớp học và tường rào, thay biển tên trường... để có được một môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất nhà trường đặc biệt bên khối THCS sau nhiều năm sử dụng, chất lượng một số công trình như đường điện, đường cấp thoát nước cần được sửa chữa, nâng cấp.

1.Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường biển trường, và tường hoặc rào bao quanh

c) Khu sân chơi bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức, bãi tập.

Mức 3: Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê nằm trên địa bàn tổ 5 khu Nam Tân phường Nam Khê, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, được sáp nhập từ trường THCS Nam Khê và trường Tiểu học Bạch Đằng theo quyết định số: 6826/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố Uông Bí. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, khang trang, tổng diện tích sử dụng là 10.830,1m² (tính bình quân đạt trên 14,2 m²/học sinh). Khuôn viên nhà trường có các bồn hoa, cây xanh, bóng mát, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Việc giáo dục học sinh ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, trồng và chăm sóc cây xanh, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp được thực hiện tương đối tốt [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02].

Nhà trường có cổng trường (gồm 01 cổng chính và 01 cổng phụ), hướng quay của cổng trường nhìn ra mặt đường quốc lộ 18A, cổng trường có biển tên trường. Xung quanh khuôn viên trường có hệ thống tường rào được xây dựng kiên cố tường bao quanh, đảm bảo an toàn, an ninh trường học [H15-3.1-01]; [H15-3.1-03].

Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, bên sân trường cấp tiểu học có góc vui chơi bập bênh, có sân tập thể dục có hệ thống cây xanh che bóng mát; cấp THCS có sân trường có kẻ vạch đường chạy, sân ném bóng, sân đánh cầu lông, sân hoạt động thể dục, hồ cát, sân bóng đá mini, cầu trượt, và các thiết bị phục vụ luyện tập thể dục, thể thao, đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H15-3.1-02]; H15-3.1- 03]; [H1-1.1-02]; [H6-1.6- 02].

Mức 2:

Nhà trường có hai khu sân chơi dành cho hai cấp học với diện tích trên 2500m². Khu sân chơi, bãi tập cấp tiểu học nền sân được lát gạch đỏ chống trơn, khuôn viên sân rộng rãi, hệ thống cây xanh lâu năm tán lá rộng tạo cảnh quan

đẹp, có nhiều bóng râm, làm mát cho học sinh khi vui chơi và hoạt động tập thể. Sân trường luôn được nhà trường quan tâm làm sạch, nạo vét rêu bám nền gạch, chân tường, thu gom, quét lá rụng vệ sinh hàng ngày, sân trường giữ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, sinh hoạt tập thể, có thể tổ chức được các hoạt động của cả trường như: Khai giảng, đồng diễn thể dục, sân đánh cầu lông, đá cầu, hoạt động ngoại khóa...Khu sân chơi bãi tập bên cấp THCS, được chia làm hai phần, trước tòa nhà lớp học là nền sân được đổ bê tông bằng phẳng, trên sân được thể kế đường chạy thể dục, sân cầu lông, sân ném bóng được giữ vệ sinh sạch sẽ, có cây xanh bóng mát bao quanh. Trường có khu đất riêng sử dụng làm khu giáo dục thể chất với diện tích khoảng 800m² nền sân cỏ, có thiết kế sân bóng đá mini, hố cát nhảy xa, cầu trượt, khuôn viên thường xuyên tỉa cắt, dọn cỏ tạo cảnh quan gọn gàng, sạch sẽ, an toàn đáp ứng được các yêu cầu hoạt động tổ chức giáo dục của cấp học. Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H15-3.1-02];[H6-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt với tổng diện tích là 10.830,1m² (tính theo đầu học sinh đạt 14,2 m²/ học sinh). Khu sân chơi, bãi tập có diện tích rộng rãi khoảng 3.300m² (chiếm 30% tổng diện tích chung toàn trường). Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tham gia tích cực các hoạt động lao động dọn vệ sinh chung, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh, giữ gìn vệ sinh khuôn viên trường lớp sạch đẹp, khu vực sân chơi, bãi tập đảm bảo an toàn [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục, khu sân chơi, bãi tập có diện tích sử dụng đảm bảo đúng đủ theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 32/2020-BGDĐT, đáp ứng tốt các yêu cầu về thiết bị, đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục. Cổng biển, tên trường bố trí khoa học, rõ ràng, phù hợp với môi trường giáo dục, tường rào bao quanh đảm bảo công tác an ninh trong trường học.

Việc giáo dục học sinh ý thức bảo vệ cơ sở vật chất, trồng và chăm sóc cây xanh, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp được thực hiện tương đối tốt.

3. Điểm yếu

Chưa có nhà đa chức năng, khu tập TDTT ngoài trời còn nắng, mưa nên ảnh hưởng đến hoạt động TDTT của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tiếp tục duy trì phát triển cảnh quan nhà trường ngày càng xanh-sạch-đẹp và an toàn; tạo bồn hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà trường.	CBQL, TPT đội, giáo viên, học sinh	Có kế hoạch tu bổ, sửa chữa, dọn vệ sinh và trồng nhiều cây cảnh, hoa trong khuôn viên nhà trường.	Theo định kì	Ngân sách; Xã hội hóa
Tham mưu với Phòng giáo dục và UBND thành phố xây nhà Đa chức năng	Hiệu trưởng	Văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Nguồn kinh phí cấp trên

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê có 04 dãy nhà học 02 tầng, được xây dựng kiên cố. Trường TH&THCS Nam Khê có 21 phòng học (09 phòng học cấp THCS và 12 phòng học cấp Tiểu học) với diện tích khoảng 52 m²/phòng học. Mỗi phòng học được kê từ 15 đến 18 bộ bàn ghế công nghiệp, từ 2 đến 3 chỗ ngồi của học sinh với tổng chỗ ngồi từ 35 đến 45

chỗ, 01 bộ bàn ghế của giáo viên, 01 tủ đựng đồ dùng, 01 bảng chống lóa, 01 máy chiếu và màn chiếu, 04 quạt trần, 03 quạt treo tường. Mỗi phòng học được trang bị từ 6 đến 12 bóng điện thấp sáng đảm bảo đủ ánh sáng. Các lớp học đều có hệ thống cửa kính mắc rèm đảm bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông. Bàn ghế học sinh đủ, kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo quy cách phù hợp với lứa tuổi học sinh theo quy định **[H6-1.6-02];[H16-3.2-01]; [H16-3.2-02];[H16-3.2-03]; [H1-1.1-02]**.

Nhà trường có 14 phòng bộ môn: Cấp Tiểu học có 06 phòng bộ môn, trong đó: có 01 phòng Khoa học - Công nghệ (sử dụng chung cho các môn học Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Công nghệ), 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Đa chức năng. Cấp THCS 08 phòng bộ môn, trong đó: có 02 phòng Khoa học tự nhiên, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng Âm nhạc- Tiếng anh, 01 phòng Tin học, 01 phòng Đa chức năng, 02 phòng Khoa học xã hội (sử dụng chung cho các môn học Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí). Mỗi phòng bộ môn được kê bàn ghế đủ chỗ ngồi cho học sinh và giáo viên. Các trang bị thiết bị, đồ dùng thí nghiệm phục vụ cho thực hành bộ môn được trang bị đầy đủ. Ngoài ra các phòng bộ môn được lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, quạt điện, bảng chống lóa. Riêng phòng ngoại ngữ được lắp đặt tại lớp học trang bị theo chuẩn gồm: 01 máy chiếu, 01 máy vật thể, 01 loa kéo, 40 bộ trắc nghiệm phục vụ cho câu hỏi trắc nghiệm; âm li, micro, loa máy...**[H16-3.2-01]; [H16-3.2-02]; [H16-3.2-03]; [H1-1.1-02]**.

Nhà trường có 01 phòng Đoàn-Đội, 01 phòng thư viện, 01 phòng Đọc, 01 phòng truyền thống, 02 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng tư vấn, 01 phòng tư vấn học đường hỗ trợ học sinh khuyết tật. Phòng Đoàn-Đội được trang bị máy tính, máy in, các tài liệu, hồ sơ được quản lý cẩn thận và nhà trường ghi cụ thể trong sổ quản lý tài sản, có bảng kế hoạch hoạt động hàng tháng. Phòng thư viện là nơi lưu trữ các loại sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, truyện của học sinh và giáo viên. Được trang bị máy tính, sắp xếp ngăn nắp, khoa học. Phòng đọc được trang bị bàn ghế đảm bảo chỗ ngồi cho học sinh học tập và nghiên cứu. Phòng truyền thống lưu trữ những thành tích của thầy và trò trong các năm học và những sản phẩm tiêu biểu chất lượng tốt đạt giải trong các kì thi của học sinh. Phòng thiết bị giáo dục được trang bị các giá đỡ để thiết bị các môn học và các thiết bị được trang cấp hàng năm. Trong các phòng tư vấn được kê bàn ghế gọn gàng để tư vấn hỗ trợ học sinh. Cuối mỗi năm học, Ban cơ sở vật chất thực hiện kiểm kê, kiểm tra tài sản của các phòng Đoàn - Đội, thư viện, truyền thống và xác nhận có biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất và được thể hiện thông qua báo cáo sơ kết tổng kết của nhà trường **[H16-3.2-01]; [H6-1.6-02];[H1-1.1-02]**.

Mức 2:

Các phòng học và phòng bộ môn của nhà trường được xây dựng có diện tích là 52m²/phòng học. Trong phòng ghi rõ nội quy sử dụng, các trang thiết bị được kê ngay ngắn trên kệ và có biển chỉ dẫn để sử dụng, các thiết bị được phân loại theo môn, khối, nhóm thiết bị, các hóa chất được đặt trong tủ có dán nhãn, những hóa chất hết hạn sử dụng được phân loại và lập biên bản đóng hộp để chờ xử lý theo quy định. Chỗ ngồi cho học sinh khuyết tật được bố trí ở phía trên, gần cửa vào phòng học, hệ thống trang thiết bị phù hợp tầm với của học sinh khuyết tật, trong đó tầm với đứng là 1,20m, theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; báo cáo sơ kết, tổng kết [H16-3.2-02]; [H6-1.6-02];[H1-1.1-02].

Khối phòng hỗ trợ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định, bao gồm 08 phòng: 01 phòng Đoàn - Đội có diện tích 25m², 02 phòng thư viện mỗi phòng có diện tích trên 35 m², 01 phòng truyền thống có diện tích 20m² ; 02 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (01 phòng có diện tích 15m² và 01 phòng có diện tích 52m²); 02 phòng thiết bị giáo dục có diện tích 30 m². Các phòng đều được lắp đặt hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng, bàn, ghế làm việc, hệ thống tủ, kệ, kết nối mạng phục vụ các hoạt động của nhà trường và tổ chức các cuộc họp trực tuyến [H6-1.6-02];[H16-3.2-02]; [H16-3.2-03]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng bộ môn, phòng khối hỗ trợ học tập của nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2006. Các phòng học được trang bị máy chiếu (hoặc ti vi) hệ thống mạng wifi khỏe, được phủ sóng rộng cả hai cấp học; có đầy đủ các dụng cụ loa, âm thanh, kết nối với thiết bị phục vụ cho việc dạy và học [H6-1.6-02]; [H16-3.2-01]; [H16-3.2-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng học, phòng bộ môn và khối phòng hỗ trợ học tập xây dựng đạt chuẩn theo quy định thông tư 13/2020/TT-BGDĐT. Các phòng học, phòng bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2006. Các phòng được kết nối hệ thống đường mạng wifi được nâng cấp đáp ứng yêu cầu các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số trang thiết bị ở phòng Ngoại ngữ đã cũ, xuống cấp nên hiệu quả sử dụng chưa cao; một số máy chiếu ở phòng học hiện đang có dấu hiệu trình chiếu hình ảnh mờ.

Bàn ghế học sinh của cấp Trung học cơ sở có đủ nhưng một số lớp học bàn ghế chưa đảm bảo đạt chuẩn, vẫn còn bàn 02 chỗ ngồi, ghế rời. Phòng học khối

Trung học cơ sở, phòng học bộ môn được xây dựng nhiều năm trước, hiện nay hạ tầng xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)
Duy trì, sử dụng hiệu quả hệ thống các phòng học, phòng bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập.	Giáo viên, nhân viên, học sinh	Thường xuyên sử dụng các phòng học, phòng bộ môn khối phòng hỗ trợ học tập ; bảo vệ các trang thiết bị, sửa chữa thiết bị hỏng kịp thời, quản lý chặt chẽ.	Trong các năm học	Nguồn ngân sách, xã hội hóa
Bổ sung xây mới các phòng học bộ môn cấp THCS	Hiệu trưởng	Xây dựng kế hoạch trình với Phòng giáo dục, tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí	Giai đoạn 2025-2030	Ngân sách sự nghiệp giáo dục
Xin đầu tư phòng học thông minh	Hiệu trưởng	Xây dựng kế hoạch trình với Phòng giáo dục & Đào tạo Uông Bí	Từ năm học 2024-2025	Ngân sách sự nghiệp giáo dục
Đề xuất mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học theo quy định	CBQL, Kế toán, nhân viên TBDH, Tổ chuyên môn	Phù hợp với các quy định hiện hành	Từ năm học 2024-2025	Ngân sách sự nghiệp giáo dục

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- Trường học đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*
- Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng kế toán có đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; có 02 phòng bảo vệ, trong đó 01 phòng bảo vệ được đặt ở gần lối ra vào của cổng trường chính, có vị trí quan sát thuận lợi, 01 phòng bảo vệ được đặt gần lối ra vào của cấp học THCS để quan sát; có 04 nhà vệ sinh dành cho CB, GV, NV, trong đó có 2 nhà vệ sinh bố trí 01 khu vệ sinh nam, 01 khu vệ sinh nữ riêng biệt, có chậu rửa tay, có xà phòng khử khuẩn. Nhà vệ sinh được bố trí nơi thuận tiện cho sử dụng và không làm ảnh hưởng tới môi trường **[H16-3.2-02]; [H6-1.6-02]; [H17 - 3.3 - 01]**.

Nhà trường bố trí hợp lý khu để xe cho giáo viên, nhân viên và học sinh trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự. Nhà xe học sinh có diện tích 200m², được bố trí bên cấp THCS. Khu để xe cho CB, GV, NV gồm 02 nhà diện tích khoảng trên 200m² (01 nhà xe ở cấp Tiểu học, 01 nhà xe cấp THCS). Nhà xe của CB, GV, NV và nhà xe học sinh được bố trí phù hợp với khuôn viên nhà trường, có mái che mưa nắng nên xe được bảo quản tốt **[H17-3.3-01]**

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị và kiểm tra tài sản và bổ sung các thiết bị nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường **[H16-1.6-01]; [H17-3.3-02]**.

Mức 2:

Nhà trường có đủ các phòng làm việc trong khối hành chính - quản trị cơ bản đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, được bố trí hài hòa khoa học, được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động theo quy định. Các phòng làm việc được bố trí tại vị trí thuận lợi cho Công việc cần thực hiện và quan sát các khu phòng học, có đủ các thiết bị tối thiểu đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người sử dụng. Có 01 phòng Hiệu trưởng (25m²), 02 phòng Phó Hiệu trưởng (25m²), 01 phòng Văn phòng (52m²), 01 phòng Kế toán (25m²), 02 phòng bảo vệ (9m²), 02 nhà để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên (trên 200m²); 04 khu nhà vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó

02 khu được chia thành hai phòng nam và nữ riêng biệt. Các phòng trong khối hành chính quản trị còn được trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định, đảm bảo cho các hoạt động, được thể hiện trên hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường, sơ đồ tổng thể của nhà trường, trong sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục [H15-3.1-02]; [H16-3.2-01]; [H6-1.6-02]; [H17-3.3-02].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường: các phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, kế toán được trang bị 01 máy vi tính, 01 máy in có kết nối internet, có hệ thống quạt trần, máy lạnh, bàn làm việc, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp hợp lý. Các phòng khác đảm bảo đầy đủ thiết bị theo quy định. Nhà trường đã trang bị hệ thống camera giám sát các hoạt động giáo dục. Nhà trường được các cấp có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.1-07]; [H1-1.1-06]; [H15-3.1-02]; [H16-3.2-01]; [H6-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất theo thông tư 13/2020/TT-BGDDT, được thiết kế, xây dựng đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8794: 2011) Trường trung học – yêu cầu thiết kế. Khối phòng hành chính quản trị có đầy đủ các thiết bị như bàn, ghế, máy tính, máy in, tủ đựng tài liệu, hệ thống quạt, máy lạnh sắp xếp hợp lý, khoa học phục vụ tốt công tác quản lý của nhà trường. Hệ thống mạng internet được nâng cấp, hệ thống camera quản lý về an ninh, trật tự tại trường học phát huy hiệu quả tốt. Hàng năm nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản bàn giao, thiết bị giáo dục và có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy học.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có đủ số phòng được xây dựng, tuy nhiên hiện nay công trình đang bị xuống cấp, một số phòng hành chính quản trị đã được xây từ năm 2000, đến nay xuống cấp mạnh, nền nhà lồi lõm, tường nhà bong tróc.

Khu nhà để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên đã được xây dựng đảm bảo an toàn, trật tự nhưng diện tích còn hẹp so với tiêu chuẩn định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường Trung học cơ sở (*Thông tư số 13/2020/TT-BGDDT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của khối hành chính, quản trị nhà trường	CBQL, GV, NV	Xây dựng quy chế sử dụng tài sản công.	Định kỳ trong các năm học	không
Đề xuất xây mới khối phòng hành chính quản trị	Hiệu trưởng	Xây dựng kế hoạch trình với Phòng giáo dục, tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí	Giai đoạn 2025-2030	Ngân sách sự nghiệp giáo dục
Làm đề án, xin sửa chữa công trình xây dựng	Hiệu trưởng	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong các năm học	Nguồn kinh phí do cấp trên cấp

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Ở cấp Tiểu học, nhà trường có 01 nhà vệ sinh cho học sinh tổng diện tích 40 m² chia làm 2 khu vực dành cho học sinh Nam và học sinh Nữ riêng; số thiết bị trong nhà vệ sinh nam: 03 chậu xí, 03 chậu tiểu, 02 chậu rửa tay; số thiết bị trong nhà vệ sinh nữ: 05 chậu xí, 03 chậu rửa tay. Có 02 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 01 nhà vệ sinh chia thành 02 khu riêng dành cho Nam và Nữ, số lượng thiết bị trong phòng vệ sinh nam: 02 chậu tiểu, 01 chậu xí, 01 chậu rửa tay. Số lượng thiết bị trong phòng vệ sinh nữ: 03 chậu xí, 01 chậu rửa tay, được thiết kế trên tầng 2, phòng cuối cùng của khu Hiệu bộ. Có 01 nhà vệ sinh dùng chung được thể kế 01 chậu xí, 01 chậu rửa tay, thiết kế gồm cầu thang tầng 01 khu dãy nhà Hiệu bộ. Cấp THCS có 01 nhà vệ sinh cho học sinh với tổng diện tích khoảng trên 30 m² chia làm 2 khu vực dành cho học sinh Nam và học sinh Nữ riêng. Thiết bị trong nhà vệ sinh nữ: 02 chậu xí, 03 chậu tiểu, 02 chậu rửa tay. Thiết bị trong nhà vệ sinh nam: 02 chậu xí, 03 chậu tiểu, 02 chậu rửa tay. Có 01 nhà vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên được chia thành 02 khu riêng dành cho Nam và Nữ, thiết bị nhà vệ sinh Nữ được lắp đặt 01 chậu xí, 01 chậu rửa tay, nhà vệ sinh Nam có 01 chậu xí, 01 chậu tiểu, 01 chậu rửa tay. Chiều cao lắp đặt thiết bị vệ sinh phù hợp nhu cầu sử dụng và lứa tuổi học sinh. Các nhà vệ sinh hoàn toàn khép kín đảm bảo không ô nhiễm môi trường, khu vệ sinh sử dụng cho cả học sinh khuyết tật học hòa nhập. Các nhà vệ sinh của nhà trường được ốp lát đá hoa loại chống trơn trượt, hệ thống vệ sinh tự hoại, xả nước bằng tay, nước thải thoát xuống hố tự hoại không chảy ra môi trường, hệ thống ánh sáng đảm bảo, trong phòng vệ sinh thùng đựng rác thải, hằng ngày được lao công thu và đưa ra nơi tập kết rác thải để xử lý, không làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường. Trước cửa phòng vệ sinh có khu rửa tay riêng với đầy đủ xà phòng sát khuẩn, khăn lau..., phòng vệ sinh cấp Tiểu học được trang trí cây xanh thân thiện, thoáng mát, khu vệ sinh dành cho học sinh cấp Tiểu học và THCS đạt tiêu chuẩn mức độ 2 là 0,06 m²/học sinh [**H15-3.1- 02**]; [**H18-3.4-01**]; [**H18-3.4-02**].

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, môi trường. Đường ống dẫn nước vào, hố đồng hồ đo nước, mạng lưới đường ống chính, ống nhánh, ống phân phối nước dẫn đến các dụng cụ vệ sinh, thiết bị sản xuất và thiết bị chữa cháy. Hệ thống cấp nước ăn uống sinh hoạt thiết kế đảm bảo cấp nước có chất lượng theo đúng tiêu chuẩn chất lượng do Nhà nước quy định cho nước dùng để ăn uống. Mạng lưới phân phối của đường ống cấp nước bên trong được đặt ngầm trong tường. Các van đặt trong rãnh ngầm. Chiều cao lắp đặt thiết bị vệ sinh phù hợp nhu cầu sử dụng và lứa tuổi học sinh. Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy đảm bảo quy định. Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế

đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi chảy vào hệ thống thoát nước của khu vực. Đảm bảo việc thu gom và xử lý các chất thải đúng quy định. Mỗi phòng học, phòng làm việc bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời. Khu vực sân vườn có thùng chứa rác. Vị trí thu gom, xử lý, vận chuyển rác chung của toàn trường bố trí cách biệt với các khu vực khác, cách khối nhà học không dưới 25 m và nằm ở cuối hướng gió. Nguồn nước sinh hoạt nhà trường sử dụng là nước máy được hợp đồng với công ty cấp nước sạch Quảng Ninh. Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT và Bộ y tế quy định về công tác y tế trường học. Nước được chứa đựng trong bể xây và bơm lên các téc đặt trên mái nhà. Nước được dẫn vào hệ thống ống cấp nước chung của nhà trường đến từng khu vực, khu vệ sinh học sinh, giáo viên, hệ thống vòi rửa tay của học sinh. Hệ thống bể chứa và téc đều có nắp đậy và định kỳ 2 lần/năm (6 tháng/lần) vệ sinh, thau rửa không để lắng cặn. Xung quanh các bể chứa được vệ sinh thường xuyên, xa các nguồn ô nhiễm. Nhà trường có hệ thống thoát nước mưa, khu nhà vệ sinh có hệ thống thoát nước riêng. Trường TH& THCS Nam Khê có hệ thống thoát nước, được nạo vét hằng năm trước mùa mưa đảm bảo không gây ngập lụt. Nguồn nước uống của nhà trường: Nhà trường được Sở GDĐT Quảng Ninh trang bị máy lọc nước năm 2018. Hàng năm nhà trường thực hiện thay thế các quả lọc. Nhà trường thực hiện kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước uống trực tiếp sau khi lọc 02 lần/năm. Kết quả các chỉ tiêu trong nước đều đạt theo tiêu chuẩn quy định thông số thể hiện qua Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 4176/KSBTQN do Sở y tế Quảng Ninh Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh. Địa chỉ Phố Hải Phúc- Phường Hồng Hải - TP Hạ Long- Quảng Ninh, Phó Giám đốc Trương Hoàng Kiên đã kí. **[H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].**

Nhà trường hợp đồng với một lao công quét dọn sân trường, khu nhà hiệu bộ và các phòng chuyên môn, khu vệ sinh của giáo viên, học sinh... và vận chuyển đến nơi tập kết rác thải theo quy định. Trường có thùng đựng và phân loại rác thải (thùng màu xanh dành cho rác thải sinh hoạt, thùng màu vàng dành cho rác thải y tế). Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác. Rác thải được thu gom hằng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường thông qua Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Uông Bí - Quảng Ninh về việc thu giá dịch vụ thu gom và vận chuyển và xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt (*Hợp đồng Số 33/HĐ-DV ngày 22/1/2019*) **[H18-3.4-03].**

Mức 2:

Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng. Tuy nhiên khu nhà vệ sinh của học sinh khối Tiểu học còn đặt gần dãy phòng học. (*Lí do ảnh hưởng mỹ quan: Trường*

TH&THCS Nam Khê hiện nay là được sáp nhập từ 02 trường Trường Tiểu học Bạch Đằng và Trường THCS Nam Khê từ năm 2019. Quỹ đất của cấp Tiểu học hẹp chỉ có 4.165,4 m², công trình thi công của cấp Tiểu học được xây dựng từ năm 2007, khuôn viên trường hẹp, nhà trường đã xây dựng khu nhà vệ sinh của học sinh riêng biệt tuy nhiên khu nhà vệ sinh vẫn phải xây dựng gần dãy phòng học).
[H15-3.1-02]; [H18-3.4-02].

Hệ thống cấp nước sạch (nước uống, nước sinh hoạt) đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cung cấp đủ lượng và đảm bảo chất lượng nước uống, nước sinh hoạt. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học. Phòng y tế của nhà trường được hoạt động thường xuyên, chăm lo sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh khi cần thiết.

Chất thải y tế được phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh; Từng loại chất thải y tế được phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021. Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải là tại phòng y tế: bố trí vị trí phù hợp, an toàn để đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa để phân loại chất thải y tế; Tại vị trí đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải. Phòng y tế nhà trường có 2 thùng chứa rác: thùng màu vàng đựng rác thải lây nhiễm, thùng màu xanh đựng rác thải thông thường. Đối với rác thải y tế lây nhiễm, nhà trường thu gom và bàn giao về trạm y tế phường Nam Khê theo quy định, có sổ theo dõi bàn giao rác thải y tế giữa nhân viên y tế trường học với nhân viên trạm y tế địa phương. Chất thải trong phòng thí nghiệm được chia thành: chất thải rắn, lỏng, khí. Chất thải rắn: chai, lọ thủy tinh đựng dung dịch, hóa chất; Chất thải lỏng: những dung dịch khi tiến hành thí nghiệm; Chất thải khí: những loại khí thải bay ra từ phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm. Chất thải rắn tự thu gom tất cả chai, lọ, ống nghiệm,...đề vào túi đựng rác chờ xử lý. Đối với các loại chất thải lỏng, khí thì xử lý hóa chất dư thừa, hóa chất làm xong thí nghiệm, của môn học Khoa học tự nhiên được giáo viên giảng dạy môn học hướng dẫn học sinh thu gom hóa chất cho vào lọ thủy tinh chứa hóa chất dư thừa, đậy nắp kín, và ghi chú bên ngoài, trùm túi bóng màu đen để trong hòm gỗ, chờ tiêu hủy tập trung. Những hóa chất hết hạn, giáo viên quản lý phòng học bộ môn niêm phong trùm túi bóng màu đen để cũng để trong hòm gỗ, chờ tiêu hủy tập trung. Tuy nhiên nước thải từ phòng học Khoa học tự nhiên được thải cùng hệ thống nước thải chung của nhà trường. Hệ thống cống rãnh được khơi thông, kiểm tra và tu sửa định kỳ hàng năm **[H18-3.4-01]; [H18-3.4-03].**

2. Điểm mạnh

Công trình vệ sinh, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo vệ sinh, đáp ứng tốt yêu cầu của hoạt động giáo dục, nhà trường luôn có biện pháp hữu hiệu xây dựng được cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp.

Các khu vệ sinh được bố trí riêng biệt từng khu phù hợp với khuôn viên của nhà trường, hệ thống cấp, thoát nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh, nước uống đảm bảo đủ tiêu chuẩn, phục vụ đầy đủ cho giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Một số học sinh chưa có ý thức sử dụng và giữ gìn vệ sinh chung, còn vứt rác bừa bãi, quên không xả nước và còn hiện tượng bỏ giấy vào bồn cầu. Nhà trường có đủ các khu vệ sinh, tuy nhiên bồn vệ sinh của học sinh và giáo viên cấp Trung học cơ sở đã cũ. Nhà trường chưa lắp đặt hệ thống xử lý nước thải nguy hại từ phòng Khoa học tự nhiên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phát huy các điểm mạnh: nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, công trình thoát nước và thu gom rác đảm bảo vệ sinh, an toàn.	CBQL, GV, NV, HS	Kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch hoạt động của Liên đội, Kế hoạch GVCN lớp	Trong năm học	Nguồn ngân sách
Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành nội quy vệ sinh chung của học sinh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung.	Nhân viên y tế, GVCN, TPT đội, đội cờ đỏ	Phù hợp với nội quy của nhà trường	Hàng ngày	Không
Đề xuất lắp hệ thống xử lý nước thải nguy hại khu phòng Khoa học tự nhiên.	Hiệu trưởng	Xây dựng kế hoạch trình với Phòng giáo dục	Trong năm học	Ngân sách sự nghiệp giáo dục

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Sửa chữa, thay thế bồn vệ sinh của học sinh và giáo viên cấp Trung học cơ sở đã cũ để đảm bảo vệ sinh	Hiệu trưởng	Rà soát, kiểm kê. Xây dựng kế hoạch trình với Phòng giáo dục, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí	Giai đoạn 2025-2030	Ngân sách sự nghiệp giáo dục

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường (theo quy định....)

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định...

c) Hằng năm các thiết bị được nhà trường kiểm kê, sửa chữa có văn bản kèm theo.

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định ...

c) Hằng năm nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường TH&THCS Nam Khê có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường gồm 11 máy tính, 08 máy in và 01 máy phô tô [H6-1.6-02]; [H16 - 3.2 - 01]. Nhà trường có đầy đủ các thiết bị đồ dùng dạy

học tối thiểu ở tất cả các khối theo quy định để phục vụ giảng dạy và học tập. Ngoài ra mỗi phòng học ở khối THCS và một số phòng học khối Tiểu học còn được trang bị thêm 01 máy chiếu; 02 phòng tin học; có 01 phòng được trang bị 21 máy tính được kết nối Internet (được lắp đặt tại cấp THCS), các phòng học bộ môn được trang sắm đầy đủ các thiết bị dạy học cho từng môn học cụ thể, được kết nối Internet **[H6-1.6-02]; [H16-3.2-01]; [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]**.

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tình trạng các thiết bị, xây dựng kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung các thiết bị dạy học, máy chiếu...làm biên bản xin tiêu hủy các hóa chất hết hạn sử dụng và xin bổ sung thêm các hóa chất cũng như các dụng cụ thí nghiệm mới. Một số thiết bị dạy học thiếu đồng bộ, máy chiếu sử dụng nhiều năm đã hết khấu hao **[H6-1.6-02]; [H16-3.2-01], [H19-3.5-03]; [H19-3.5-04]**.

Mức 2:

Tất cả hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối mạng Internet phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động dạy học. Tất cả các đường truyền mạng đều là đường truyền tốc độ cao, phủ sóng wifi toàn trường đáp ứng các hoạt động, đặc biệt là công tác quản lý hành chính và công tác dạy học trực tuyến và trực tuyến kết hợp trực tiếp theo kế hoạch của nhà trường. Hàng năm, nhà trường đều nhận được những đánh giá phản hồi của cán bộ, giáo viên, nhân viên về đường truyền Internet nhằm khắc phục và hỗ trợ tốt nhất sự ổn định của đường truyền đảm bảo cho công tác quản lý và giáo dục **[H19-3.5-05]; [H19-3.5-06]**.

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông 2006 và trong năm 2023 nhà trường được trang cấp thiết bị tối thiểu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho cấp Tiểu học, thiết bị phục vụ giảng dạy môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Nghệ thuật, thiết bị ngoài trời, môn Giáo dục thể chất. Ngoài ra các phòng học còn được trang bị thêm 01 máy chiếu (hoặc 01 ti vi); 02 phòng tin học, trong đó 01 phòng được trang bị 21 máy tính được kết nối Internet. Ngoài ra, nhà trường còn được trang bị 02 phòng học ngoại ngữ cùng các thiết bị hiện đại gồm: 03 máy chiếu, 03 máy vật thể, 03 loa kéo và Míc, 120 bộ trắc nghiệm phục vụ cho câu hỏi trắc nghiệm; ampli, micro, loa máy...Các phòng học bộ môn được trang bị sắm đầy đủ các thiết bị dạy học cho từng môn học. Tuy nhiên đến nay một số thiết bị ở phòng học ngoại ngữ đã xuống cấp, không sử dụng được **[H6-1.6-02];[H16 - 3.2 - 01]**.

Định kỳ hàng năm nhà trường kiểm tra, đánh giá tình trạng các thiết bị, thay thế những thiết bị hỏng không sử dụng được cho các phòng học, sửa chữa bàn ghế, mua bảng viết thay những chiếc đã mờ và xin bổ sung thêm các hóa chất cũng như các dụng cụ thí nghiệm mới. Bên cạnh những thiết bị được trang cấp, hàng năm giáo viên của nhà trường đã tự làm các đồ dùng dạy học như tranh ảnh, tư liệu, mô

hình dạy học để phục vụ công tác giảng dạy có hiệu quả [H16-3.2-01]; [H19-3.5-03]; [H19-3.5-07].

Mức 3:

Nhà trường có phòng thí nghiệm được trang bị đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả phòng Khoa học tự nhiên, phòng Công nghệ. Trong phòng thí nghiệm có đủ các loại thiết bị như dụng cụ đồ dùng, hoá chất, kính hiển vi, kính lúp, ... và được giáo viên sử dụng thường xuyên, đạt hiệu quả trong dạy học [H19 -3.5-01]. Trong giảng dạy, giáo viên thường xuyên sử dụng khai thác các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm nhằm phát huy hiệu quả, tính năng của các thiết bị dạy học. Giáo viên đã thiết kế và sử dụng bài giảng điện tử, với nhiều phần mềm hỗ trợ dạy học để nâng cao chất lượng các giờ dạy. Trong các giờ thực hành, thí nghiệm, giáo viên đã chú ý tổ chức lớp học khoa học, hợp lý để huy động mọi học sinh đều tham gia thực hành. Nhà trường được tài trợ tặng một phòng Tin học với 21 máy góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn. Như vậy có thể thấy, trước nhu cầu đổi mới giáo dục, nhà trường đã được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị dạy học; đồng thời khai thác, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học hiện có, tự làm thêm các thiết bị dạy học cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học; nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học một cách nghiêm túc và có hiệu quả, phát huy tốt chức năng các phòng học thực hành, bộ môn. Hàng tháng có đánh giá rút kinh nghiệm về việc khai thác, sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên, được thể hiện qua biên bản kiểm tra đánh giá của Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, các tổ trưởng, của cấp trên với các thành viên trong tổ chuyên môn [H1-1.1-07]; [H19-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Nhà trường đã bổ sung thiết bị dạy học cho môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, môn Nghệ thuật, môn Giáo dục thể chất, thiết bị hoạt động ngoài trời. Một số phòng học bộ môn thiết bị dạy học có đủ, có phòng Tin học số lượng máy tính đảm bảo phục vụ tốt cho công tác nâng cao chất lượng bộ môn.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị của phòng học ngoại ngữ được trang cấp đã cũ, hỏng chưa được thay thế. Thiết bị chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chưa được trang bị kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Duy trì, phát huy sử dụng các thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học hiệu quả đáp ứng tốt công tác quản lý, dạy học	Hiệu trưởng, GV, NV, HS	Sử dụng thiết bị đảm bảo theo quy định, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị kịp thời.	Trong các năm học	Ngân sách sự nghiệp giáo dục
Bổ sung trang cấp thiết bị chương trình Giáo dục phổ thông 2018	Hiệu trưởng	Rà soát, thống kê thiết bị đang có	Giai đoạn 2024-2028	Ngân sách sự nghiệp giáo dục hoặc nguồn xã hội hóa.
Đề xuất mua sắm TBDH phòng ngoại ngữ đã cũ, hỏng	CBQL, TCM, GV	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong năm học 2024-2025	Ngân sách sự nghiệp giáo dục

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**Tiêu chí 3.6: Thư viện***Mức 1:*

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện nhà trường đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện nhà trường đã được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của

Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông).

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện trường TH&THCS Nam Khê được xây dựng theo tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông có đủ sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, báo, tạp chí, băng đĩa và các tài liệu tham khảo khác, mỗi lớp có 01 tủ sách tại lớp đáp ứng hoạt động dạy học, hoạt động nghiên cứu và các hoạt động khác của nhà trường. Thư viện được bố trí vị trí hợp lý, thông thoáng, có đủ ánh sáng, có kho sách riêng biệt, phòng đọc có đủ bàn ghế học sinh ngồi nghiên cứu và đọc sách, có phương tiện nghe nhìn, máy tính kết nối Internet, có máy in, nội quy thư viện và bảng hướng dẫn sử dụng cách tra tìm tài liệu trong thư viện. Thư viện có các danh mục để tiện cho việc quản lý và theo dõi các nguồn tài liệu của thư viện, có sổ theo dõi việc cho bạn đọc mượn sách. Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định của Bộ GDĐT (theo danh mục Chương VI Tài sản của trường, điều 44 các khối công trình của trường, mục 6 Thư viện) **[H20-3.6-01]**.

Hoạt động của thư viện được quản lý tốt và khoa học, đáp ứng các yêu cầu của giáo viên và học sinh trong nhà trường. Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý thư viện song chưa có học sinh truy cập phần mềm để mượn sách. Hằng năm, thư viện đã tổ chức tốt việc tuyên truyền, giới thiệu cuốn sách hay, vận động giáo viên và học sinh tham gia ủng hộ sách cho thư viện nhà trường, thu hút nhiều học sinh tham gia. Hằng năm nhà trường có tổ chức “Ngày hội đọc sách”, phát động tuần lễ “Hưởng ứng học tập suốt đời” nhằm nâng cao nhận thức cho học sinh về “Văn hóa đọc”, tổ chức tiết học tại phòng thư viện theo đăng ký hoạch đăng kí của giáo viên **[H20 - 3.6 - 01]; [H6-1.6-02]**.

Hằng năm, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường đều kiểm kê, bổ sung thêm các sách, báo và tài liệu tham khảo bằng nguồn ngân sách, nguồn do Phòng GDĐT cấp phát, nguồn do cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh quyên góp. Các đầu sách trong thư viện phong phú, được bổ sung thường xuyên nhằm phục vụ tốt nhu cầu đọc và tham khảo, hỗ trợ tích cực cho việc dạy của thầy, học của học sinh **[H20-3.6-01], [H6-1.6-02]**.

Mức 2:

Sách trong thư viện trường bao gồm sách giáo khoa, sách nghiệp vụ giáo viên và sách tham khảo, sách Pháp luật, truyện và sách thiếu nhi, báo, tạp chí (báo Nhân dân, báo Giáo dục thời đại, báo Lao động, báo Quảng Ninh) và một số báo khác phù hợp với ngành học và cấp học, với lứa tuổi và các bậc học của nhà trường. Có đủ các loại bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa do Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản và phát hành. Thư viện trường có 02 phòng được đặt ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho việc đọc và mượn sách báo của cán bộ, giáo viên và học sinh trong nhà trường. Thư viện có đầy đủ bàn ghế, giá, tủ chuyên dùng, kệ sách, tủ mục lục, giá sách để đựng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và băng đĩa giáo khoa, 01 máy tính có kết nối Internet để phục vụ tra cứu. Có đủ ánh sáng cho phòng đọc và cán bộ làm công tác thư viện kiêm nhiệm làm việc. Các ấn phẩm trong thư viện được đăng ký, mô tả, phân loại, tổ chức mục lục, bảng giới thiệu sách sắp xếp theo đúng nghiệp vụ thư viện. Thư viện có nội quy hướng dẫn, có chỗ ngồi cho giáo viên, chỗ ngồi cho học sinh **[H20-3.6-01]**. Trường không có nhân viên chuyên trách làm công tác thư viện mà chỉ có giáo viên làm công tác kiêm nhiệm thư viện. Hằng năm bộ phận thư viện phối hợp với các tổ chuyên môn tham mưu cho Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất nhà trường xây dựng kế hoạch để bổ sung sách, tài liệu, cơ sở vật chất cho thư viện. Thư viện hoạt động thường xuyên, sách báo, tạp chí... trong thư viện được quản lý chặt chẽ, sắp xếp khoa học để thuận tiện cho việc sử dụng. Các loại hồ sơ, sổ sách theo dõi mọi hoạt động của thư viện: Sổ đăng ký tổng quát, sổ đăng ký cá biệt, sổ mượn trả sách của giáo viên, học sinh. Nhà trường đã chỉ đạo cho nhân viên thư viện tiến hành rà soát kiểm tra các điều kiện, các tiêu chí để đảm bảo thư viện nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn thư viện trường phổ thông. Thư viện trường TH&THCS Nam Khê đã được Sở GDĐT công nhận danh hiệu Thư viện trường học chuẩn theo quyết định số 298/QĐ-SGDĐT ngày 22/02/2021 và phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí công nhận thư viện đạt chuẩn mức độ I, theo Quyết định số 916/QĐ-PGDĐT, ngày 26 tháng 6 năm 2023 **[H1-1.1-07]; [H20-3.6-01]; [H20 - 3.6 - 02]**.

Mức 3:

Căn cứ vào quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông, thư viện của nhà trường chưa đạt danh hiệu Thư viện trường học tiên tiến trở lên mà chỉ đạt danh hiệu Thư viện trường học chuẩn theo quyết định số 298/QĐ-SGDĐT ngày 22/02/2021 và quyết định số 916/QĐ-PGDĐT ngày 26/6/2023. Nhà trường có 01 máy tính để bàn được kết nối Internet phục vụ hoạt động của thư viện **[H1-1.1-07]; [H20-3.6-02]; [H20-3.6-01]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, sách nghiệp vụ, sách kỹ năng và các xuất bản phẩm tham khảo. Đáp ứng nhu cầu của giáo viên và học sinh. Nhà trường được công nhận Thư viện trường học chuẩn theo quyết định số 298/QĐ-SGDĐT ngày 22/02/2021 và quyết định số 916/QĐ-PGDĐT ngày 26/6/2023.

3. Điểm yếu

- Số học sinh truy cập phần mềm để mượn sách của thư viện còn ít.
- Nhân viên phụ trách thư viện sử dụng phần mềm Thư viện điện tử đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục đảm bảo tiêu chuẩn Thư viện đạt chuẩn mức độ 1. Thực hiện mua sắm sách, tài liệu bổ sung cho thư viện hàng năm	Hiệu trưởng; Kế toán	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong các năm học	Nguồn chi khác
Tổ chức quyên góp sách báo, tài liệu cho thư viện	CB, GV, NV và học sinh toàn trường	Kế hoạch Đội TNTP	Cuối năm học	Nguồn ngân sách
Tổ chức giới thiệu và tập huấn sử dụng phần mềm quản lý thư viện cho GV phụ trách, HS.	Nhân viên phụ trách thư viện	Phù hợp với KH các hoạt động của nhà trường, Thư viện	Trong các năm học	Không
Phấn đấu đạt thư viện Tiên tiến	Hiệu trưởng, NV phụ trách	Đảm bảo các tiêu chuẩn theo QĐ 01/Bộ GDĐT	Năm học 2024-2025	Nguồn chi khác

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, hiện đại, đảm bảo các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường, tường rào xung quanh, khuôn viên rộng, thoáng mát với một hệ thống cây xanh bao quanh khu vực sân trường tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện. Có đủ số phòng học chính và phòng học bộ môn, các khối phòng được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc sử dụng. Hệ thống công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục. Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ cho hoạt động dạy và học theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị được thực hiện khá tốt đã phát huy tác dụng tích cực. Thư viện có đủ số lượng sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản pháp luật để để cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tham khảo. Trong quá trình thực hiện, nhà trường đã thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá kịp thời để bổ sung, điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của phương pháp quản lý và dạy học hiện đại.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6
- + Số tiêu chí đạt Mức 2: 6/6
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 3/6
- + Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là mối quan hệ hết sức quan trọng trong công tác giáo dục. Trong nhiều năm qua, nhà trường đã phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Nhà trường luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với CMHS thông qua Ban đại diện CMHS của các lớp và nhà trường. Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện CMHS thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ góp phần cùng với nhà trường thực hiện tốt các phong trào thi đua nâng cao chất lượng giáo dục. Đặc biệt nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, để huy động nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh, tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi, xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục thân thiện, tích cực.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS nhà trường được thành lập vào đầu năm học, được tổ chức và xây dựng chương trình hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT). Ban đại diện CMHS nhà trường gồm 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và các ủy viên. Ban đại diện CMHS các lớp gồm 03 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên) **[H21-4.1-01]**.

Hàng năm, Ban đại diện CMHS nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động, quy chế hoạt động ngay từ đầu năm học trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường và căn cứ tình hình thực tế của địa phương. Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS được thông qua trước cuộc họp đầu năm học tới toàn thể Ban đại diện CMHS các lớp. Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ do Ban đại diện CMHS đề ra. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để chăm sóc, quản lý, động viên học sinh tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường, kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho con em mình học tập và rèn luyện **[H21-4.1-02]**.

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động đúng tiến độ, đúng kế hoạch được xây dựng từ đầu năm học theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT). Ban đại diện CMHS nhà trường đã xây dựng Quy chế hoạt động rõ ràng, chặt chẽ và công khai. Hàng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp đột xuất và định kỳ vào đầu năm và cuối năm học để trao đổi với Ban đại diện CMHS về công tác giáo dục học sinh, tiếp thu các ý kiến đóng góp về công tác quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện giải quyết các kiến nghị hợp lý của CMHS. Trong điều hành các hoạt động, nhà trường luôn cử đại diện lãnh đạo làm nhiệm vụ phối hợp với

Ban đại diện CMHS trong tổ chức các hoạt động của học sinh toàn trường đảm bảo đúng tiến độ **[H21-4.1-03]; [H21-4.1-04]**.

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để chăm lo cho học sinh khó khăn, khen thưởng học sinh giỏi. Đặc biệt Ban đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS (về tăng cường chấn chỉnh hoạt động học thêm dạy thêm, phòng chống dịch bệnh Covid, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, làm căn cước công dân, định danh điện tử). Tuy nhiên, một số lớp, một bộ phận CMHS chưa thực hiện tốt công tác phối hợp với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong công tác giáo dục đạo đức học sinh **[H21 - 4.1 - 05]; [H1-1.1-02]**.

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thăm hỏi gia đình học sinh, vận động học sinh ra lớp, chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh giỏi, tự nguyện hỗ trợ kinh phí để tổ chức hoạt động học tập của học sinh, góp ý cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, tham gia các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm của trường, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS (về việc tăng cường chấn chỉnh hoạt động học thêm dạy thêm, thống nhất các khoản thu theo thỏa thuận, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, tư vấn tâm lý). Trong các năm học Ban đại diện CMHS hỗ trợ nhà trường trong công tác xã hội hóa kêu gọi các nguồn lực trong xã hội, cơ quan doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn đóng góp xây dựng nhà trường **[H21 - 4.1 - 06]; [H1-1.1-06]**.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường, lớp luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh khó khăn và giáo dục học sinh chậm tiến bộ, vận động xã hội hoá giáo dục. Ban đại diện CMHS trường, lớp có kế hoạch phối hợp với cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm trong việc tuyên truyền đến CMHS để quản lý, giáo dục đạo đức học sinh; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm trong hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành, phối hợp chặt chẽ với nhà trường giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS một số lớp chưa có biện pháp phối hợp hiệu quả với giáo viên chủ nhiệm lớp trong công tác tuyên truyền vận động CMHS của học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Côngviệc	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tiếp tục tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS. Xây dựng quy chế phối hợp thể hiện rõ trách nhiệm của từng bên trong công tác giáo dục học sinh.	Hiệu trưởng	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS	Từ đầu năm học	Không
Ban đại diện CMHS một số lớp cần tích cực và trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, vận động các CMHS trong việc giáo dục ý thức học tập và rèn luyện của con em mình (đặc biệt đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn).	GVCN, Ban đại diện CMHS	Phù hợp với thực tế	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND phường Nam Khê về kế hoạch và các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch giáo dục như: Công tác phát triển Đảng, công tác phổ cập giáo dục, công tác tuyển sinh đầu cấp, công tác quản lý về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh...nhằm nâng cao chất lượng hoạt động toàn diện trong nhà trường **[H1 - 1.1 - 02]**.

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau: Qua các cuộc họp, phương tiện truyền thông, các buổi ngoại khóa, các cuộc họp CMHS tuyên truyền về: phổ biến pháp luật, kế hoạch giáo dục nhà trường, các kế hoạch cụ thể triển khai nhiệm vụ năm học, tổ chức tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 **[H22 - 4.2 - 01]**.

Trong các năm qua, nhà trường đã thực hiện tốt công tác vận động tương thân tương ái, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, và học sinh trong nhà trường nhằm hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện, tuy nhiên nguồn kinh phí hỗ trợ về cơ sở vật chất của các tổ chức cá nhân còn hạn chế **[H1 - 1.1 - 02]; [H1 - 1.1 - 06]; [H21 - 4.1 - 06]**.

Mức 2:

Nhà trường có văn bản tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nhằm tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trước năm học 2022-2023, cổng trường TH&THCS Nam Khê luôn trong tình trạng tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT đối với CMHS và học sinh trong những giờ cao điểm vì cổng trường TH&THCS Nam Khê nằm sát với trục đường chính của Quốc lộ 18A. Nhận thấy tình trạng nguy hiểm về ATGT nơi cổng trường nên nhà trường đã làm tờ trình số 213/TTr- NK ngày 06/9/2022 về việc chỉnh trang đô thị đảm bảo an toàn giao thông đoạn trước cổng trường TH&THCS Nam Khê gửi UBND thành phố Uông Bí quan tâm chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND phường Nam Khê khảo sát, xây dựng phương án làm đường gom phía trước cổng trường. Đến tháng 10 năm 2022 trường TH&THCS Nam Khê đã được làm một con đường gom trước cổng trường từ đó giải quyết được vấn đề mất ATGT nơi cổng trường đối với CMHS, học sinh và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho CMHS khi đưa đón con. Ngoài ra, để đảm bảo trường học xanh-sạch-đẹp và an toàn nhà trường còn làm tốt công tác tham mưu về việc cắt tỉa cây xanh. Trước khi có văn bản tham mưu, hệ thống cây xanh của nhà trường có nhiều cây cổ thụ làm mất an toàn cho CB, GV, NV, CMHS và học sinh, người dân. Vì vậy, nhà trường đã làm tờ trình số

181/TTr-Nk ngày 16/6/2023 về việc xin hỗ trợ cắt tỉa cây xanh trong khuôn viên trường TH&THCS Nam Khê trình Lãnh đạo phòng Quản lý Đô thị, UBND phường Nam Khê, PGDĐT Uông Bí. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường TH&THCS Nam Khê đã được cắt tỉa cây xanh 2 lần/năm, đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, CMHS và học sinh, người dân tại sân trường. Trong năm học 2022 – 2023 nhà trường đã làm văn bản đề nghị Công ty Cổ phần Thông Quảng Ninh tài trợ 01 phòng máy vi tính gồm: 21 bộ máy vi tính, 10 bộ bàn ghế đặt máy tính, 02 điều hòa, 01 bộ máy chiếu, 01 Lioa phục vụ giảng dạy môn Tin học trong chương trình GDPT 2018 **[H6 - 1.6 - 02]**.

Nhà trường chủ động phối hợp với Công an phường Nam Khê xây dựng quy chế đảm bảo an ninh, trật tự trường học; phối hợp với Trạm Y tế phường Nam Khê để tuyên truyền về phòng chống tai nạn thương tích, đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh; phối hợp với Đoàn phường Nam Khê để bàn giao học sinh về nghỉ hè. Ngoài ra nhà trường còn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa (Rung chuông vàng, Cuộc thi vẽ tranh phòng chống bạo lực học đường, Hội khỏe Phù Đổng, Trưng bày mâm ngũ quả ngày tết Trung Thu); giáo dục tích hợp trong các môn học; tổ chức các hoạt động thăm hỏi, giao lưu với các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn (Tiểu đoàn 16, Trung đoàn 244) đã gây ấn tượng tốt đẹp với học sinh, CMHS và nhân dân. Bên cạnh đó, Liên đội trường TH&THCS Nam Khê đã thực hiện tốt việc chăm sóc Đài tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ phường Nam Khê nhân các ngày lễ lớn 27/7, 2/9, 22/12. Liên đội nhà trường tổ chức thăm hỏi và tặng quà bà mẹ liệt sĩ ở địa phương với động phong trào "*Áo ấm tặng bà*". Các hoạt động này đã mang lại hiệu quả thiết thực trong Công việc cần thực hiện giáo dục truyền thống lịch sử, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, trách nhiệm của học sinh **[H22 - 4.2 - 01]; [H22 - 4.2 - 02]**.

Mức 3:

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường tạo mọi điều kiện hỗ trợ nhân dân địa phương sử dụng CSVC của nhà trường (sân khấu, phòng hội trường...) để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và các hoạt động khác khi cần thiết. Nhà trường thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa: chăm sóc di tích lịch sử địa phương, thường xuyên tổ chức cho học sinh và Đoàn viên thanh niên dọn vệ sinh, thắp nến tri ân tại Đài tưởng niệm Liệt sĩ phường Nam Khê; phát động phong trào ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng quỹ áo ấm tặng bà, Chăm sóc, thăm hỏi, tặng quà mẹ liệt sĩ nhân dịp 22/12, tết Nguyên

đán và ngày thương binh liệt sĩ 27/7. Năm 2019, 2020 nhà trường được UBND thành phố Uông Bí công nhận danh hiệu “Cơ quan, Đơn vị văn hóa”. Năm 2022-2023 đã hoàn thiện hồ sơ để công nhận anh hiệu “Cơ quan, Đơn vị văn hóa” **[H3 - 1.3 - 03]; [H22 - 4.2 - 03]; [H1 - 1.1 - 02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhằm tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc đảm bảo ATGT, xây dựng trường học xanh-sạch-đẹp an toàn và tạo nguồn tài sản cho nhà trường.

Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong việc giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống pháp luật cho học sinh.

3. Điểm yếu

Việc huy động kinh phí xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân còn gặp nhiều khó khăn nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động giáo dục cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tăng cường huy động các nguồn lực từ các cá nhân và các nhà tài trợ, nhà hảo tâm để có kinh phí tổ chức các hoạt động cho học sinh.	CBQL, GV, NV	Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường	Trong các năm học	Không
Xây dựng kế hoạch vận động xã hội hoá cụ thể, hợp lí sát thực tế hơn.	CBQL	Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường	Từ đầu năm học	Không
Tăng cường việc phối hợp toàn diện với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là Ban đại diện CMHS để tổ chức thường xuyên các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các chương trình tham quan các di tích văn hóa, lịch sử để bồi dưỡng cho học sinh kiến thức về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc.	CBQL, GV	Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường	Từ đầu năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Trong những năm qua, kết quả hoạt động giáo dục về mọi mặt của nhà trường có sự chuyển biến tích cực. Đạt được những thành quả ấy là nhờ có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự nỗ lực của nhà trường và sự đóng góp to lớn của các đoàn thể tại địa phương, Ban đại diện CMHS, của toàn xã hội. Ban đại diện CMHS nhà trường hoạt động rất có hiệu quả, việc tham mưu với chính quyền địa phương được liên tục, kịp thời, phát huy tốt sự phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục toàn diện học sinh. Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhà trường cần chú ý tới việc tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động tối đa sự đóng góp của các lực lượng giáo dục, của các doanh nghiệp trên địa bàn và nhân dân để xây dựng cơ sở vật chất; phối kết hợp tốt với Ban đại diện CMHS trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhà trường và công tác giáo dục toàn diện học sinh.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt Mức 1: 2/2
- + Số tiêu chí đạt Mức 2: 2/2
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 0/2
- + Số tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hàng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục do Bộ GDĐT quy định bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Căn cứ vào chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động giáo dục, dạy học. Đồng thời đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chú trọng công tác giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu để nâng cao chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục của học sinh hằng năm tăng lên đáng kể. Ngoài ra, nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại

khóa theo chủ đề, chủ điểm, hoạt động trải nghiệm, văn nghệ, thể dục thể thao, nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

Để nâng cao hiệu quả các hoạt động, đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, lãnh đạo trường đã chỉ đạo các đoàn thể, các tổ chuyên môn thường xuyên rà soát việc thực hiện các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên, nhờ đó chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường tổ chức giảng dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục số 43/2019/QH14. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường tổ chức dạy học theo CTGDPT 2006 và CTGDPT 2018. Trong 3 năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 khi thực hiện giảng dạy CTGDPT 2018 đối với

các khối 6,7,8 nhà trường có đủ đội ngũ giáo viên đáp ứng được trình độ chuyên môn đạt mục tiêu giáo dục. Nhà trường có đủ khối phòng học bộ môn, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phòng phụ trợ, đáp ứng CTGDPT 2018; có hệ thống mạng kết nối internet ổn định. Khu vui chơi, bãi tập đảm bảo diện tích, điều kiện cơ sở vật chất theo quy định. Tuy nhiên, diện tích phòng học bộ môn cấp THCS còn nhỏ so với quy định tại thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020. Trang thiết bị dạy học phục vụ cho CTGDPT 2018 mới được trang cấp cho một số bộ môn như: Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Nghệ thuật, Công nghệ. Máy chiếu ở một số phòng học của nhà trường đã xuống cấp, hư hỏng. Đối với từng môn học, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát, điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản những nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt, rà soát điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục, bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu, sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề. Việc điều chỉnh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông đã quy định tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT. Năm học 2021-2022 đối với lớp 6, năm học 2022-2023 đối với lớp 6,7; năm học 2023-2024 đối với lớp 6,7,8, nhà trường tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT **[H8-1.8-01]; [H8-1.8-05]; [H4-1.4-05]; [H8-1.8-02]**.

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên vận dụng, đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học để đảm bảo mục tiêu và nội dung giáo dục, đối tượng học sinh. Việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học được cụ thể hóa trong sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn của các tổ chuyên môn, chú trọng sử dụng phương pháp dạy học tích cực theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm (gợi mở - vấn đáp; nêu và giải quyết vấn đề; hoạt động nhóm...) với những kỹ thuật dạy học tích cực (lược đồ tư duy, mảnh ghép, động não,...) và tổ chức các hoạt động dạy học phát triển năng lực của học sinh (giao nhiệm vụ học tập, tổ chức học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập, báo cáo kết quả học tập); tích cực ứng dụng CNTT phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau. Bên cạnh đó các giáo viên đặc biệt chú ý bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh thông qua các hoạt động học tập

theo nhóm, tự làm các sản phẩm học tập, sản phẩm STEM **[H4-1.4-05]; [H8-1.8-02]; [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02]; [H23-5.1-03]**.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan, linh hoạt các hình thức kiểm tra miệng (hỏi-đáp), kiểm tra viết, kiểm tra thực hành, sản phẩm học tập, ...; đối với các bài kiểm tra thường xuyên (miệng, kiểm tra viết, thực hành dưới một tiết) với môn học có 1 tiết trở xuống/tuần ít nhất 2 lần, môn học có từ trên 1 tiết đến dưới 3 tiết/tuần ít nhất 3 lần, môn học có từ 3 tiết trở lên/tuần ít nhất 4 lần. Kiểm tra định kì thực hiện đúng quy định trong kế hoạch dạy học. Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn Nghệ thuật, GDTC, kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân, đánh giá bằng cho điểm đối với các môn học Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ, Công nghệ **[H4-1.4-05]; [H8-1.8-02]**.

Mức 2:

Nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục đã xây dựng và được phê duyệt. Nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường được cụ thể hóa gồm: kế hoạch giáo dục các môn học và kế hoạch các hoạt động giáo dục (Trải nghiệm hướng nghiệp, ngoại khóa, kỹ năng sống, giáo dục khuyết tật, giáo dục địa phương, giáo dục STEM,...) với các hình thức giáo dục đa dạng phong phú: theo lớp, theo nhóm, cá nhân, trải nghiệm, tham quan. Nhà trường chỉ đạo điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Đặc biệt trong 3 năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022, thực hiện dạy học đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch Covid, nhà trường đã nhiều lần điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, học sinh và vẫn hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm học **[H8- 1.8 - 01]; [H8-1.8 - 05]; [H8- 1.8 - 02]; [H4-1.4-05]**.

Căn cứ kết quả khảo sát học lực của học sinh đầu năm học, kết quả học lực của học sinh, kết quả thi HSG và HSNK từ năm học trước, nhà trường thực hiện xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giáo dục học sinh khuyết tật, thành lập đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Thành phố, cấp Tỉnh, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu **[H8-1.8-02]; [H4-1.4-05]; [H8-1.8-06]; [H23-5.1-04]**.

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Thực hiện sự chỉ đạo của ngành về đổi mới phương

pháp dạy học trong nhà trường ở tất cả các bộ môn, lĩnh vực dạy học và được cụ thể hóa trong kế hoạch tháng của các tổ chuyên môn. Trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ trưởng đã thực hiện việc triển khai kế hoạch có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, theo kế hoạch giáo dục các môn học [H4-1.4-05]; [H8-1.8-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đội ngũ đảm bảo về số lượng và chất lượng, trình độ chuyên môn đáp ứng được nhiệm vụ phân công và mục tiêu giảng dạy của chương trình GDPT 2018.

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục hàng năm. Các kế hoạch dạy học được vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh. Nhà trường thực hiện tốt các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh, đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện đã được nhà trường triển khai hàng năm và chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện đạt kết quả tương đối tốt.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực chưa linh hoạt, chưa bám sát vào đối tượng học sinh. Trong một số hoạt động dạy học, giáo viên chưa chú trọng nhiều đến khả năng tự học, khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kiến thức vào thực tiễn cho học sinh.

Việc thực hiện khai thác không gian mạng internet và sử dụng một số phần mềm trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh và tổ chức sinh hoạt chuyên môn của các tổ, nhóm chuyên môn, của giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
- Tiếp tục duy trì đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công và phù hợp mục tiêu giáo dục - Duy trì công tác phát hiện, bồi dưỡng và ôn luyện đội tuyển HSG, HSNK và phụ đạo học sinh yếu kém hàng năm.	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Trong các năm học	Ngân sách trường
Cần tăng cường bồi dưỡng năng lực vận dụng đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học cho đội ngũ thông qua đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ, tổ chức chuyên đề.	TCM	Kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ	Trong các năm học	Không
Tập huấn sử dụng phần mềm, ứng dụng dạy học trên internet.	CBQL, TCM	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém (Đối với cấp THCS) và Kế hoạch Bồi dưỡng HSNK (Đối với cấp Tiểu học) dành cho học sinh có năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật; Kế hoạch tổ chức Hội khỏe phù đồng dành cho học sinh có năng khiếu về TDTT. Trong các kế hoạch, nhà trường đã chỉ ra những biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng giáo dục như: đối với HSG, HSNK thực hiện khảo sát, phân tích mặt mạnh để sàng lọc lựa chọn đội tuyển. CBQL đã trao đổi chuyên môn với giáo viên cùng khối để xây dựng đa dạng các bài tập vận dụng và rèn kỹ năng giải quyết vấn đề; coi trọng việc chấm chữa bài, kiểm tra sát hạch có đánh giá cụ thể sau mỗi chuyên đề kiến thức. Đối với học sinh khuyết tật, học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn giáo viên chủ nhiệm kết hợp giáo viên bộ môn thường xuyên quan tâm, gần gũi, động viên để các em tự tin, được khích lệ tinh thần... Các kế hoạch được triển khai tới từng tổ, giáo viên thực hiện [H8-1.8-06]; [H24-5.2-01].

Nhà trường triển khai kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém (Đối với cấp THCS); kế hoạch Bồi dưỡng HSNK (Đối với cấp Tiểu học) dành cho học sinh có năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật; Kế hoạch tổ chức Hội khỏe phù đồng dành cho học sinh có năng khiếu về TDTT đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện. Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn và tổ chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề, trao đổi những kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng HSG, HSNK, phụ đạo học sinh yếu kém, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh

khó khăn, giáo dục học sinh khuyết tật, các thành viên trong tổ chủ động đề xuất những giải pháp dạy học thông qua các chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm nhằm đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh. Đối với đội tuyển HSG, HSNK các môn văn hoá, nhà trường phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi từ 2 đến 3 buổi/tuần; học sinh có năng khiếu về thể dục thể thao được luyện tập tham gia thi đấu tại các giải điền kinh, bóng bàn, việt dã, giải bóng đá thanh thiếu niên nhi đồng theo kế hoạch. Định kì tổ chức thi khảo sát, đánh giá, rút kinh nghiệm; tổ chuyên môn báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động giáo dục về CBQL nắm bắt để kịp thời có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu giáo dục và tình hình thực tiễn của nhà trường. Qua đó, giáo viên có thể giúp học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục kế hoạch giáo dục đề ra **[H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H5-1.5-02]; [H23-5.1-01]**.

Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua công tác kiểm tra, dự giờ, thăm lớp; qua việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, Hội khoẻ Phù Đổng cấp trường; qua việc tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, các hội thi thể dục thể thao, văn nghệ cấp thành phố, cấp tỉnh. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên nắm bắt hoàn cảnh của học sinh lớp mình, từ đó phát hiện và có biện pháp giúp đỡ, phối kết hợp với giáo viên bộ môn, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường nhằm hỗ trợ tích cực cho các em **[H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H5-1.5-02]; [H23-5.1-01]; [H1-1.1-02]**.

Mức 2:

Ngay từ đầu năm học, thông qua việc khảo sát chất lượng bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn của các lớp đã nắm bắt được từng đối tượng học sinh trong lớp, có kiến nghị với nhà trường cũng như các tổ chuyên môn để có kế hoạch phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Chủ động đề xuất những giải pháp dạy học thông qua các sáng kiến kinh nghiệm nhằm đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh. Có biện pháp giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn như: gần gũi, chia sẻ, động viên, khích lệ. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được giáo viên, nhà trường quan tâm giáo dục đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các hoạt động chuyên môn **[H4-1.4-04], [H4-1.4-05]; [H1-01-02]**.

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh năng khiếu về các môn học, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ được cấp có thẩm quyền ghi nhận. Mỗi năm thành lập từ 03 đến 04 đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hoá, dự thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh (Các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Địa Lý, GDCD). Mỗi năm, nhà trường đều có học sinh tham gia và đạt giải trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố: năm học 2019 -2020 có 05 giải thuộc các môn Ngữ văn, GDCD, Tiếng anh; năm học 2020-2021 có 10 giải thuộc các môn: Ngữ văn, GDCD, Địa lý, Vật Lý; năm học 2021-2022 có 05 giải thuộc các môn Ngữ văn, Sinh học, Vật Lý; năm học 2022-2023 có 04 giải thuộc các môn Lịch sử, GDCD; năm 2023-2024 có 10 giải thuộc các môn GDCD, Vật Lý, Lịch sử). Đối với học sinh giỏi cấp tỉnh: năm học 2019-2020 có 01 giải môn Tiếng Anh; năm 2021-2022 có 05 giải thuộc các môn Ngữ văn, GDCD, Địa lý; năm học 2021-2022 có 02 giải môn Ngữ văn. Học sinh tham gia các giải thể dục thể thao, văn nghệ đạt kết quả cao; nổi bật nhất là năm học 2023-2024, nhà trường có học sinh tham gia Hội khỏe phù đồng toàn quốc với nội dung thi đấu môn bóng bàn và đạt huy chương bạc **[H24-5.2-02]; [H1 - 1.1 - 02]**.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm qua nhà trường xây dựng, triển khai thực hiện và rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Kết quả các hoạt động đáp ứng được mục tiêu theo kế hoạch giáo dục.

Tổ chức thực hiện tốt hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chậm tiếp thu theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, các học sinh thuộc diện chính sách.

3. Điểm yếu

Kết quả HSG dự thi cấp thành phố, cấp tỉnh các môn văn hóa hàng năm chưa ổn định. Nhà trường chưa thành lập và duy trì được đội tuyển HSG ở các môn Toán, Hóa Học, Tiếng Anh do năng lực của học sinh chưa đáp ứng được yêu cầu. Học sinh chỉ tập trung tham gia đội tuyển ở các môn GDCD, Ngữ văn, Vật lý, Địa lý. Số lượng học sinh tham gia đội tuyển HSG cấp tỉnh không ổn định do học sinh ở xa địa điểm ôn thi trên thành phố, khó khăn đi lại, các em xin rút khỏi đội tuyển cấp tỉnh. Đó là lí do số lượng học sinh giỏi ở các đội tuyển không đồng đều và ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác phân loại học sinh, phát hiện học sinh giỏi, thành lập đội tuyển học sinh giỏi đối với tất cả các môn học	Tổ chuyên môn	Kế hoạch bồi dưỡng HSG, HSNK và phụ đạo HS yếu	Trong các năm học	Không
Tiếp tục xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đạt mục tiêu giáo dục	CBQL, GVCN, GVBM	Kế hoạch bồi dưỡng HSG, HSNK và phụ đạo HS yếu	Trong các năm học	Nguồn ngân sách của nhà trường
Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cốt cán, chú trọng công tác tự bồi dưỡng của giáo viên.	Giáo viên giàu kinh nghiệm ôn đội tuyển	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ	Trong các năm học	Nguồn ngân sách của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp THCS và cấp THPT từ năm học 2008-2009,

giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo tài liệu của Sở GD&ĐT Quảng Ninh biên soạn ở các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí đối với chương trình GDPT 2006. Từ năm học 2021-2022 đến nay thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, 7, 8 nhà trường thực hiện dạy môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6, năm học 2022-2023, thực hiện môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6,7; năm 2023-2024 đối với lớp 8 đúng đủ 35 tiết/năm. Nội dung Giáo dục địa phương theo tài liệu lưu hành nội bộ của tỉnh Quảng Ninh. Nội dung dạy học được thể hiện trong kế hoạch giáo dục môn học, sổ ghi đầu bài **[H8-1.8-01]**, **[H8-1.8 -04]**.

Nhà trường tổ chức thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả thông qua các bài kiểm tra, các bài thu hoạch, hồ sơ học tập của học sinh. Năm học 2021-2022 thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6, năm học 2022-2023 thực hiện kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ môn Giáo dục địa phương đối với lớp 6,7, năm 2023-2024 đối với lớp 6,7,8 theo đúng Thông tư 22/2021/TT-BGD&ĐT và được thể hiện trong sổ theo dõi đánh giá học sinh **[H5-1.5-05]**.

Hàng năm, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 thực hiện góp ý cho chương trình GD&ĐT lớp 6,7,8,9 của tỉnh Quảng Ninh nhằm phát huy mặt tích cực và rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế để điều chỉnh cho phù hợp. Việc đánh giá công tác thực hiện giáo dục địa phương thông qua kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn **[H4-1.4-04]**; **[H4-1.4-05]**.

Mức 2:

Đối với các môn có nội dung giáo dục địa phương, giáo viên bộ môn vẫn thực hiện bộ tài liệu dạy học chương trình giáo dục địa phương do Sở GD&ĐT Quảng Ninh biên soạn. Trong quá trình thực hiện giáo viên chủ động bổ sung những nội dung mới phù hợp thực tế hiện nay theo sự chỉ đạo của chuyên môn và đã biết chọn lọc các nội dung bài dạy phù hợp với mục tiêu môn học và gắn với thực tiễn địa phương mình được thể hiện trong sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp. Hàng năm, nhà trường tiến hành đánh giá nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết **[H4 - 1.4 - 04]**; **[H4 - 1.4 - 05]**; **[H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo các văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT về nội dung giáo dục địa phương. Học

sinh được tiếp cận những nội dung kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, TDTT địa phương kịp thời. Thông qua hoạt động giáo dục địa phương, học sinh được tham quan thực tế các di tích lịch sử, địa lý ở địa phương, làm tăng vốn hiểu biết về truyền thống lịch sử, truyền thống đấu tranh cách mạng, giáo dục lòng tự hào về quê hương, đất nước. Tài liệu về địa phương phổ biến rộng rãi, giáo viên và học sinh có điều kiện để tham gia tìm hiểu và học tập. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương luôn được đảm bảo theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT. Hằng năm, nhà trường luôn hướng dẫn giáo viên rà soát, đánh giá, cập nhật, góp ý, đề xuất điều chỉnh tài liệu giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức học tập giáo dục địa phương cho học sinh chưa linh hoạt, giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình qua tài liệu, hình ảnh nên hiệu quả chưa cao, chưa phát huy được tính tích cực và vốn kiến thức thực tế của học sinh. Các hoạt động tìm hiểu thực tế, ngoại khóa tham quan các địa điểm lịch sử, danh thắng tại địa phương chưa được nhiều do đòi hỏi phải có kinh phí và biện pháp tổ chức phù hợp.

Giáo viên và học sinh chưa cập nhật, khai thác, sử dụng tài liệu giáo dục địa phương một cách tối đa, đặc biệt là trên các trang thông tin điện tử. Tài liệu phục vụ giáo dục địa phương chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tăng cường ngoại khóa tham quan lịch sử địa phương, đa dạng hóa hình thức dạy học, phát huy tính tích cực của học sinh.	TCM, GV	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong năm học	Huy động XHH
Cập nhật, khai thác, sử dụng các thông tin mới của địa phương, trên các trang thông tin điện tử của tỉnh Quảng Ninh kịp thời.	TCM, GV	Trang cổng thông tin của Tỉnh, thành phố.	Từ đầu năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tổ chức các hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học các nội dung liên quan đến giáo dục địa phương.	TCM kết hợp nhà trường, liên trường	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Năm học 2021-2022, thực hiện kế hoạch theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, năm học 2022-2023 thực hiện kế hoạch theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7, năm học 2023-2024 thực hiện kế hoạch theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7,8. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với điều kiện của nhà trường, gia đình học sinh và của địa phương. Hằng năm, nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, cá nhân tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với kế hoạch và hoạt động thực tiễn của nhà trường. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mới chỉ được tổ chức trong phạm vi nhà trường và trên địa bàn phường Nam Khê, chưa được tổ chức rộng rãi ở các địa phương khác do công

tác huy động nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp còn gặp khó khăn **[H8-1.8-01]; [H26-5.4-01]**.

Việc tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường được thể hiện trong hồ sơ các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hình ảnh, tư liệu minh họa **[H26-5.4-01]; [H26-5.4-02]**.

Để thực hiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nhà trường phân công đồng chí Phó Hiệu trưởng khối THCS phụ trách chung. Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đã huy động được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh tham gia với số lượng đông **[H26-5.4-01]**.

Mức 2:

Thông qua kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nhà trường đã triển khai tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương như: tham quan Thư viện thành phố, tiểu đoàn 16, trung đoàn 244, trường CĐ nghề xây dựng... Đối với công tác hướng nghiệp cho học sinh khối 9 được nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hướng nghiệp với 9 chủ đề/năm học (18 tiết/năm). Nhà trường phối hợp với các trường đào tạo nghề (Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc, Trường Cao đẳng Nghề xây dựng, Trung tâm GDTX...) tổ chức các buổi tư vấn tại trường, trải nghiệm thực tế tại các trường nghề giúp học sinh hiểu, yêu lao động, bước đầu cảm nhận sự phù hợp của bản thân đối với một số nghề tiêu biểu, phù hợp xu thế phát triển của Uông Bí, Quảng Ninh thể hiện trong kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các hoạt động chuyên môn; báo cáo sơ kết, tổng kết. Từ các giải pháp trên, trong những năm gần đây công tác phân luồng sau khi tốt nghiệp THCS tại trường TH&THCS Nam Khê đạt hiệu quả cao được thể hiện thông qua bảng tổng hợp học sinh phân luồng sau THCS hằng năm **[H8 - 1.8 - 01]; [H4- 1.4-04]; [H4-1.1-05]; [H26-5.4-03]; [H1-1.1-02]**.

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để rút kinh nghiệm cho các hoạt động trong năm học sau. Nội dung rà soát, đánh giá được thể hiện trong biên bản rút kinh nghiệm sau khi thực hiện chuyên đề trong sổ sinh hoạt chuyên môn và báo cáo sơ kết cuối năm **[H4-1.4-04]; [H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức phù hợp với học sinh.

Nhà trường kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, các trường đào tạo nghề làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp để định hướng cho học sinh sau khi tốt nghiệp

THCS, các em được nâng cao nhận thức về các ngành nghề nên tỷ lệ học sinh tham gia học nghề trong các năm học khá cao.

3. Điểm yếu

Công tác huy động nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân, CMHS để thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn gặp khó khăn nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ngoài địa phương cho học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Duy trì và thực hiện tốt kế hoạch trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với nhà trường và địa phương.	CBQL, GV	Kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; căn cứ tình hình thực tế của nhà trường	Trong các năm học	Nguồn xã hội hóa
Phổ biến kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường qua các kênh: cổng thông tin nhà trường, tuyên truyền trong các buổi họp CMHS, Zalo lớp...	CBQL, GV	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong các năm học	Không
Duy trì tốt công tác phối hợp với các trường THPT, trường nghề trong công tác hướng nghiệp.	CBQL, GVCN 9	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong các năm học	Không
Cần tích cực vận dụng tốt các biện pháp để tăng cường các nguồn lực xã hội hóa nhằm tổ chức hiệu quả, đa dạng các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh	CBQL, GV, NV	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương. Cùng với việc giảng dạy các bộ môn văn hóa, nhà trường luôn coi trọng công tác giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh thông qua thực hiện dạy tích hợp trong các bộ môn văn hóa và hoạt động ngoài giờ lên lớp. Mọi giáo viên trong nhà trường đều có nhiệm vụ giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy các môn học có nội dung tích hợp liên quan như Lịch sử, Địa lí, Sinh học, Ngữ văn, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Giáo dục địa phương... được triển khai đồng bộ và xuyên suốt được thể hiện trong kế hoạch giáo dục của nhà trường; sổ chủ nhiệm sổ ghi Kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp, kế hoạch lao động hồ sơ các hoạt động ngoại khóa [H8-1.8-01]; [H5-1.5-02]; [H8-1.8-02]; [H27-5.5-01];[H27-5.5-02].

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực. Thông qua các hoạt động giáo dục, nhà trường đã giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động cụ thể như: các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đội, tích hợp trong các bài

giảng, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi ngoại khóa. Thông qua các hoạt động đó, nhà trường đã thực hiện giáo dục các kỹ năng sống như: các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh, kỹ năng lao động tham gia vệ sinh trường lớp, chăm sóc công trình măng non, vệ sinh đường làng ngõ xóm, chăm sóc di tích lịch sử tại địa phương. Từ đó, học sinh có chuyên môn tích cực về kỹ năng sống. Các em đã có ý thức rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật như: chấp hành luật giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường và việc thực hiện các quy định ứng xử có văn hóa, sử dụng mạng xã hội an toàn, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết, và hồ sơ tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hồ sơ các hoạt động ngoại khóa **[H5-1.5-02];[H26-5.4-01];[H27-5.5-02]**

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Nhà trường kết hợp với gia đình và địa phương quan tâm đến giáo dục việc hình thành, phát triển đạo đức và nhân cách của học sinh. Nhờ sự phối kết hợp của nhà trường và sự quan tâm giáo dục của gia đình mà trường TH&THCS Nam Khê không có học sinh vi phạm kỉ luật buộc thôi học, nhà trường không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không có học sinh vi phạm luật an toàn giao thông. Ngoài ra học sinh còn tích cực tham gia hoạt động của khu dân cư **[H1-1.1-02]**.

Mức 2:

Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống học sinh tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá: xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng; xây dựng dàn ý bài học; làm bài tập theo yêu cầu; dự kiến các câu hỏi và trả lời; trình bày trước nhóm (lớp), trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp. Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá của học sinh được thể hiện rõ qua các tiết học, qua các nội dung ghi chép trong sổ dự giờ của giáo viên, đánh giá của tổ nhóm chuyên môn **[H8-1.8-02]**.

Qua quá trình giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống, nhiều học sinh đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, biết tự bảo vệ sức khỏe của bản thân và gia đình; có các kỹ năng để có thể giải quyết tình huống bất ngờ xảy ra; biết và chấp hành đúng pháp luật của nhà nước Việt Nam và có sức khỏe tốt, tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao do lớp và trường và địa phương tổ chức thể hiện qua báo cáo tổng kết **[H8-1.8-02];[H1-1.1-02]**.

Mức 3:

Trong những năm qua, thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động dạy học, hoạt động ngoài giờ lên lớp, các thầy cô giáo đã từng bước hình thành cho học sinh niềm đam mê khoa học. Các công trình nghiên cứu của học sinh được đội ngũ thầy cô nhà trường tận tâm hướng dẫn. Hằng năm, nhà trường đều phát động và phân công giáo viên có năng lực phát hiện học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học để hướng dẫn các em nghiên cứu và tham gia dự thi các cấp. Bước đầu, nhà trường đã có một số học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, hoạt động giáo dục STEM tích cực, đã có một số sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng như: Năm 2020-2021: 01 giải Tư, 01 giải Ba cuộc thi KHKT; Năm 2021-2022: giải khuyến khích cuộc thi KHKT; giải khuyến khích cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; Năm 2022-2023: giải Tư cuộc thi KHKT; giải khuyến khích cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; năm 2023-2024: giải Tư cuộc thi KHKT cấp thành phố, thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết, hồ sơ thi KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng [H27-5.5-03]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường triển khai có hiệu quả kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Quá trình trải nghiệm, rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục đáp ứng chương trình GDPT 2018 phát triển phẩm chất, năng lực người học. Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh được hình thành và phát triển, có khả năng áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Việc lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào bài giảng, phương pháp sử dụng để lồng ghép các nội dung giáo dục chưa thực sự hiệu quả.

Một số học sinh chưa chủ động trong vận dụng kiến thức liên môn giải quyết tình huống thực tiễn, chưa tích cực trong thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khoá để giáo dục việc hình thành, phát triển kỹ năng sống cho học sinh.	CBQL	Kế hoạch hoạt động, trải nghiệm và căn cứ tình hình thực tế	Trong các năm học	Không
Cụ thể hóa lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào các tiết dạy, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp...theo quy định	CBQL, GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường và tình hình thực tế	Trong các năm học	Không
Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ để học sinh tích cực, chủ động trong nghiên cứu KHKT	CBQL, TTCM, GV	Kế hoạch tổ chức thi nghiên cứu KHKT	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) học sinh hằng năm của nhà trường đạt yêu cầu so với chỉ tiêu kế hoạch đầu năm được thể hiện trong hồ sơ kiểm tra định kỳ, sổ theo dõi đánh giá học sinh, bảng tổng hợp kết quả hai mặt giáo dục, báo cáo sơ kết và tổng kết [H28-5.6-01]; [H5-1.5-05];[H23-5.1-04]. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp hằng năm sau khi kiểm tra đạt trên 99,8%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm của nhà trường đạt 100%. Công tác hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và quan tâm tạo điều kiện để học sinh được đến trường được nhà trường chỉ đạo thường xuyên. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức cá nhân trong việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp học sinh có đủ điều kiện đến trường. Vì vậy số học sinh bỏ học và học sinh lưu ban của nhà trường chiếm tỷ lệ thấp dưới 02% theo báo cáo tổng kết năm, sổ theo dõi đánh giá học sinh bảng tổng hợp kết quả hai mặt giáo dục, hồ sơ xét tốt nghiệp, báo cáo tổng kết của nhà trường. Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch. Cụ thể tỷ lệ học sinh chuyển lớp hằng năm sau khi kiểm tra đạt trên 99,8%.

Tỷ lệ học sinh chuyển lớp hằng năm sau khi kiểm tra đạt trên 99,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm của nhà trường đạt 100%. Công tác hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và quan tâm tạo điều kiện để học sinh được đến trường được nhà trường chỉ đạo thường xuyên. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức cá nhân trong việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp học sinh có đủ điều kiện đến trường. Vì vậy số học sinh bỏ học và học sinh lưu ban của nhà trường chiếm tỷ lệ thấp dưới 02% theo báo cáo tổng kết năm, sổ theo dõi đánh giá học sinh bảng tổng hợp kết quả hai mặt giáo dục, hồ sơ xét tốt nghiệp, báo cáo tổng kết của nhà trường [H5-1.5-05]; [H23-5.1-04]; [H28-5.6-02]; [H1-1.1-02].

Thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2025”, công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS được nhà trường chú trọng. Nhà trường đã tổ chức tốt giáo dục hướng nghiệp, phối hợp với các trường nghề như trường Cao đẳng Nghề xây dựng, Cao đẳng Nông - Lâm Đông Bắc, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tổ chức tư vấn cho các em học sinh, chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp 9 phân tích, hướng dẫn các phụ huynh cho con em chọn ngôi trường giáo dục ở cấp học tiếp theo phù hợp năng lực của các em. Nhà trường không còn học sinh nghỉ học ở nhà sau khi tốt nghiệp THCS [H26-5.4-03]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hàng năm, chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến tích cực, ổn định. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập), hạnh kiểm (rèn luyện) đạt yêu cầu kế hoạch nhà trường đề ra. Trong 5 năm qua, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập) Khá, Giỏi (Tốt) toàn trường luôn đạt 63%-72%; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực (học tập) Yếu (Chưa đạt) luôn dưới 3,0% (từ 2,1%-2,6%) được ghi trong sổ gọi tên, ghi điểm (sổ theo dõi và đánh giá học sinh) của các lớp và bảng tổng hợp kết quả hai mặt giáo dục **[H5-1.5- 05]; [H23 - 5.1 - 04]**.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực Giỏi (Tốt), Khá được duy trì, có năm tăng cao hơn. Tỷ lệ học sinh Yếu (Chưa đạt) giảm. Hạnh kiểm (rèn luyện) Tốt, Khá đạt yêu cầu kế hoạch nhà trường đề ra. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hàng năm được duy trì; trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%. Kết quả trên được thể hiện trong bảng tổng hợp kết quả hai mặt giáo dục, hồ sơ xét lên lớp lần 1(học bạ), hồ sơ kiểm tra lại **[H23-5.1-04]; [H28-5.6-03]; [H28-5.6-04]**.

Mức 3:

Trong 5 năm qua, nhà trường đã có những biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo (công tác đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ, trao đổi, rút kinh nghiệm...) nhờ đó mà chất lượng 2 mặt giáo dục không ngừng được nâng cao. Ở cấp THCS, về học lực (học tập), tỷ lệ học sinh xếp loại Giỏi (Tốt) toàn trường luôn đạt trên từ 21% đến 27%; tỷ lệ học sinh xếp loại Khá, Đạt từ 42%-45%; tỷ lệ học sinh Yếu (Chưa đạt) hàng năm luôn dưới 3% (từ 2,1%-2,6%); trong hai năm học 2019-2020; 2020-2021 chất lượng xếp loại học lực không có học sinh Yếu. Về xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện), tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Tốt, Khá đạt từ 79% đến 100% (năm 2019-2020 đạt 100%). Đối với cấp Tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trên 98%; tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 98% đến 100%. Các kết quả trên được thể hiện trong Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp; trong báo cáo sơ kết; tổng kết bảng tổng hợp kết quả giáo dục, rèn luyện của học sinh **[H8-1.8-02]; [H1-1.1-02]; [H23-5.1-04]**.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đều trên 90%, năm học 2022-2023 có 03 học sinh lưu ban (trong đó cấp Tiểu học có 01 học sinh, cấp THCS có 02 học sinh) chiếm tỷ lệ là 0,37%. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS của nhà trường trong 05 năm liên luôn đạt 100%. Để có kết quả đó là do nhà trường đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng

giáo dục. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các tổ chức cá nhân trong việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giúp học sinh có đủ điều kiện đến trường, làm tốt công tác động viên khen thưởng kịp thời. Trong 5 năm học qua, nhà trường đã duy trì số lượng lớp học từ 20-22 lớp. Hằng năm, nhà trường không có học sinh bỏ học. Tỷ lệ học sinh lưu ban dưới 0,2% [H23-5.1-04]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, kết quả học lực, hạnh kiểm (Rèn luyện) của học sinh luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, tỉ lệ học sinh lên lớp sau hè đều đạt trên 99%. Tốt nghiệp đạt tỉ lệ 100% theo kế hoạch của nhà trường. Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS (từ 90% đến 100% học sinh tiếp tục theo học trung học phổ thông, học tại TTGDNN-GDTX và các trường Cao đẳng nghề). Kết quả học lực, hạnh kiểm (Rèn luyện) của học sinh có chuyển biến tích cực. Chất lượng đại trà của nhà trường trong những năm qua được duy trì, số lượng học sinh Giỏi (Tốt), Khá ở một số năm ổn định, giữ vững.

3. Điểm yếu

Trong năm học vẫn còn một số ít học sinh do thiếu sự quan tâm của gia đình, bản thân chưa có ý thức tự giác học tập, còn lơ là học tập bị xếp loại học lực Yếu (Chưa đạt).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Giao cam kết chất lượng cho giáo viên bộ môn cụ thể hơn. Quan tâm hơn đối với công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, đặc biệt ở các môn là thế mạnh của nhà trường, chú trọng chất lượng hơn số lượng.	CBQL	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HS yếu kém; Bản cam kết thi đua của TCM, GV	Trong các năm học	Không
Phối kết hợp với gia đình, nhà trường, địa phương làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức cho học sinh.	CBQL, GVCN	Quy chế phối hợp	Trong các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT đạt hiệu quả cao. Nhà trường chỉ đạo tốt việc đổi mới kiểm tra đánh giá, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh. Công tác giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh có năng khiếu được quan tâm đúng mức và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp với sự tham gia tích cực của học sinh. Bên cạnh đó, một trong những yêu cầu về giáo dục toàn diện là giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đã và đang được nhà trường thực hiện sáng tạo và linh hoạt trong mọi hoạt động.

Kết quả công tác phổ cập giáo dục ở địa phương và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong trường đáp ứng được yêu cầu quy định. Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm (rèn luyện) của học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục và chất lượng ngày càng cao. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực khá, giỏi (tốt) hằng năm đạt 66%; xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) tốt, khá đạt 97%. Học sinh giỏi các cấp không ngừng tăng lên, góp phần nâng cao chất lượng, khẳng định thương hiệu của nhà trường.

- Tự đánh giá:

- + Số tiêu chí đạt Mức 1: 6/6
- + Số tiêu chí đạt Mức 2: 6/6
- + Số tiêu chí đạt Mức 3: 4/6
- + Số tiêu chí không đạt: Không

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Mở đầu:

Giáo dục Việt Nam hiện nay đang từng bước hội nhập theo xu hướng toàn cầu hóa, tiếp thu tinh hoa từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của xã hội. Trường THPT&THCS Nam Khê cũng từng bước phấn đấu vươn lên với mục tiêu trong tương lai xây dựng trường học tiên tiến hiện đại, phát triển toàn diện học sinh.

Tiêu chí 1:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, căn cứ văn bản chỉ đạo của Phòng GDĐT Uông Bí, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành và bám sát các nội dung nhiệm vụ năm học của Phòng GDĐT Uông Bí và thực tế địa phương cũng như điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng chưa có sự tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường được Chủ tịch Hội đồng trường ra Quyết định phê duyệt theo (Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) **[H8-1.8-01]**. Kế hoạch được phổ biến đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường để xin ý kiến đóng góp thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường và được ghi chép trong Sổ nghị quyết của nhà trường, nghị quyết của Hội đồng trường làm căn cứ xây dựng, điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm học **[H1-1.1-06]**. Hàng năm, nhà trường đều có Báo cáo sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện các nội dung trong Kế hoạch giáo dục đã đề ra **[H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp, có tính khả thi, sát với điều kiện của địa phương và của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa thể hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Trong các năm học tới, nhà trường sẽ nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, tổ chức lấy ý kiến của tập thể Hội đồng sư phạm nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục sát với tình hình thực tế của trường, của địa phương. Phân công Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên có kinh nghiệm tìm, nghiên cứu, tham khảo chương trình giáo dục của một số nước trong khu vực và thế giới để giới thiệu, tổ chức	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn	Trong các năm học	Không

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
các chuyên đề để tập thể giáo viên				
cùng nhau thảo luận tìm, lựa chọn mô hình, phương pháp, việc làm hay để áp dụng vào thực tế của nhà trường một cách phù hợp, đúng qui định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.				

5. Tự đánh giá: Không đạt mức 4

Tiêu chí 2:

Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 5 năm từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 trường TH&THCS Nam Khê có số lượng học sinh dao động từ 750 đến 800 em, với tổng số lớp học từ 19 đến 22 lớp. Đa số học sinh chăm ngoan, có ý thức tự học, gia đình quan tâm và phối hợp cùng nhà trường giáo dục con em để hoàn thành mục tiêu giáo dục theo kế hoạch. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên bố mẹ và người thân trong gia đình chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình. Đồng thời bản thân các em chưa có ý thức cố gắng trong học tập. Bên cạnh những học sinh có hoàn cảnh khó khăn thì nhà trường cũng có những học sinh năng khiếu cần được bồi dưỡng. Đây chính là những học sinh thuộc đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa và thể dục thể thao của nhà trường. Vì vậy, ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường yêu cầu các tổ chuyên môn đưa nội dung trên vào triển khai nội dung trong cuộc họp chuyên môn. Giao nhiệm vụ cho giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn, tổng phụ trách Đội tiến hành rà soát, đánh giá, lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, học sinh khuyết tật và học sinh năng khiếu để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo cụ thể cho từng đối tượng học sinh. Đảm bảo 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu được quan tâm, phụ đạo và bồi dưỡng; nội dung này được thể hiện trong Kế hoạch giáo dục của nhà trường, hồ sơ giáo dục đối với học sinh khuyết tật; sổ chủ nhiệm; sổ công tác Đội; sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn **[H8-1.8-05];[H24-5.2-01]; [H5-1.5-02]; [H3-1.3-03];[H4-1.4-04]; [H4-1.4-05]**. Ngoài ra, nhà trường còn làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương, cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm hỗ trợ giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen

thưởng cho các em học sinh năng khiếu đạt kết quả cao trong các cuộc thi được thể hiện trong Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường **[H1-1.1-02]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh giỏi tham gia và đạt giải trong kì thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố; trong năm học 2020-2021 nhà trường có 04 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh. Học sinh tham gia các giải thể dục thể thao cấp thành phố và cấp tỉnh đạt kết quả tốt. Đặc biệt, năm học 2023-2024, nhà trường có 01 học sinh tham gia Hội khỏe phù Đổng toàn quốc với nội dung Bóng bàn và đạt 01 huy chương bạc.

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương, các nhà hảo tâm tạo điều kiện, hỗ trợ vật chất cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và trao thưởng cho học sinh năng khiếu phát huy năng lực, sở trường của bản thân.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Đồng thời làm tốt hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp với các nhà hảo tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bên cạnh đó khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để học sinh có năng khiếu phát huy được năng lực của mình.	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn	Trong năm học	Không
GVCN cần có biện pháp tích cực phối hợp với GVBM, PHHS trong việc giúp đỡ, phụ đạo học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu kém nâng cao ý thức học tập và rèn luyện	GVCN, GVBM, PHHS	Phù hợp với tình hình thực tế	Trong năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 4

Tiêu chí 3:

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường TH&THCS Nam Khê luôn chú trọng công tác tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHKT cho học sinh. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn tìm ra những ý tưởng hay về sáng tạo KHKT và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh để tạo ra các sản phẩm dự thi. Trong 05 năm qua, nhà trường đều có học sinh tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật, cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp thành phố và đạt giải. Tuy nhiên nhà trường chưa huy động được số lượng lớn giáo viên tham gia hướng dẫn cũng như học sinh tham gia nghiên cứu KHKT, các sản phẩm sáng tạo khoa học của nhà trường tham gia thi cấp thành phố chưa đạt giải cao [H1-1.1-02]; [H14-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh phát huy, thực hiện ý tưởng để tạo sản phẩm KHKT. Dưới sự hướng dẫn của các thầy cô giáo, học sinh nhà trường đã có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ, nhiều năm có sản phẩm đạt giải trong cuộc thi KHKT, Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp thành phố.

1. Điểm yếu

Nhà trường chưa huy động được số lượng lớn giáo viên tham gia hướng dẫn cũng như học sinh tham gia nghiên cứu KHKT. Các sản phẩm tham gia thi cấp thành phố chưa đạt giải cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian	Kinh phí
Tiếp tục phát huy và nâng cao tỷ lệ học sinh nghiên cứu khoa học	Hiệu trưởng, toàn thể Hội đồng giáo dục	Theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD và Phòng GD	Các năm học	Chưa xác định
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên tham gia nghiên cứu KHKT	PHT, các TTCM	Phù hợp với Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, Kế hoạch BDTX	Các năm học	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4

Tiêu chí 4:

Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt độngT của nhà trường, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện trường TH&THCS Nam Khê được đầu tư nâng cấp, có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại. Trong phòng thư viện được trang bị 01 máy tính, 01 máy in để nhân viên thư viện làm việc, khai thác thông tin, cập nhật bổ sung dữ liệu vào phần mềm. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, ngoài hệ thống mạng cố định, thư viện còn có mạng không dây kết nối với thiết bị, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện nhà trường có nguồn tài liệu truyền thống như các loại sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện... được mua, cấp phát, bổ sung. Hàng năm, thư viện nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền giới thiệu sách, phát động phong trào văn hóa đọc, tổ chức “Ngày hội đọc sách” đã nhận được nhiều sự ủng hộ của các em học sinh và cán bộ giáo viên nhà trường. Mỗi học sinh tham gia hoạt động ủng hộ tối thiểu một đầu sách, góp phần làm phong phú tủ tài liệu cho thư viện nhà trường. Ngoài những nguồn tài liệu truyền thống, thư viện nhà trường đang từng bước khai thác nguồn tài liệu số, đáp ứng cơ

bản yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên thư viện nhà trường chưa được đầu tư hệ thống máy tính để cho học sinh học tập ở thư viện có thể truy cập, chủ động khai thác thông tin, tìm hiểu sách điện tử tham khảo. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của thư viện nhà trường chưa phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế [H20-3.6-01]; [H6-1.6-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường TH&THCS Nam Khê đã trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Thư viện nhà trường được đầu tư nâng cấp, có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, hệ thống đường mạng cố định và mạng không dây tốt, ổn định, đáp ứng được các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

- Nhà trường không có nhân viên thư viện chuyên trách, mà chỉ có giáo viên kiêm nhiệm công tác thư viện, nên việc sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, khai thác tài liệu số chưa thật sự khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện	Thời gian	Nguồn kinh phí
Tiếp tục đảm bảo tiêu chuẩn Thư viện đạt chuẩn cấp độ 1. Hàng năm thực hiện tốt mua sắm sách, tài liệu bổ sung cho thư viện theo quy định.	Hiệu trưởng; PHT, TCM, Kế toán	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong các năm học	Ngân sách
Cử giáo viên kiêm nhiệm đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thư viện (đề xuất với UBND TP, PGD&ĐT Uông Bí xin biên chế giáo viên chuyên trách thư viện về trường làm việc)	Hiệu trưởng	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong năm học	Không
Mua sắm, đầu tư hệ thống máy tính phục vụ học sinh trong học tập, nghiên cứu tại thư viện	Hiệu trưởng Kế toán	Phù hợp với các quy định hiện hành	Trong các năm học	Ngân sách
Phấn đấu đạt thư viện Tiên tiến	Hiệu trưởng, NV phụ trách	Đảm bảo các tiêu chuẩn theo QĐ 01/Bộ GDĐT	Năm học 2024-2025	Ngân sách

5. Tự đánh giá: Không đạt mức 4

Tiêu chí 5:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng Kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 sát thực tế nguồn lực của nhà trường và địa phương, được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kèm theo quyết định số 139/QĐ-PGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 [H1-1.1-01]. Trong 05 năm học qua, nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu trong mọi hoạt động nhằm hoàn thành các mục tiêu củ phương hướng, chiến lược phát triển đề ra, cụ thể tỷ lệ xét tốt nghiệp đạt 100%, GVCNG và GVDG cấp trường, cấp thành phố và kết quả giáo dục học sinh tăng hơn so với chu kỳ trước. Cảnh quan sư phạm nhà trường ngày càng xanh - sạch - đẹp hơn, nhiều phòng học được lắp đặt máy chiếu hoặc ti vi. Nhà trường đã trang bị tốt hệ thống camera an ninh giám sát toàn bộ nhà trường,... Tuy nhiên mục tiêu đề nghị UBND thành phố giao biên chế cho nhà trường 01 nhân viên thư viện có trình độ đào tạo về làm việc để nhà trường nhà trường không phải phân công cho giáo viên được cử đi bồi dưỡng công tác thư viện về nhiệm vụ chưa hoàn thành; mục tiêu theo Luật giáo dục 2019 về trình độ giáo viên đến hiện giờ vẫn chưa hoàn thành vì vẫn còn 01 giáo viên đang có trình độ Cao đẳng [H1-1.1-02].

Kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường được phổ biến đầy đủ tới toàn thể CB, GV, NV, học sinh, CMHS thông qua các cuộc họp của nhà trường, cuộc họp CMHS đồng thời được niêm yết tại bảng công khai nhà trường và được đăng tải trên website của nhà trường để toàn thể CB, GV, NV, học sinh, CMHS để thực hiện theo địa chỉ:

<http://uongbi.quangninh.edu.vn/thcsnamkhe1/Home.aspx>;

<http://uongbi.quangninh.edu.vn/thbachdang1/Home.aspx>

[H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Trong quá trình thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển, nhà trường đã rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho sát với tình hình thực tế của đơn vị có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV và CMHS [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09].

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu trong mọi hoạt động nhằm hoàn thành các mục tiêu của phương hướng, chiến lược đề ra ở mức độ 2. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang, sạch đẹp; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao... được cấp trên đánh giá, ghi nhận hàng năm.

Trong quá trình thực hiện phương hướng chiến lược phát triển, nhà trường luôn rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược đảm bảo sát với tình hình thực tế của đơn vị. Quá trình rà soát, điều chỉnh luôn có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể CB, GV, NV, CMHS và được công khai trên các kênh thông tin của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa hoàn thành được mục tiêu phát triển đội ngũ theo Kế hoạch chiến lược phát triển vì hiện nay nhà trường đang thiếu 01 biên chế nhân viên thư viện có trình độ đào tạo; nhà trường đã làm văn bản trình UBND thành phố xin 01 biên chế nhân viên thư viện có trình độ đào tạo nhưng chưa được giải quyết.

Hiện tại vẫn còn 01 giáo viên đang có trình độ chuyên môn cao đẳng, vì vấn đề sức khỏe nên giáo viên chưa sắp xếp được thời gian đi học để nâng trình độ đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
Tiếp tục phấn đấu hoàn thành các mục tiêu trong phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường, đặc biệt tỉ lệ xét tốt nghiệp đạt 100%, nâng tỉ lệ GVG cấp thành phố, cấp tỉnh và chất lượng 2 mặt giáo dục học sinh; tăng cường công tác chỉnh trang khuôn viên nhà trường ngày càng xanh-sạch-đẹp.	CBQL, GV, HS	Kế hoạch phát triển chiến lược của nhà trường	Trong các năm học	Ngân sách trường, nguồn Xã hội hóa
Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên đang đảm nhiệm công tác thư viện, thiết bị sắp xếp, bố trí thời gian tham gia lớp bồi	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch phát triển chiến lược của nhà trường, Kế hoạch bồi	Trong năm học 2024-2025	Ngân sách trường
dưỡng chuyên ngành về thư viện, thiết bị.		dưỡng, phát triển đội ngũ		
Tiếp tục động viên cho 01 giáo viên đang có trình độ cao đẳng đi học để nâng cao trình độ Đại học. Khuyến	CBQL, GV	Kế hoạch phát triển chiến lược của nhà trường, Kế	Trong năm học 2024-2025	Cá nhân giáo viên chi trả

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
khích giáo viên đi học lớp thạc sĩ.		hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, Kế hoạch bồi dưỡng của trường Đại học		

5. Tự đánh giá: Không đạt mức 4.

Tiêu chí 6:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế-xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm qua, kết quả giáo dục về học lực và rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực và được thể hiện rõ trong bảng tổng hợp xếp loại hai mặt giáo dục của nhà trường, qua sổ theo dõi đánh giá học sinh [H23 - 5.1 - 04]; [H5 - 1.5 - 05]. Hàng năm tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học là 98,6% trở lên, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 100% . Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS được quan tâm giúp học sinh có sự định hướng và lựa chọn học tiếp hoặc đi học nghề một cách đúng đắn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của bản thân. Trong năm học 2023-2024, hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đã đạt được thành tích vượt trội, nhà trường có 01 học sinh tham gia thi Hội khỏe Phù Đổng môn bóng bàn và đạt huy chương vàng cấp tỉnh, huy chương bạc cấp quốc gia. Tuy nhiên kết quả HSG của nhà trường chưa ổn định giữa các năm, số học sinh đạt giải HSG cấp tỉnh còn ít, các hoạt động khác của nhà trường chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng [H1-1.1- 02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi và xếp loại rèn luyện mức khá, tốt đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giáo dục đề ra. Trong năm học 2023-2024, hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đạt được thành tích nổi bật, có học sinh đạt giải tại Hội khỏe Phù Đổng cấp toàn quốc.

3. Điểm yếu

Kết quả HSG cấp thành phố của nhà trường chưa ổn định giữa các năm, số học sinh đạt giải HSG cấp tỉnh còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian	Kinh phí
Tiếp tục phát huy các thành tích nổi bật của học sinh trong lĩnh vực thể thao. Nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng mũi nhọn và các hoạt động khác của nhà trường.	CB, GV, NV nhà trường	Phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường	Các năm học	Không
Tăng cường công tác lựa chọn, bồi dưỡng đội tuyển HSG cấp thành phố, cấp tỉnh ở các môn văn hóa	CBQL, TCM, GV	Kế hoạch bồi dưỡng HSG, phụ đạo HSY	Các năm học	Ngân sách trường

5. Tự đánh giá: Không đạt mức 4

Kết luận về Tiêu chí mức 4:

Trong 05 năm học qua, nhà trường đã nỗ lực phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng phát triển. Kế hoạch giáo dục được nhà trường xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đơn vị, tiếp cận xu thế giáo dục hiện nay nhằm phát triển năng lực, phẩm chất toàn diện cho học sinh. Nhà trường quan tâm đến tất cả đối tượng học sinh, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu được nhà trường, quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ, bồi dưỡng đảm bảo cho các em có điều kiện tốt nhất để học tập, rèn luyện, phát huy năng lực của mình. Với học sinh năng khiếu, tạo môi trường cho các em sáng tạo phát triển, phân công giáo viên có chuyên môn tốt, nhiệt huyết ôn luyện. Với học sinh khó khăn, động viên khích lệ, giúp đỡ về vật chất và tinh thần giúp các em tự tin vươn lên.

Với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể nhà trường, 05 năm qua, nhà trường đã giữ vững kết quả về chất lượng giáo dục. Tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi; học sinh có hạnh kiểm tốt các năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giáo dục đề ra. Tuy nhiên kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa tham khảo kế hoạch giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực. Nhà trường hoàn thành chưa trọn vẹn tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển,

- Tự đánh giá:

+ Số tiêu chí đạt: 2/6

+ Số tiêu chí không đạt: 4/6

C. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là báo cáo công tác tự đánh giá của trường TH&THCS Nam Khê. Báo cáo tự đánh giá giúp các cấp quản lý giáo dục, tập thể CB, GV, NV và cha mẹ học sinh đánh giá kết quả của nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Qua bản báo cáo này, nhà trường thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Tập thể CB, GV, NV nhà trường hết sức tự hào bởi những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về công tác quản lý và tổ chức nhà trường, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất, công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh. Đặc biệt kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan về chất lượng giáo dục của nhà trường. Những thành tích đạt được chính là động lực để nhà trường không ngừng phấn đấu, nâng cao chất lượng toàn diện, từng bước phát triển, đáp ứng các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia.

Bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại hạn chế cần rút ra bài học kinh nghiệm từ quá trình tự đánh giá. Nhà trường tiếp tục đề ra các biện pháp cải tiến chất lượng, khắc phục các tồn tại hạn chế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 5932/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn 3106 ngày 23/11/2018 của Sở GDĐT Quảng Ninh V/v thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia, trường TH&THCS Nam Khê tổng hợp kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

- Các tiêu chí đạt Mức độ 1: $28/28 = 100\%$
- Các tiêu chí đạt Mức độ 2: $28/28 = 100\%$
- Các tiêu chí đạt Mức độ 3: $12/20 = 60\%$
- Các tiêu chí đạt Mức độ 4: $2/6 = 33,3\%$

Mức đánh giá của trường TH&THCS Nam Khê: Mức độ 2

Trường TH&THCS Nam Khê đề nghị đạt:

- Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2.
- Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Uông Bí , ngày 16 tháng 6 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ

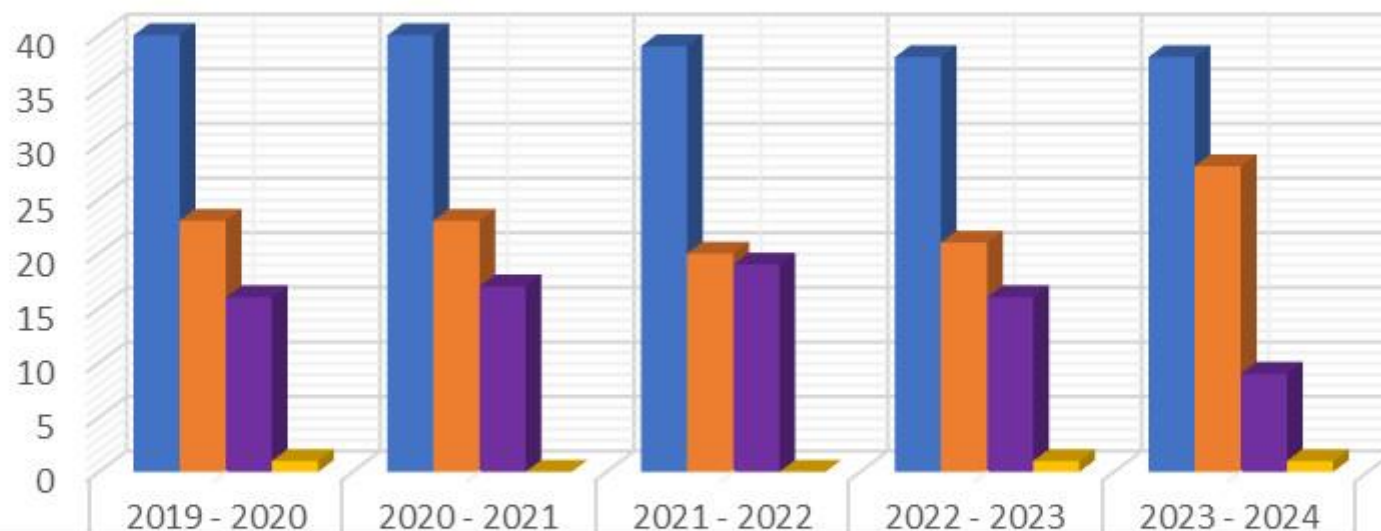


Nguyễn Thu Trang
(Hiệu trưởng)

PHẦN III: PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

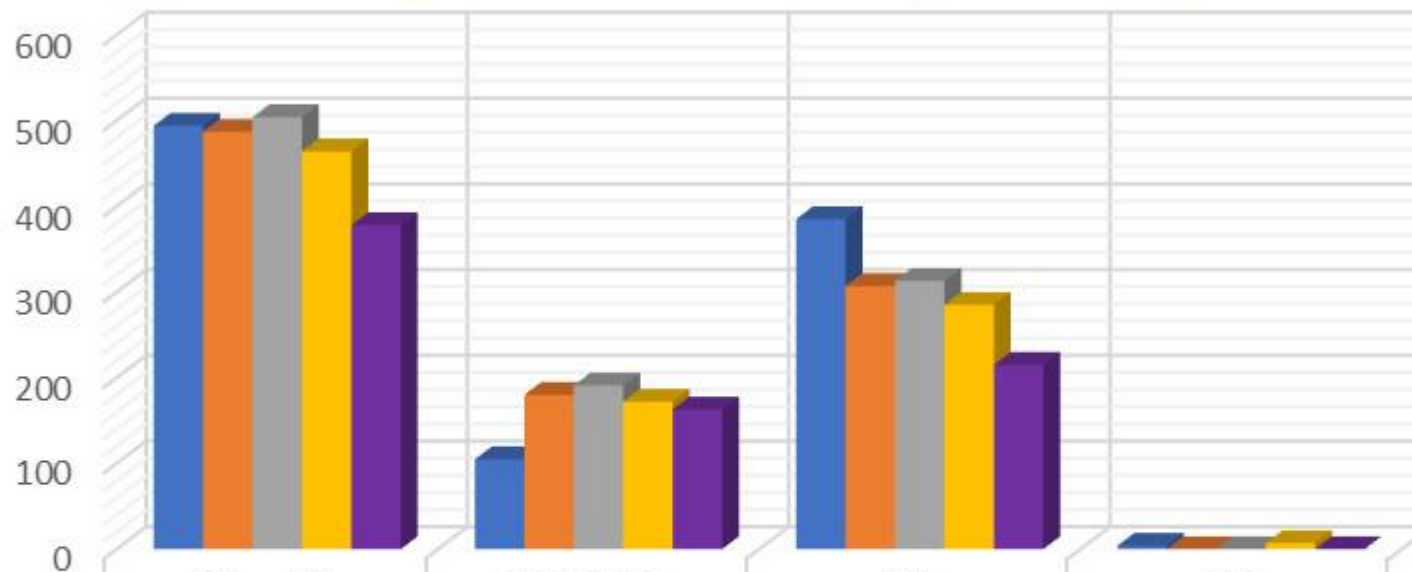
■ TỔNG SỐ GV ■ Tốt ■ Khá ■ Đạt



TỔNG SỐ GV	40	40	39	38	38
Tốt	23	23	20	21	28
Khá	16	17	19	16	9
Đạt	1	0	0	1	1

BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ HỌC TẬP CUỐI NĂM CẤP TH

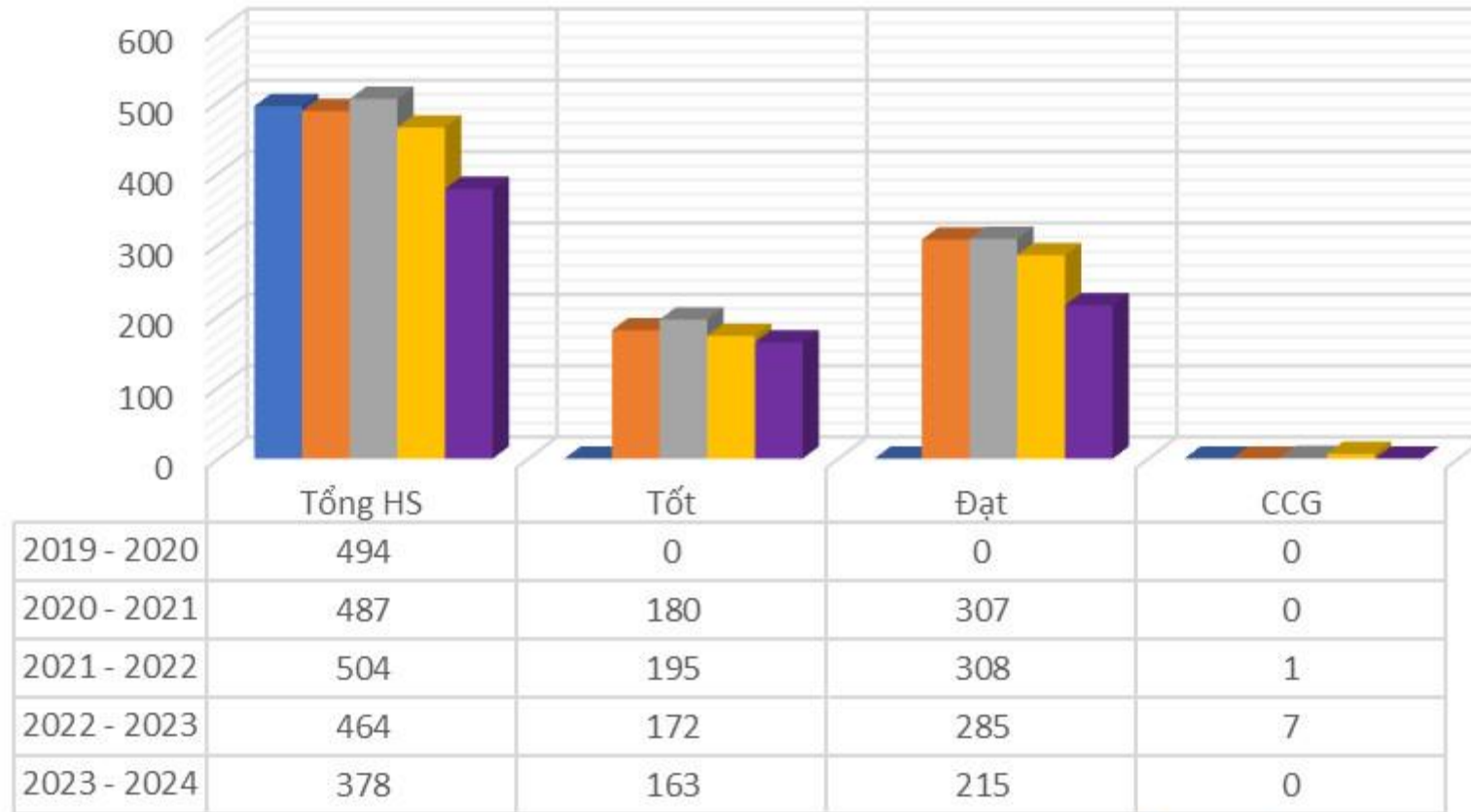
■ 2019 - 2020
 ■ 2020 - 2021
 ■ 2021 - 2022
 ■ 2022 - 2023
 ■ 2023 - 2024



	Tổng HS	HTXS/HHT	HT	CHT
2019 - 2020	494	105	385	4
2020 - 2021	487	180	307	0
2021 - 2022	504	191	313	0
2022 - 2023	464	172	285	7
2023 - 2024	378	163	215	0

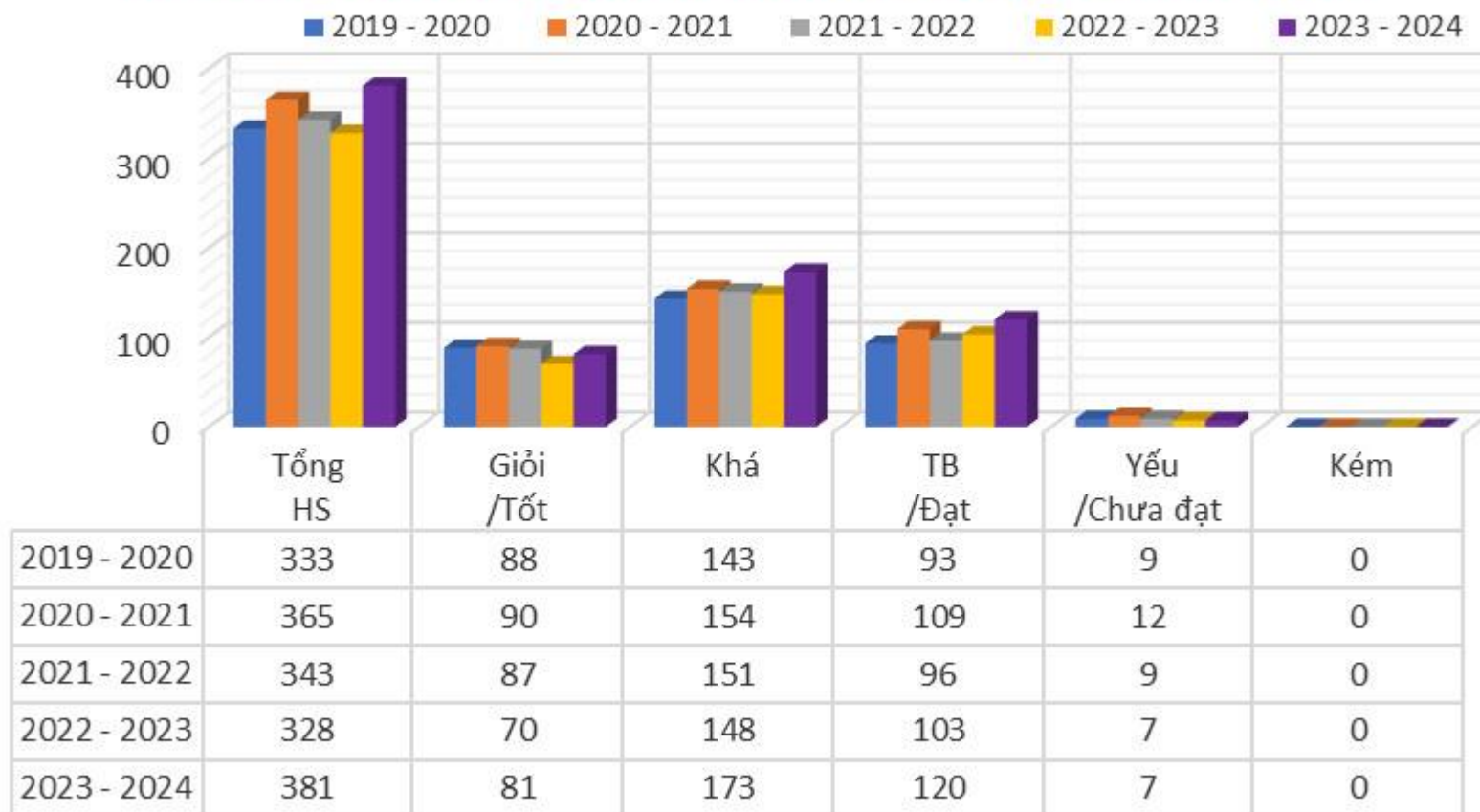
BIỂU ĐỒ NĂNG LỰC PHẨM CHẤT CUỐI NĂM CẤP TH

■ 2019 - 2020 ■ 2020 - 2021 ■ 2021 - 2022 ■ 2022 - 2023 ■ 2023 - 2024



Năm 2019 chưa thực hiện đánh giá năng lực phẩm chất

BIỂU ĐỒ KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC/HỌC TẬP HỌC SINH CẤP THCS



TỔNG HỢP HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP

■ Cấp TP/Tỉnh ■ Cấp Quốc gia

